



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số: 30883

“Cung cấp dịch vụ Kiểm tra hệ thống bảo vệ điện hóa (Cathodic Protection System) của các bồn chứa và ống dẫn khí trên bờ của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn (NCSP), năm 2026”

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Bên Mời Thầu



Nguyễn Đình Định
Trưởng Phòng Kinh Doanh



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu qua mạng
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu qua mạng
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu qua mạng
Chủ đầu tư/ Bên mời thầu/ NCSP	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ống KHÍ NAM CÔN SƠN
Tổng công ty	TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
Quy định của Tổng công ty	Quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ https://muasamcong.mpi.gov.vn/
VND	Đồng Việt Nam

**** Hồ sơ mời thầu này được xây dựng dựa trên:**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ngày 15/12/2000 được ký kết giữa 3 Chủ đầu tư của NCSP.
- “Quy định về Lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP” ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11/04/2024 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam
- Công ty cổ phần (PVGas);
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn hiện hành
- Các quy định pháp luật khác có liên quan



MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT, cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính; và
- Mục 5: Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)
là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSĐT.

Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào các biểu mẫu tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSĐT trên Hệ thống và *đăng tải các file đính kèm lên Hệ thống.*

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng (theo Biểu mẫu hợp đồng)

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (theo Biểu mẫu hợp đồng)

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên hệ thống.



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong</p>



	<p>lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;</p> <p>h) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà</p>
--	---



	<p>thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng điều kiện sau đây:</p> <p>5.1. Là Đơn vị trực thuộc hoặc Công ty con của Tổng công ty.</p> <p>5.2. Nhà thầu không thuộc Khoản 5.1 Mục này đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu vận dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn.</p> <p>5.3. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p>



	<p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d và g, Khoản 5.2 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4, cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ.</p>



	<p>Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Bên mời thầu và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh <i>Hệ thống trích xuất</i> theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo qui định tại Mục 16 E-CDNT;</p>



	<p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo qui định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</p>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.</p>
<p>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</p>	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
<p>13. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu điền giá vào Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất (cơ sở cho Biên bản mở thầu) <i>đồng thời Scan Bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 lên Hệ thống.</i></p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong Bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần</p>



	<p>của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSĐT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSĐT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSĐT</p>	<p>17.1. E-HSĐT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn qui định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSĐT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSĐT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSĐT thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong</p>



	<p>trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</p> <p>18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu</p>



nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn



	<p>10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư</p>



	<p>và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu;



	<p>- Tổng số nhà thầu tham dự.</p> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện</p>



	<p>việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p>



	<p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ <i>(không áp dụng)</i></p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu thì sẽ bị xử lý theo quy định e tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>27.6 Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT;</p>



	thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	<p>28.1. Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút</p>



	<p>gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu cung cấp không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong nội dung đánh giá về tư cách hợp lệ và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.3. <u>Quy trình 1</u> (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p>



- Đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT;

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá;

- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất):

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu không bao gồm thuế VAT, nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT sau khi sửa lỗi, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT sau khi sửa lỗi, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

29. 5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:

a) Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự



bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu “không đạt” ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform



	<p>và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm đã được đánh giá là “đạt” theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là “không đạt” thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ “đạt” thành “không đạt”. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSĐT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
<p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có E-HSĐT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3</p>



	<p>Chương III;</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt, làm căn cứ phê duyệt trúng thầu theo qui định tại E-BDL.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, báo giá không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Tổng Công ty hoặc thực hiện trái với, quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Giá dự thầu/ đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà Cấp có thẩm quyền xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định;</p> <p>đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>e) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>f) Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm đ và điểm e Mục 32.1 E-CDNT.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư;



	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII</p>



	<p>cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Biểu mẫu hợp đồng thuộc Chương VIII. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN (NCSP).
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: “Cung cấp dịch vụ kiểm tra hàng năm hệ thống bảo vệ điện hóa (Cathodic Protection System) của các bồn chứa và ống dẫn khí trên bờ của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn (NCSP)”.</p> <p>Tên dự án/ dự toán mua sắm: “Cung cấp dịch vụ kiểm tra hàng năm hệ thống bảo vệ điện hóa (Cathodic Protection System) của các bồn chứa và ống dẫn khí trên bờ của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn (NCSP)”</p> <p>Thời gian thực hiện gói thầu: <i>trong vòng 45 ngày liên tục kể từ ngày ký hợp đồng (Công việc thực hiện tại hiện trường phải bắt đầu từ 05/01/2026)</i></p> <p>Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này</p>
E-CDNT 3	<p>Nguồn vốn: <i>Vốn sản xuất kinh doanh.</i></p> <p>(Áp dụng Quy định về lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11 tháng 04 năm 2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần)</p>
E-CDNT 7.5	<p>Hội nghị tiền đầu thầu: Không.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thời gian: __ giờ 00, ngày __ tháng __ năm 2025 ▪ Địa điểm tổ chức hội nghị tiền đầu thầu/khảo sát: CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN (NCSP) Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn, Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh ▪ Số điện thoại người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị/khảo sát: Điện thoại: (0254) 3864100 ext. 2331 Người liên hệ: Dương Thanh Hà – Chuyên viên cấp cao Phòng Hợp đồng & Cung ứng Vật tư Email: ha.duong@ncsp.com.vn <p>Khảo sát hiện trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ngày 25/11/2025, từ 08 giờ 30 đến 16 giờ 30 <p><i>Nhà thầu có nhu cầu đi khảo sát hiện trường, vui lòng liên hệ địa chỉ nêu trên để đăng ký và được hướng dẫn cụ thể.</i></p>
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: theo qui định của Hệ thống https://muasamcong.mpi.gov.vn/
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: <i>như yêu cầu trong E-HSMT</i>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu <i>không</i> được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.



E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 60 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm dự thầu: 21.700.000đ (Hai mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng). <p>Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 28.2	<p>Cách tính ưu đãi: theo quy định của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.</p> <p>Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng.
E-CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: <i>Đạt/ Không đạt</i> - Đánh giá về kỹ thuật: <i>Đạt/ Không đạt</i> - Đánh giá về tài chính: <i>áp dụng Phương pháp giá thấp nhất</i>
E-CDNT 29.3(đ)	Xếp hạng nhà thầu: <i>Nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT, sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.</i>
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: <i>Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.</i>



E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%.
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: <i>không áp dụng</i> theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%
E-CDNT 38.2	<p>Người có thẩm quyền:</p> <p>CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh Tel: (0254) 3 864100; Fax: (0254) 3 864099</p> <p>Người nhận: Dương Thanh Hà – Chuyên viên cấp cao Phòng Hợp đồng – Cung ứng Vật tư Email: ha.duong@ncsp.com.vn</p> <p>C/c: Nguyễn Đắc Diệu Phương Trưởng nhóm Hợp đồng – Cung ứng Vật tư Email: phuong.nguyen@ncsp.com.vn</p> <p>Nguyễn Đình Định - Trưởng Phòng Kinh Doanh Email: dinh.nguyen@ncsp.com.vn</p>



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
2. Thời gian có hiệu lực của E-HSDT đáp ứng yêu cầu của Mục CDNT 17.1;
3. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy;

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

4. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 07 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
5. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;
6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;



7. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;
8. Có văn bản cam kết mở bảo đảm thực hiện hợp đồng theo qui định của E-HSMT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

2.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.



BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

CÁC TIÊU CHÍ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM		CÁC YÊU CẦU CÁN TUẦN THỬ			Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	YÊU CẦU	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
			Nhà thầu liên danh	Nhà thầu liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu; và Không có kết quả đánh giá nào ở mức 'yếu', 'kém' hoặc 'không đáp ứng yêu cầu hợp đồng' trong bất kỳ nội dung nào của các đánh giá hoàn thành công việc theo hệ thống của NCSP, đối với các công tác khảo sát CP mà Nhà thầu đã thực hiện trước đây cho NCSP.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó, Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: <i>Thực hiện kiểm tra và khảo sát hệ thống bảo vệ ca tót (Cathodic Protection system) cho đường ống chôn ngầm trên đất liền và bao gồm công việc khảo sát điện thế khoảng cách gần (Close Interval Potential Survey – CIPS). Trong đó:</i> + hoàn thành thành công ít nhất ba (03) khảo sát CP cho các tuyến ống trên bờ; + hoàn thành thành công ít nhất một khảo sát CP (bao gồm cả CIPS) cho tuyến ống trên bờ trong khoảng thời gian từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu. (các khảo sát nêu trên có thể thuộc 1 hoặc nhiều hợp đồng). - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 217.272.000 VND (bao gồm VAT).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05



2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được quy định trong bảng dưới đây. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

TT	VỊ TRÍ CÔNG VIỆC	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/ trình độ chuyên môn
1	Đội trưởng đội khảo sát	01 nhân sự	* ≥ 10 năm kinh nghiệm trong thiết kế, lắp đặt và khảo sát CP; * đã thực hiện ≥ 3 công tác CIPS cho các tuyến ống trên bờ; và * đã thực hiện ≥ 3 khảo sát CP cho các tuyến ống trên bờ tại Việt Nam.	
2	Nhóm khảo sát hiện trường	Tối thiểu 03 nhân sự	- ≥ 3 năm kinh nghiệm trong khảo sát CP và đã thực hiện ≥ 1 khảo sát CIPS cho các tuyến ống trên bờ; - tối thiểu 1 nhân sự đã thực hiện ≥ 5 lần khảo sát CIPS cho các tuyến ống trên bờ.	- Ít nhất một thành viên trong nhóm phải có chứng chỉ NACE CP Tester (CP 1) còn hạn (*); - Ít nhất một thành viên khác trong nhóm phải có chứng chỉ NACE CP Technologist (CP 3) còn hạn (*).



GHI CHÚ:

- Nhà thầu kê khai lý lịch nhân sự theo Mẫu số 6A, 6B, 6C thuộc Chương IV, E-HSMT và nộp kèm bản chụp các chứng chỉ/ bằng cấp theo yêu cầu nêu trên.
- (*) Trường hợp nhà thầu có cung cấp chứng chỉ của nhân sự nhưng chứng chỉ đã hết hạn (tối đa 60 ngày trước thời điểm đóng thầu) hoặc chứng chỉ sẽ hết hạn trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu cam kết (theo mẫu 12 Chương IV) cung cấp chứng chỉ mới trước thời điểm thực hiện công việc.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về vật tư, thiết bị chủ yếu

Các thiết bị và dụng cụ tối thiểu cần có cho công tác khảo sát như liệt kê tại bảng dưới đây.

Các thiết bị đo lường và dụng cụ khảo sát phải đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn NACE SP207-2007 và NACE TM497-2022. Nhà thầu phải có đủ thiết bị dự phòng để đảm bảo khảo sát không bị gián đoạn.

Các thiết bị đo phải được hiệu chuẩn và chứng nhận hiệu chuẩn còn hiệu lực trước khi huy động phục vụ khảo sát.

TT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	HIGH IMPEDANCE MULTIMETER/ ĐỒNG HỒ VẠN NĂNG TRỞ KHÁNG CAO	1
2	CURRENT CLAMP-ON AMPMETER/ AMPE KẾ KÌM	1
3	PORTABLE COPPER/ COPPER SULFATE REFERENCE ELECTRODES ĐIỆN CỰC THAM CHIẾU CUSO ₄	2



TT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
4	CONNECTING CABLES AND CLAMPS/ <i>CÁP KẾT NỐI VÀ ĐẦU KẸP</i>	1
5	RADIO FREQUENCY INSULATION TESTER/ <i>ĐỒNG HỒ KIỂM TRA MẬT BÍCH CÁCH ĐIỆN</i>	1
6	DATA LOGGER (AI ALLEGRO MX FIELD PC OR EQUIVALENT)/ <i>THIẾT BỊ GHI DỮ LIỆU</i>	1
7	SURVEY PROBE/ <i>ĐẦU DÒ KHẢO SÁT</i>	1
8	FAST-CYCLE CURRENT INTERRUPTERS/ <i>MÁY NGẮT DÒNG CHU KỲ NHANH</i>	3

- c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật E-HSDT của nhà thầu như qui định tại bảng sau đây.

Bảng 04 – Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
A	TỔ CHỨC - THI CÔNG		
1	Nhà thầu cần cung cấp sơ đồ tổ chức dự án bao gồm các nhân sự thực hiện tại công trường và các nhân sự hỗ trợ từ xa. <i>Nhà thầu cung cấp thông tin liên lạc (bao gồm: họ và tên, email, điện thoại) của nhân sự là điều phối viên dự án.</i>	- Có cung cấp sơ đồ tổ chức cho dự án (bao gồm các thông tin chi tiết đáp ứng yêu cầu)	- Không cung cấp, hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu.
2	Nhà thầu cung cấp Biện pháp thực hiện <u>đầy đủ, chi tiết, rõ ràng</u> , bao gồm tất cả các yêu cầu nêu trong tài liệu “Phạm vi công việc”. 1. "Đầy đủ" có nghĩa phải bao gồm tất cả các nội dung sau đây: * Phương pháp đo kiểm tra hệ thống bảo vệ cathodic (CP) cho phần đường ống bờ và bể chứa;	Có cung cấp Biện pháp thực hiện đáp ứng tất cả các yêu cầu như quy định	Không cung cấp Biện pháp thực hiện; hoặc có cung cấp nhưng không đáp ứng các yêu cầu như quy định



TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
	<p>* Phương pháp kiểm tra ảnh hưởng dòng AC/DC lên đường ống (AC/DC Interference testing);</p> <p>* Phương pháp khảo sát CIPS.</p> <p>2. “Chi tiết” có nghĩa các phương pháp đưa ra phải bao gồm các bước thực hiện rõ ràng, thông tin cụ thể.</p> <p>3. "Rõ ràng" có nghĩa các phương pháp phải được diễn giải một cách đơn giản, dễ hiểu, dễ theo dõi.</p> <p>4. Phương pháp thực hiện phải bám sát các nội dung trong Phạm vi công việc</p>		
B	TIẾN ĐỘ		
3	<p>Nhà thầu cung cấp bảng kế hoạch thực hiện chi tiết, đảm bảo hoàn thành công việc trong thời gian quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổng thời gian thực hiện dịch vụ: <i>không quá 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.</i> Thời gian thực hiện tại công trường <i>tối đa là 22 ngày</i>, bắt đầu từ 05/01/2026 và hoàn thành trong tháng 01/2026. 	<p>- Có bảng kế hoạch thực hiện chi tiết với thời gian thực hiện tại công trường không quá 22 ngày và tổng thời gian hoàn thành dịch vụ không quá 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.</p>	<p>Không có bảng kế hoạch thực hiện chi tiết; hoặc có nhưng không đảm bảo hoàn thành công việc trong thời gian quy định.</p>
C	CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU		
4	<p>Nhà thầu có cam kết tuân thủ các quy định về an toàn của NCSP và các quy định có liên quan khác khi thực hiện công việc</p>	<p>Có văn bản cam kết tuân thủ đầy đủ các nội dung như yêu cầu.</p>	<p>Không có văn bản cam kết hoặc có văn bản cam kết nhưng không đầy đủ các nội dung như yêu cầu.</p>
	KẾT LUẬN	<p>ĐẠT: <i>Tất cả các nội dung/ yêu cầu nêu trên được đánh giá “Đạt”</i></p>	<p>KHÔNG ĐẠT: <i>Có bất kỳ nội dung/ yêu cầu nào nêu trên được đánh giá “Không đạt”</i></p>

Ghi chú:

- NCSP có quyền yêu cầu nhà thầu trình bản gốc của các bản sao chứng chỉ, hồ sơ, ... để so sánh, đối chiếu trong quá trình đánh giá E-HSDT và thương thảo hợp đồng.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.



Mục 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế VAT;
- Bước 2. Sửa lỗi theo qui định tại ghi chú (1) dưới đây;
- Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch theo qui định tại ghi chú (2) dưới đây;
- Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có);
- Bước 5. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;
- Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

** GHI CHÚ:

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:
 - a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo chi phí cộng phí, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;
 - b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi;
 - c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b nêu trên;
 - d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo nguyên tắc này khác với số lượng nêu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 2 – Hiệu chỉnh sai lệch về Phạm vi cung cấp dưới đây;
 - e) Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
2. Hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp:
 - a) Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn:
Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công



việc thì được coi là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu thì được coi là phần chào thiếu trong hồ sơ dự thầu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này.

Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục theo quy định tại điểm a khoản này và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong hồ sơ dự thầu của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

3. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.
4. Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất:
Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b Mục 2 nêu trên vẫn được xếp hạng thứ nhất và hồ sơ dự thầu của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các hồ sơ dự thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu).
5. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 nêu trên, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu thì hồ sơ



dự thầu của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của bên mời thầu không phù hợp, chính xác.

Mục 5. PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ TRONG E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng

Mục 6. TRƯỜNG HỢP GÓI THẦU CHIA THÀNH NHIỀU PHẦN ĐỘC LẬP (nếu có)

Không áp dụng



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

TT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Phạm vi Cung cấp	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Webform		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	Webform		X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Cam kết trong đơn dự thầu		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
6	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
7	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
8	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
10	Mẫu số 6D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
11	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
12	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu (<i>không áp dụng</i>)			
13	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ (<i>không áp dụng</i>)			
14	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu			X
15	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
16	Mẫu số 11. Bảng Tổng hợp giá dự thầu		X	
	Mẫu số 11A. Bảng chào giá chi tiết		X	
17	Mẫu số 12. Bản cam kết		X	



PHẠM VI CUNG CẤP

Nhà thầu cung cấp nhân lực, vật tư, trang thiết bị và thực hiện “DỊCH VỤ KIỂM TRA HÀNG NĂM HỆ THỐNG BẢO VỆ ĐIỆN HÓA CỦA CÁC BÓN CHỨA VÀ ÓNG DẪN KHÍ TRÊN BỜ CỦA NCSP”, bao gồm:

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ
1	DỊCH VỤ KIỂM TRA HÀNG NĂM HỆ THỐNG BẢO VỆ ĐIỆN HÓA CỦA CÁC BÓN CHỨA VÀ ÓNG DẪN KHÍ TRÊN BỜ CỦA NCSP	Chi tiết tại tài liệu “Phạm vi Công việc” thuộc Chương V, E-HSMT này	01	Gói	Tuyến ống dẫn khí trên bờ và nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn của NCSP, tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. HCM.	Trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng



Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾**

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế _____, cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;



7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này;

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.



Mẫu số 03 (Webform)**THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾**

Ngày: ____

Gói thầu: ____

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ____

Căn cứ⁽²⁾ ____Căn cứ⁽²⁾ ____

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ với số E-TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____

Mã số thuế: ____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____

Mã số thuế: ____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: ____

Mã số thuế: ____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:



Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:



STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu thuộc dự án/ dự toán mua sắm theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]



Ghi chú:

- (1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu
- (2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.



Mẫu số 04A (Scan đính kèm)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU SỐ: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung



trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



Mẫu số 04B (Scan đính kèm)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng Trong trường hợp nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh:___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh:___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;



6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại **E-TBMT**. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



Mẫu số 05 (Scan đính kèm lên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.



Mẫu số 06A (Scan đính kèm lên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của nhà thầu và ghi thông tin về lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong E-HSDT]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		



BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Stt	Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại				
	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]			
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải chuẩn bị tài liệu chứng minh các nội dung đã kê khai để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu.



Mẫu số 06D (Không yêu cầu)**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2024/NĐ-CP.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		



Mẫu số 07 (Scan đính kèm)**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Không có kết quả đánh giá nào ở mức 'yếu', 'kém' hoặc 'không đáp ứng yêu cầu hợp đồng' trong bất kỳ nội dung nào của các đánh giá hoàn thành công việc theo hệ thống của NCSP, đối với các công tác khảo sát CP mà Nhà thầu đã thực hiện trước đây cho NCSP.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.



Mẫu số 08 (Không áp dụng)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

**** LƯU Ý:** Nhà thầu nộp kèm bản chụp báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 3 năm kê khai nêu trên

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.



Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.



Mẫu số 09A (không áp dụng)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾**

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.



Mẫu 09B (Scan đính kèm lên Hệ thống)

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.



BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	DỊCH VỤ KIỂM TRA HÀNG NĂM HỆ THỐNG BẢO VỆ ĐIỆN HÓA CỦA CÁC BÓN CHỨA VÀ ÓNG DẪN KHÍ TRÊN BÓ CỦA NCSP	Chi tiết tại tài liệu “Phạm vi công việc” thuộc Chương VI, E-HSMT	01	Gói	Tuyến ống dẫn khí trên bờ và Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn của NCSP, tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh	Trong vòng tối đa 45 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng và Thời gian thực hiện tại công trường <i>tối đa là 22 ngày</i> , bắt đầu từ 05/01/2026 và hoàn thành trong tháng 01/2026	

Ghi chú:

- Cột (8): Nhà thầu điền.
- Nhà thầu cung cấp bảng kế hoạch/ tiến độ chi tiết theo yêu cầu tại mục B3, bảng 04 – Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật, thuộc Mục 3, Chương III, E-HSMT này.



Mẫu số 11

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	DỊCH VỤ KIỂM TRA HÀNG NĂM HỆ THỐNG BẢO VỆ ĐIỆN HÓA CỦA CÁC BỒN CHỨA VÀ ỐNG DẪN KHÍ TRÊN BỜ CỦA NCSP	(A) <i>[Kết chuyển từ Mẫu 11A]</i>
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	(V) <i>(bao gồm VAT)</i>



BẢNG CHÀO GIÁ CHI TIẾT

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC/ DỊCH VỤ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)*(5)
	DỊCH VỤ KIỂM TRA HÀNG NĂM HỆ THỐNG BẢO VỆ ĐIỆN HÓA CỦA CÁC BỒN CHỨA VÀ ÓNG DẪN KHÍ TRÊN BỜ CỦA NCSP, bao gồm:				
1	Thực hiện kiểm tra hệ thống CP (đường ống và bể chứa), kiểm tra AC/ DC Interference, lập báo cáo khảo sát theo yêu cầu của “Phạm vi công việc”	Gói	01	_____	_____
2	Thực hiện khảo sát CIPS bao gồm lập báo cáo khảo sát theo yêu cầu của “Phạm vi công việc”	Km	3,34	_____	_____
	CỘNG				A
	Thuế VAT (_ %)				b
	TỔNG GIÁ CHÀO THẦU (trọn gói, bao gồm VAT _ %)				V

GHI CHÚ:

- Nhà thầu chào giá vào các cột/ dòng/ hạng mục ở bảng trên;
- Nhà thầu tuân thủ các công thức tính toán đã hướng dẫn để tính toán số liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đưa ra

“CỘNG – A trong Bảng trên chưa bao gồm thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu”

Giá trị thuế VAT sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế VAT. Thuế suất VAT áp theo thuế suất tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. (Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thuế suất VAT sẽ được điều chỉnh theo qui định thuế hiện hành tại thời điểm xuất hoá đơn.).



Mẫu 12 (scan đính kèm lên hệ thống)**BẢN CAM KẾT**

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT _____ [Ghi tên gói thầu theo E-TBMT], văn bản sửa đổi số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm E-HSMT do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu], bằng văn bản này, chúng tôi cam kết:

1. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp dịch vụ, vật tư/ hàng hóa theo đúng quy định của E-HSMT;
2. Hiểu rõ yêu cầu của Phạm vi công việc và đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung như yêu cầu trong Phạm vi công việc;
3. Cung cấp đầy đủ chứng chỉ mới, còn hiệu lực của nhân sự chủ chốt trước khi thực hiện công việc [nhà thầu bỏ câu này nếu đã có cung cấp chứng chỉ còn hiệu lực của nhân sự theo E-HSDT];
4. Mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo đúng yêu cầu của hợp đồng;
5. Cam kết tuân thủ các quy định về an toàn của NCSP và các quy định có liên quan khác khi thực hiện công việc.
6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Nhà thầu cung cấp vật tư, nhân lực và trang thiết bị để thực hiện công việc: “**KIỂM TRA HÀNG NĂM HỆ THỐNG BẢO VỆ ĐIỆN HÓA CỦA CÁC BỒN CHỨA VÀ ỐNG DẪN KHÍ TRÊN BỜ CỬA NCSP**” như nêu chi tiết tại tài liệu “PHẠM VI CÔNG VIỆC” đính kèm.



PHẠM VI CÔNG VIỆC

DỊCH VỤ KIỂM TRA HÀNG NĂM HỆ THỐNG BẢO VỆ ĐIỆN HÓA
CỦA CÁC BỒN CHỨA VÀ ỐNG DẪN KHÍ TRÊN BỜ CỬA NCSP

CP SYSTEM ANNUAL INSPECTION WORKSCOPE 2026



TABLE OF CONTENT

1	GIỚI THIỆU / INTRODUCTION	2
2	MÔ TẢ HỆ THỐNG CP / CP SYSTEM DESCRIPTION	3
3	PHẠM VI CÔNG VIỆC / SCOPE OF WORK	5
	3.1 Kiểm tra tổng thể các hệ thống CP đã nêu trên.....	5
	<i>A Thorough Inspection of The Above Stated CP Systems</i>	5
	3.2 Kiểm tra ảnh hưởng nhiễu / <i>Interference Testing</i>	6
	3.3 Khảo sát CIPS / <i>Close Interval Potential Survey (CIPS)</i>	6
	3.4 Quy trình khảo sát và Giấy phép làm việc.....	7
	<i>Survey procedure and Permit to work</i>	7
	3.5 Báo cáo / <i>Reporting</i>	7
4	YÊU CẦU / REQUIREMENTS	8
	4.1 Nhà thầu / <i>Contractor</i>	8
	4.2 Nhân sự / <i>Personnel</i>	8
	4.3 Thiết bị / <i>Equipment</i>	9
5	AN TOÀN, SỨC KHỎE, AN NINH VÀ MÔI TRƯỜNG (HSSE)	10
	HEALTH, SAFETY, SECURITY AND ENVIRONMENT (HSSE)	10
6	THỜI GIAN THỰC HIỆN / SERVICE DURATION	10
7	TÀI LIỆU KHAM KHẢO / REFERENCES	10
8	PHỤ LỤC / APPENDIX	11



1 GIỚI THIỆU / INTRODUCTION

Tài liệu này xác định các yêu cầu cho công tác kiểm tra hàng năm hệ thống bảo vệ điện hóa (CP) của các bồn chứa và đường ống đang được vận hành bởi Công ty Đường ống Nam Côn Sơn (NCSP) và Công ty Khí Đông Nam (PV Gas SE).

This document defines the requirements for the CP annual inspection of tanks and pipelines that are being operated by NCSP and Petrovietnam Gas South East Company (PV Gas SE).

Công ty Đường ống Nam Côn Sơn (NCSP) đang vận hành:
Namconson Pipeline Company (NCSP) is operating:

- Hai bồn chứa condensate đặt trong khu vực Terminal NCSP tại Dinh Cỏ – Long Điền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
The two condensate storage tanks located within the NCSP Terminal at Dinh Co – Long Dien, HCMC, Vietnam.
- Đường ống khí/condensate 26 inch trên bờ dài khoảng 9 km, từ điểm cập bờ Long Hải (TP. Hồ Chí Minh) đến khu vực Terminal của NCSP.
The approx. 9km, 26” onshore gas/condensate pipeline from the Long Hai landfall, HCMC, to the NCSP Terminal.
- Đường ống khí 30 inch trên bờ dài khoảng 29 km, từ Terminal NCSP đến Trung tâm Phân phối Khí (GDC) do PV Gas SE vận hành tại Phú Mỹ – TP. Hồ Chí Minh.
The approx. 29km, 30” onshore gas pipeline from the NCSP Terminal to the Gas Distribution Center (GDC), being operated by PV Gas SE, at Phu My – HCMC.
- Đường ống condensate 6 inch NCSP dài khoảng 0,8 km, từ Terminal NCSP đến Nhà máy Xử lý Khí Dinh Cỏ (GPP) do PV Gas vận hành tại Dinh Cỏ – Long Điền, TP. Hồ Chí Minh.
The approx. 0.8km, 6” NCSP condensate pipeline from the NCSP Terminal to the Dinh Co Gas Processing Plant (GPP), being operated by PV Gas, at Dinh Co – Long Dien, HCMC.

PV Gas SE đang vận hành:
PV Gas SE is operating:

- Đường ống khí Bạch Hổ (BH) 16 inch trên bờ dài khoảng 10 km, từ điểm cập bờ Long Hải đến Nhà máy Xử lý Khí Dinh Cỏ (GPP).
The approx. 10km, 16” onshore Bach Ho (BH) gas pipeline from the Long Hai Landfall to the Dinh Co GPP.
- Đường ống khí Bạch Hổ 17 inch dài khoảng 23 km, từ Trạm Bà Rịa đến Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ (GDC).
The approx. 23km, 17” Bach Ho gas pipeline from the Ba Ria Station to the Phu My GDC.



- Ba đường ống sản phẩm lỏng (mỗi ống 6 inch) dài khoảng 23 km, từ Nhà máy Xử lý Khí Dinh Cố đến Terminal Thị Vải, TP. Hồ Chí Minh.
The approx. 23km, 3 x 6" liquid product pipelines from the Dinh Co GPP to the Thi Vai Terminal, HCMC.
- Đường ống khí NCS2 26 inch trên bờ dài khoảng 10 km, từ điểm cập bờ Long Hải đến Nhà máy Xử lý Khí của PV Gas.
The approx. 10km, 26" onshore NCS2 gas pipeline from the Long Hai Landfall to the PV Gas GPP.
- Đường ống khí NCS2 30 inch dài khoảng 29 km, từ GPP Dinh Cố đến Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ (GDC).
The approx. 29km, 30" NCS2 gas pipeline from the Dinh Co GPP to the Phu My GDC.

Các hệ thống bảo vệ điện hóa được thiết kế nhằm kiểm soát ăn mòn bên ngoài cho các công trình này. Các tuyến ống chạy song song trong cùng một hành lang tuyến ống bắt đầu từ điểm cập bờ Long Hải đến Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ (GDC).

The cathodic protection systems have been designed to provide external corrosion control to these structures. The pipelines run parallel in a common pipeline corridor that begins at the Long Hai landfall to the Phu My GDC.

2 MÔ TẢ HỆ THỐNG CP / CP SYSTEM DESCRIPTION

Các hệ thống bảo vệ điện hóa (cathodic protection systems) được sử dụng để bảo vệ các đường ống và đáy bồn chứa là loại **hệ thống dòng điện cưỡng bức**

The cathodic protection systems used to protect the pipelines and tanks bottoms are the impressed current systems.

Đáy của hai bồn chứa condensate T3005 và T3006 được bảo vệ bằng hai hệ thống bảo vệ điện hóa: CP System số 3 và 4. Hai hệ thống CP số 3 và 4 có cấu hình giống hệt nhau, mỗi hệ thống có điện áp định mức 36V và dòng 8A. Cả hai được lắp đặt trong khu vực Terminal Nam Côn Sơn. Tham khảo bản vẽ trong Phụ lục 1.

The bottoms of the two condensate storage tanks T3005 & T3006 were protected by the two cathodic protection systems: CP System No. 3 & 4. CP systems No 3 & 4 are identical with each system rated at 36V / 8A output. These are located within the Nam Con Son Terminal. Refer to drawings in Appendix 1 for more details.

Các tuyến ống được bảo vệ bởi 4 hệ thống bảo vệ điện hóa tích hợp, cụ thể như sau:

The pipelines are protected by four integrated cathodic protection systems as follows:

- **Hệ thống CP số 1** được đặt trong khu vực Terminal của NCSP và đã ngừng hoạt động (de-commissioned) từ tháng 6 năm 2024
CP system No. 1 is located within the NCSP Terminal and since June 2024 it was de-commissioned.



- **Hệ thống CP số 2** được đặt tại trạm van giữa tuyến Phước Hòa, bao gồm một bộ chỉnh lưu biến áp công suất 100A/45V, cung cấp dòng điện cho bãi anode gồm 50 anodes, cùng với 01 hộp điện trở điều khiển dùng để điều chỉnh dòng bảo vệ CP cho các tuyến ống 30” NCSP, 17” BH, 3 x 6” sản phẩm lỏng và 30” NCS2.
Tham khảo bản vẽ trong Phụ lục 2.
CP system No. 2 is located at Phuoc Hoa midline valve station, consists of 100A / 45V transformer rectifier unit that energizes a anode ground bed consisting of 50 anodes, 1 resistor control box to control the CP current to the 30” NCSP, 17” BH, 3 x 6” liquid product and 30” NCS2 pipelines.
Refer to drawings in Appendix 2 for more details.
- **Hệ thống CP số 5** được đặt trong khu vực GDC Phú Mỹ của PV Gas SE, bao gồm:
CP system No. 5 is located within the PV Gas SE Phu My GDC and consists of:
 - Bộ chỉnh lưu biến áp công suất 50V / 30A.
50V/ 30A transformer rectifier unit.
 - 05 anodes được chôn trong ground-bed ở độ sâu 130 mét, có junction box đặt phía trên mặt đất.
05 Anodes in a deep ground-bed (130m depth) with an anode junction box above ground.
 - 01 hộp điện trở điều khiển để điều chỉnh dòng CP cho các tuyến ống 17” BH, 30” NCSP và 30” NCS2.
*01 resistor control box to control the CP current to the 17” BH, 30” NCSP & 30” NCS2 pipelines.*Tham khảo bản vẽ chi tiết trong Phụ lục 4.
Refer to drawings in Appendix 4 for more details.
- **Hệ thống CP số 6** được lắp đặt trong Nhà máy Xử lý Khí Dinh Cố và bao gồm:
CP system No. 6 is located within Dinh Co GPP and consists of:
 - Bộ chỉnh lưu biến áp công suất 75A/50V.
75A/ 50A transformer rectifier unit.
 - 02 bãi anodes sâu (gồm 6 anode) được chôn ở độ sâu 40 mét.
02 deep ground-bed (total 6 anodes) with depth of 40m.
 - 01 hộp điện trở điều khiển để điều chỉnh dòng CP cho các tuyến ống 30” NCSP, 16” BH, 3 x 6” sản phẩm lỏng, 30” NCS2 và 02 hộp điện trở điều khiển khác để điều chỉnh dòng CP cho các tuyến 26” NCSP, 6” NCSP, 16” BH, 26” NCS2.
*01 resistor control box to control the CP current to 30” NCSP, 16” BH, 3 x 6” liquid product, 30” NCS2 pipelines and 2 resistors control box to control the CP current to the 26” NCSP, 6” NCSP, 16” BH, 26” NCS2 pipelines.*Tham khảo bản vẽ chi tiết trong Phụ lục 5.
Refer to drawing in Appendix 5 for more details.

Để cải thiện hiệu suất bảo vệ điện hóa cho các tuyến ống NCSP 26” và 30” tại đầu vào và đầu ra của Terminal Dinh Cố NCSP và GDC Phú Mỹ, các anode hy sinh đã được lắp đặt vào năm 2014 trong khu vực NCSP như sau:

To improve performance of the CP for the NCSP 26” and 30” pipelines at inlet and outlet of NCSP Dinh Co Terminal and Phu My GDC, the sacrificial anodes were installed in 2014 within NCSP premises as follows:



- 05 anodes tại đầu vào tuyến 26 inch của Terminal Dinh Cố NCSP
05 anodes in 26 inches Inlet NCSP Dinh Co Terminal
 - 05 anodes tại đầu ra tuyến 30 inch của Terminal Dinh Cố NCSP
05 anodes in 30 inches Outlet NCSP Dinh Co Terminal
 - 03 anodes tại tuyến 30 inch ở GDC Phú Mỹ
03 anodes in 30 inches Phu My GDC
- Tham khảo bản vẽ chi tiết trong Phụ lục 3.
Refer to drawings in Appendix 3 for more details.*

Các trạm đo kiểm dọc theo các tuyến ống này bao gồm 38 TP của NCSP (trong đó 35 TP có gắn coupon), 31 TP BH không có coupon, và 35 TP NCS2 có gắn coupon. Tham khảo chi tiết trong Phụ lục 2 và Phụ lục 5.

The test stations along these pipelines consist of 38 NCSP test stations in which 35 installed with coupons, 31 BH test stations installed without coupons and 35 NCS2 test stations installed with coupons. Refer to Appendix 2 and Appendix 5 for more details.

3 PHẠM VI CÔNG VIỆC / SCOPE OF WORK

Nhà thầu khảo sát CP phải chuẩn bị các quy trình cần thiết để NCSP xem xét, phê duyệt và tiến hành công tác kiểm tra.

The CP Survey Contractor shall prepare necessary procedures for NCSP's review, approval, and conduct the inspection work:

3.1 Kiểm tra tổng thể các hệ thống CP đã nêu trên *A Thorough Inspection of The Above Stated CP Systems*

Công tác kiểm tra này bao gồm: *This inspection should include:*

- Đo và ghi lại giá trị đầu ra dòng điện một chiều thực tế của từng bộ chỉnh lưu.
Measure and record the "as found" DC output of each rectifier.
- Đo và ghi lại điện thế On/Off giữa cấu trúc kim loại và đất tại từng trạm đo kiểm
Measure and record the On/Off structure-to-soil potentials at each test station.
- Đo và ghi lại điện thế "instant off" của các coupon được lắp đặt tại các trạm đo kiểm của NCSP.
Measure and record the instant off potentials of the polarized coupons installed in NCSP test stations.
- Ngắt các bộ chỉnh lưu và thực hiện đo điện thế "instant off" cho các bồn chứa condensate của NCSP.
Interrupt the rectifiers and conduct instant off potential measurement for NCSP condensate storage tanks.
- Ngắt các bộ chỉnh lưu và thực hiện đo điện thế "instant off" cho các bồn chứa condensate của NCSP.
Adjust the DC output of the rectifiers and resistor junction boxes (if necessary) to achieve full protection to these pipelines.
- Kiểm tra hiệu chuẩn của các thiết bị đo dòng điện một chiều.
Check the calibration of the DC meters.



- Kiểm tra hiệu quả hoạt động của các mối nối cách điện.
Check the effectiveness of insulating joints.
- Kiểm tra các bộ chỉnh lưu – biến áp để phát hiện hư hỏng, rỉ sét hoặc oxy hóa ở các đầu cực. Làm sạch thiết bị nếu cần thiết.
Inspect Transformer-Rectifier Units for any damage, rusting and oxidation of terminals. Clean the units if required.
- Kiểm tra tình trạng và hiệu quả bảo vệ của tất cả các anode hy sinh
Check condition/ performance protection of all sacrificial anodes.
- Kiểm tra bên trong, bên ngoài, các đầu nối, dây cáp, điện trở & shunt của các hộp nối và trụ đo kiểm để phát hiện hư hỏng, oxy hóa hoặc lỏng lẻo. Làm sạch hộp nối, trụ đo kiểm và các mối nối hoặc siết chặt lại nếu cần. Bôi mỡ bảo vệ cho các đầu nối.
Inspect interior, exterior, terminals, cables, resistors and shunts of junction boxes and test posts for any damage, oxidation, or looseness. Clean junction boxes, test posts and terminal connections or tighten terminal connections, if required. Grease terminal connections.

3.2 Kiểm tra ảnh hưởng nhiễu / *Interference Testing*

- Ngắt các bộ chỉnh lưu và tiến hành kiểm tra ảnh hưởng nhiễu tại đoạn từ KP28+100 đến GDC Phú Mỹ và tại Terminal NCSP.
Interrupt the rectifiers and conduct interference testing at section from KP28+100 to Phu My GDC and at NCSP Terminal.
- Đo điện áp xoay chiều (AC voltage) và dòng điện xoay chiều (AC current) tới coupon tại các trụ đo kiểm để đánh giá mức độ ảnh hưởng của dòng điện xoay chiều.
Measure AC voltage and AC current to coupon at test posts for evaluation of AC interference.

3.3 Khảo sát CIPS / *Close Interval Potential Survey (CIPS)*

NCSP 26” Pipeline

- Đoạn tuyến ống NCSP 26” từ KP 5+357 (TP05) đến KP 7+197 (TP06); chiều dài kiểm tra: 1,840 km.
Section of the NCSP 26” pipeline from KP 5+357 (TP05) to KP 7+197 (TP06) length of inspection: 1.840 Km

NCSP 30” Pipeline

- Đoạn tuyến ống NCSP 30” từ KP 0+053 (TP32) đến KP 0+270 (TP9); chiều dài kiểm tra: 0,217 km.
Section of the NCSP 30” pipeline from KP 0+053 (TP32) to KP 0+270 (TP9); length of inspection: 0.217 Km
- Đoạn tuyến ống NCSP 30” từ KP 25+847 (TP27) đến KP 26+700; chiều dài kiểm tra: 0,853 km.
Section of the NCSP 30” pipeline from KP 25+847 (TP27) to KP 26+700; length of inspection: 0.853 Km



NCSP 6” Pipeline

- Đoạn tuyến ống NCSP 6” từ KP 0+330 (TP32) đến KP 0+760 (TP34); chiều dài kiểm tra: 0,430 km.

Section of the NCSP 6” pipeline from KP 0+330 (TP32) to KP 0+760 (TP34); length of inspection: 0.430 Km

Phải tuân thủ các yêu cầu trong tiêu chuẩn NACE SP0207-2007 2007 “Performing Close-Interval Potential Survey and DC Surface Potential Survey on Buried or Submerged Metallic Pipelines”. Khoảng cách đo của CIPS không được vượt quá 2,0 mét.

Requirements in NACE SP0207-2007 “Performing Close-Interval Potential Survey and DC Surface Potential Survey on Buried or Submerged Metallic Pipelines” shall be followed. The Survey Interval of CIPS should be 2.0 meters as maximum.

3.4 Quy trình khảo sát và Giấy phép làm việc *Survey procedure and Permit to work*

Nhà thầu phải cung cấp một quy trình khảo sát chi tiết, trong đó bao gồm các thông tin như: thiết bị sẽ sử dụng, khoảng cách đo, phương pháp đo khoảng cách khảo sát, chương trình khảo sát, số lượng thành viên nhóm khảo sát và lý lịch năng lực, quy trình báo cáo, v.v. Các quy trình này phải được xem xét hoặc xác nhận bởi người có năng lực (tối thiểu chứng chỉ được chứng nhận NACE CP Technologist) và phải được nộp dưới dạng bản in cũng như bản điện tử ở định dạng MS Word.

Contractor is required to provide a detailed survey procedure in which information such as equipment to be used, measurement interval, method of measuring distance surveyed, survey program, number of survey team and CVs, reporting procedures ... shall be included. These procedures shall be reviewed/ endorsed by a competent person (at least NACE Certified CP Technologist) and be submitted both in hard copy and electronically in MS Word format.

Nhà thầu phải chủ động cung cấp các tài liệu cần thiết như quy trình khảo sát, danh sách nhân sự, danh sách thiết bị,... cho người liên hệ của NCSP và PV Gas SE để làm thủ tục xin cấp giấy phép làm việc. Trưởng nhóm khảo sát tại hiện trường của nhà thầu phải phối hợp chặt chẽ với NCSP và PV Gas SE để nhận được các giấy phép phù hợp trước khi bắt đầu công tác khảo sát.

Contractor shall actively provide necessary documentation such as survey procedure, list of personnel, list of equipment,... to contact person of NCSP and PV Gas SE for applying the permit to work. Contractor site team leader shall work closely with NCSP and PV Gas SE to get proper permits prior to commence the survey.

3.5 Báo cáo / Reporting

Nhóm khảo sát sẽ báo cáo hàng ngày cho NCSP về tiến độ công việc trong ngày và kế hoạch cho ngày tiếp theo. Báo cáo hàng ngày cũng phải nêu rõ chi tiết các phát hiện trong ngày.

The survey team will report daily to NCSP the progress of that day and plan for next day. Daily report will also detail any findings of that day.



Sau khi hoàn thành công tác kiểm tra, phải phát hành một báo cáo đánh giá và hiệu suất hệ thống CP. Báo cáo này phải bao gồm các phát hiện, bảng so sánh kết quả kiểm tra CP của hai năm trước (2024, 2025), phân tích và các khuyến nghị cho công tác bảo trì và các hoạt động theo dõi của các hệ thống CP.

On completion of the inspection a CP performance and evaluation report shall be issued. This report shall include findings, the findings of CP inspection in previous 2 years (2024, 2025) comparison table, analysis and recommendations for further maintenance and monitoring activities of the CP systems.

Dữ liệu khảo sát CIPS sẽ được cung cấp ở định dạng Excel và được biểu diễn bằng đồ thị trong báo cáo.

CIPS data will be provided in Excel format and plotted in the report.

Báo cáo phải được xem xét/ xác nhận bởi người có năng lực ((tối thiểu chứng chỉ được chứng nhận NACE CP Technologist) và phải được nộp dưới dạng bản in cũng như bản điện tử ở định dạng MS Word.

The report shall be reviewed/ endorsed by a competent person (at least NACE Certified CP Technologist) and be submitted in hard copy and electronically in MS Word format.

4 YÊU CẦU / REQUIREMENTS

4.1 Nhà thầu / Contractor

Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu về kinh nghiệm sau đây:

Contractor shall meet the following minimum experience requirements:

- Đã hoàn thành thành công ít nhất ba (03) khảo sát CP cho các tuyến ống trên bờ.
Shall have successfully completed at least three (3) CP surveys for onshore pipelines;
- Đã hoàn thành thành công ít nhất một khảo sát CP (bao gồm cả CIPS) cho tuyến ống trên bờ trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày nộp hồ sơ.
Shall have successfully completed at least one CP survey, including CIPS, for an onshore pipeline in period from 1 January 2023 to the date of submission; and
- Không có kết quả đánh giá nào ở mức ‘yếu’, ‘kém’ hoặc ‘không đáp ứng yêu cầu hợp đồng’ trong bất kỳ nội dung nào của các đánh giá hoàn thành công việc theo hệ thống của NCSP, đối với các công tác khảo sát CP mà Nhà thầu đã thực hiện trước đây cho NCSP

Shall have no record of unsatisfactory performance in any CP survey work previously carried out for NCSP, as assessed by NCSP.

4.2 Nhân sự / Personnel

Nhóm khảo sát tại hiện trường làm việc toàn thời gian phải có ít nhất 3 người.

The full time site survey team must have at least 3 persons.

- Trưởng nhóm khảo sát hiện trường phải:
Site survey team leader must
 - có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong thiết kế, lắp đặt và khảo sát CP;
have at least 10-year experience in CP design, installation and survey;



- đã thực hiện ít nhất 3 công tác CIPS cho các tuyến ống trên bờ;
done at least 3 CIPS works for onshore pipelines; and
- đã thực hiện ít nhất 3 khảo sát CP cho các tuyến ống trên bờ tại Việt Nam.
done at least 3 CP survey works for onshore pipelines in Vietnam.
- Ít nhất một thành viên trong nhóm khảo sát hiện trường phải có chứng chỉ NACE CP Tester (CP 1).
One of the site survey team shall be at least NACE certified CP Tester (CP 1).
- Ít nhất một thành viên khác trong nhóm phải có chứng chỉ NACE CP Technologist (CP 3) và đã thực hiện ít nhất 5 lần khảo sát CIPS cho các tuyến ống trên bờ.
One of the site survey team shall be at least NACE certified CP Technologist (CP 3) and done at least 5 CIPS works for onshore pipelines.
- Tất cả các thành viên trong nhóm phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trong khảo sát CP và đã thực hiện ít nhất 1 khảo sát CIPS cho các tuyến ống trên bờ.
Team member (meaning all individual members) must have at least 3-year experience in CP survey and done at least 1 CIPS work for onshore pipelines.

4.3 Thiết bị / Equipment

Các thiết bị và dụng cụ tối thiểu cần có cho công tác khảo sát bao gồm:
Minimum level of equipment and tools for the survey is as follows:

- Đồng hồ đo điện trở cao / *High impedance multi-meter*
- Ampe kế kẹp dòng / *Current clamp-on amp-meter*
- Điện cực tham chiếu di động bằng đồng/đồng sunfat
Portable Copper/ Copper Sulfate Reference Electrodes
- Dây nối và kẹp kết nối / *Connecting cables and clamps*
- Máy đo tần số cao / *Radio Frequency (Insulation) Tester*
- Thiết bị ghi dữ liệu (AI Allegro MX Field PC hoặc tương đương)
Data Logger (AI Allegro MX Field PC or equivalent)
- Đầu dò khảo sát / *Survey probe*
- 03 bộ ngắt dòng chu kì nhanh / *03 x Fast-cycle current interrupters*
- Dây nối bằng đồng / *Copper trailing wire*
- Bình chứa nước và nước di động / *Water container and portable water*
- Tua vít, khóa lục giác 6mm, cờ lê, mỏ lết xích 2 inch.
Screwdrivers, 6mm Allen keys, wrenches, 2" chain wrench.

Các thiết bị đo lường và dụng cụ khảo sát phải đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn NACE SP207-2007 và NACE TM497-2022. Nhà thầu phải có đủ thiết bị dự phòng để đảm bảo khảo sát không bị gián đoạn.

Instrumentation and equipment for the survey shall meet the requirements of the NACE SP207-2007 and NACE TM497-2022. The contractor shall have enough spares to ensure that the survey is not interrupted.

Các thiết bị đo phải được hiệu chuẩn và chứng nhận hiệu chuẩn còn hiệu lực trước khi huy động phục vụ khảo sát.

Measuring instruments shall be calibrated and the calibration shall be valid before being mobilized for the survey.



5 AN TOÀN, SỨC KHỎE, AN NINH VÀ MÔI TRƯỜNG (HSSE) HEALTH, SAFETY, SECURITY AND ENVIRONMENT (HSSE)

Nhà thầu phải đọc và hiểu các yêu cầu an toàn liên quan đến công việc được nêu trong quy trình **HSE-3000-MP-0044**, đặc biệt là các yêu cầu sau:

*Contractor is required to read and understand safety requirements regarding to the work in procedure **HSE-3000-MP-0044** specially requirements:*

- Mục 3.1 - Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu
Item 3.1 - Role and Responsibilities of the Contractors
- Mục 4 - Các yêu cầu chung
Item 4 - Common requirements
- Mục 6.1.2 - Yêu cầu đối với thiết bị điện cầm tay sử dụng pin hoặc ắc quy
Item 6.1.2 - Requirements on hand electrical equipment using cells or accumulator batteries

Nếu có thêm các yêu cầu an toàn khác trong quá trình thực hiện công việc, nhà thầu phải tham chiếu lại quy trình **HSE-3000-MP-0044** để đảm bảo mọi rủi ro đối với con người, môi trường và tài sản đều được kiểm soát thích hợp.

*If there are other additional safety requirements during implementation of the WORK, it is required that the contractor have to refer back to the procedure **HSE-3000-MP-0044** to ensure all risks to people, environment and property are under control properly.*

6 THỜI GIAN THỰC HIỆN / SERVICE DURATION

Công việc phải được hoàn thành trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Công việc hiện trường phải được bắt đầu tại NCSP chậm nhất **vào ngày 05 tháng 01 năm 2026** và phải hoàn thành trong vòng **22 ngày**, bao gồm cả Thứ Bảy và Chủ nhật.

*The work shall be completed within 45 days from the date of contract signing. The site work is required to be started at NCSP site not later than **05 January 2026** and be completed within **22 days** including Saturday and Sunday.*

7 TÀI LIỆU KHAM KHẢO / REFERENCES

- [1]. NCSP Pipeline Integrity Management Scheme, Doc No. OPS-3000-MP-1101
- [2]. NCSP Inspection and Maintenance Routine, Doc No. OPS-3000-MP-1113
- [3]. British Standard BS EN 13636:2004 Cathodic Protection of buried metallic tanks and related piping.
- [4]. NACE International, Standard Practice SP0169-2024 “Control of External Corrosion on Underground or Submerged Metallic Piping Systems”
- [5]. NACE International, Standard Practice SP0207-2007 “Performing Close-Interval Potential Surveys and DC Surface Potential Gradient Surveys on Buried or Submerged Metallic Pipelines”
- [6]. NACE International, Standard Test Method TM0497-2022 “Measurement Techniques Related to Criteria for Cathodic Protection on Underground or Submerged Metallic Piping Systems”



- [7]. The Nam Con Son and Bach Ho Pipelines - Cathodic Protection Design, Commissioning Report and Operation & Maintenance Manual.
- [8]. The Condensate Tanks – Cathodic Protection Design, Commissioning Report and Operation & Maintenance Manual.
- [9]. NCS2 Gas Pipeline – Onshore Pipelines – Cathodic Protection Engineering Design
- [10]. NCS2 Gas Pipeline – Onshore Pipelines – Cathodic Protection Commissioning Report

8 PHỤ LỤC / APPENDIX

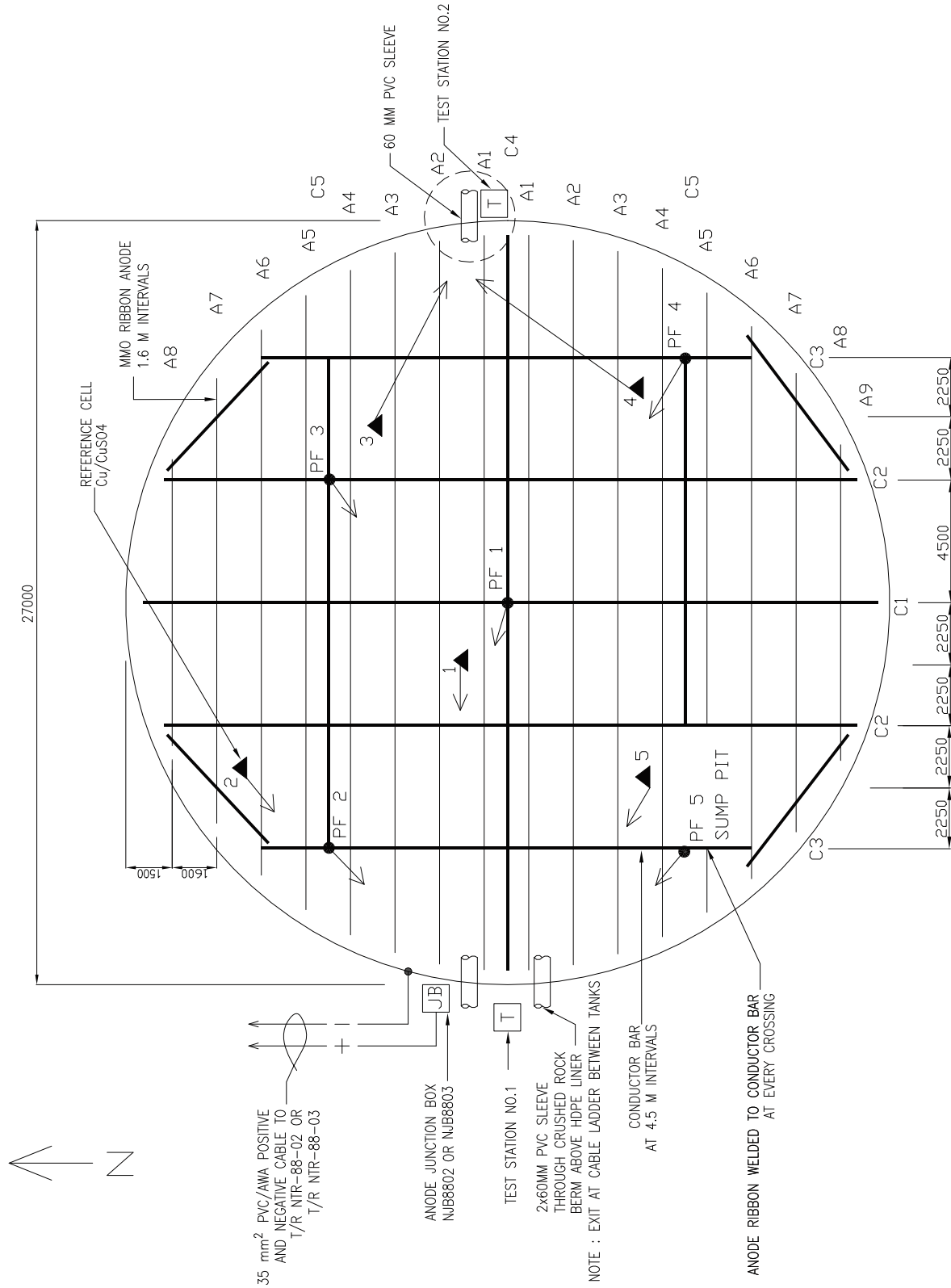
- Appendix 1 – Drawings of the CP System for Condensate Tanks T3005 and T3006
- Appendix 2 – Drawings of the CP Systems for the Pipelines
- Appendix 3 – Drawings of the Sacrificial Anode System
- Appendix 4 – Drawings of the ICCP to 17 Inch Pipeline in GDC Phu My
- Appendix 5 – Drawings of the ICCP – NCS2 Pipelines



Appendix 1 – The CP System for Condensate Tanks T3005 and T3006



(T 3006 SHOWN)



35 mm² PVC/AWA POSITIVE AND NEGATIVE CABLE TO T/R NTR-88-02 OR T/R NTR-88-03

ANODE JUNCTION BOX NUB8802 OR NUB8803

TEST STATION NO.1

2x60MM PVC SLEEVE THROUGH CRUSHED ROCK BERM ABOVE HDPE LINER

NOTE : EXIT AT CABLE LADDER BETWEEN TANKS

CONDUCTOR BAR AT 4.5 M INTERVALS

ANODE RIBBON WELDED TO CONDUCTOR BAR AT EVERY CROSSING

- POWER FEED CABLE TO ANODE JUNCTION BOX
- REFERENCE ELECTRODE CABLE TO TEST STATION

NOTES :

- 1) JUNCTION BOX TO BE LOCATED ADJACENT TO TANK AT PVC SLEEVES
- 2) LOCATIONS OF POWER FEEDERS AND REFERENCE ELECTRODES CAN BE ADJUSTED TO MEET FIELD CONDITIONS

LEGEND :

- POWER FEED
- ▲ REFERENCE ELECTRODE (Cu/CuSO₄)
- CONDUCTOR BAR
- RIBBON ANODE
- [T] TEST STATION
- [JB] JUNCTION BOX

REV	DESCRIPTION	CHKD	APPR
1	AS BUILT		
0	ISSUED FOR CONSTRUCTION		

PROJECT :

NAM CON SON GAS PROJECT

CLIENT :

BP VIETNAM

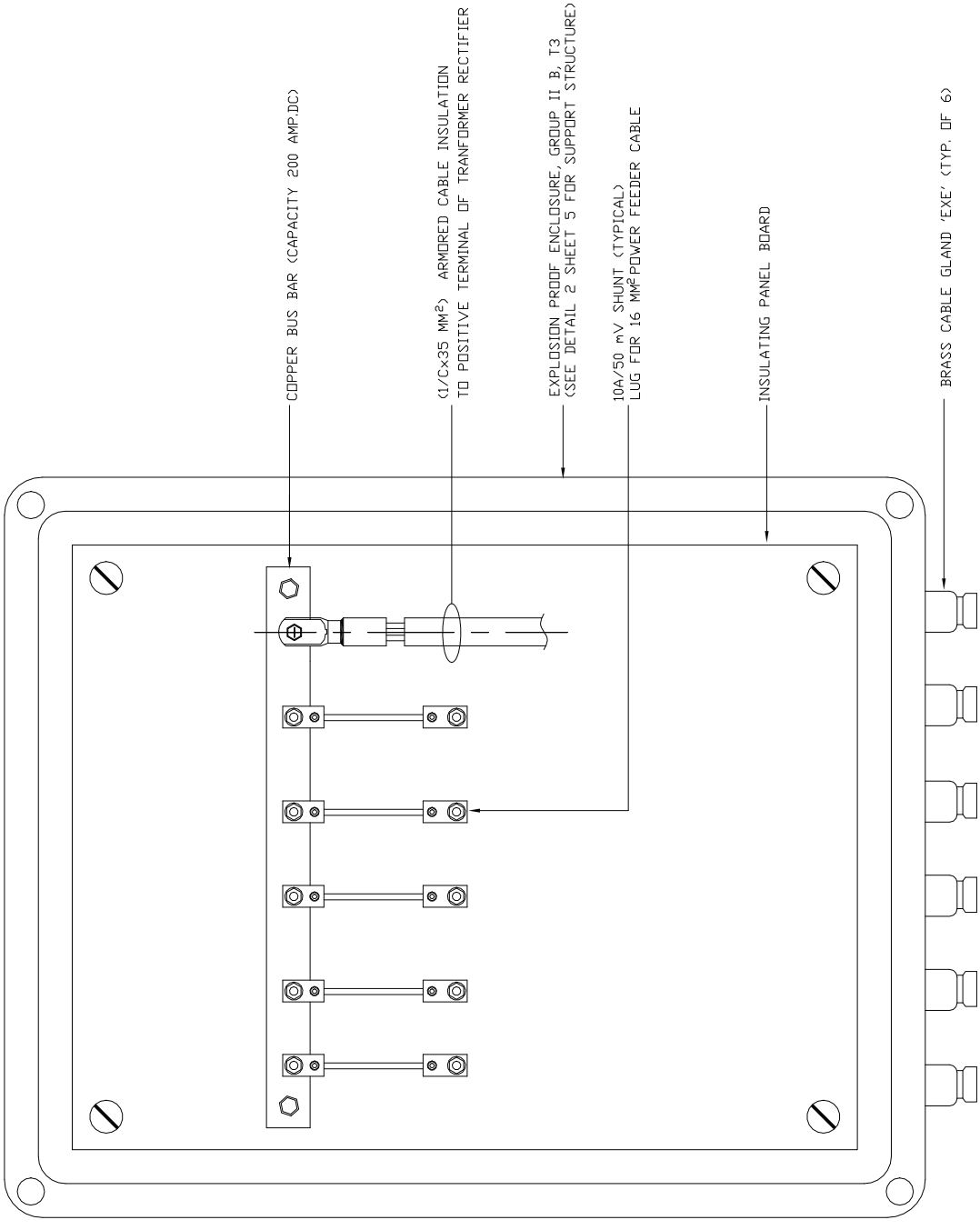
DWG. TITLE :

CATHODIC PROTECTION SYSTEM ANODE GRID SYSTEM LAYOUT FOR CONDENSATE TANK T 3005 & T 3006



DESIGN BY	DAN GALLAGHER
DRAWN BY	I. BAROI
CHKD BY	G. WILLIAMS
DATE	5-12-02
SCALE	NTS
DRAWING NO.	MD - CT - 001
SHEET NO.	1 OF 6
REV. 1	AS BUILT





1	AS BUILT	
0	ISSUED FOR CONSTRUCTION	
REV.	DESCRIPTION	CHKD APPR

PROJECT :

NAM CON SON GAS PROJECT

CLIENT :

BP VIETNAM

DWG. TITLE :

CATHODIC PROTECTION SYSTEM
ANODE DISTRIBUTION BOX
DETAILS



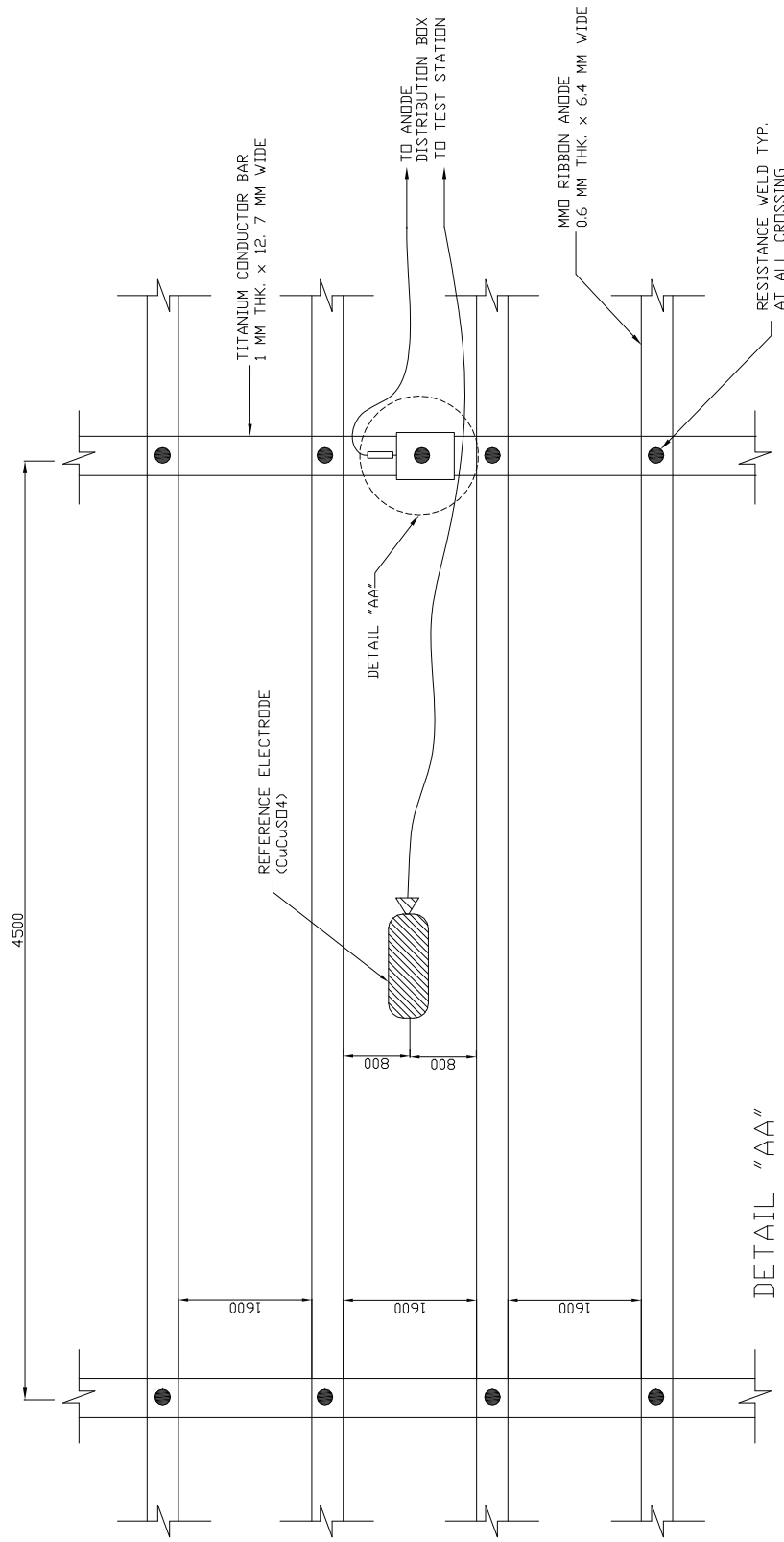
"For Every Corner of Your World"

DESIGN BY	DAN GALLAGHER
DRAWN BY	I. BARQI
CHKD BY	G. WILLIAMS
DATE	5-12-02
SCALE	NTS
DRAWING NO.	MD - CT - 001
SHEET NO.	2 OF 6
REV. 1	AS BUILT

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module với số định danh: NCS.25.3083>

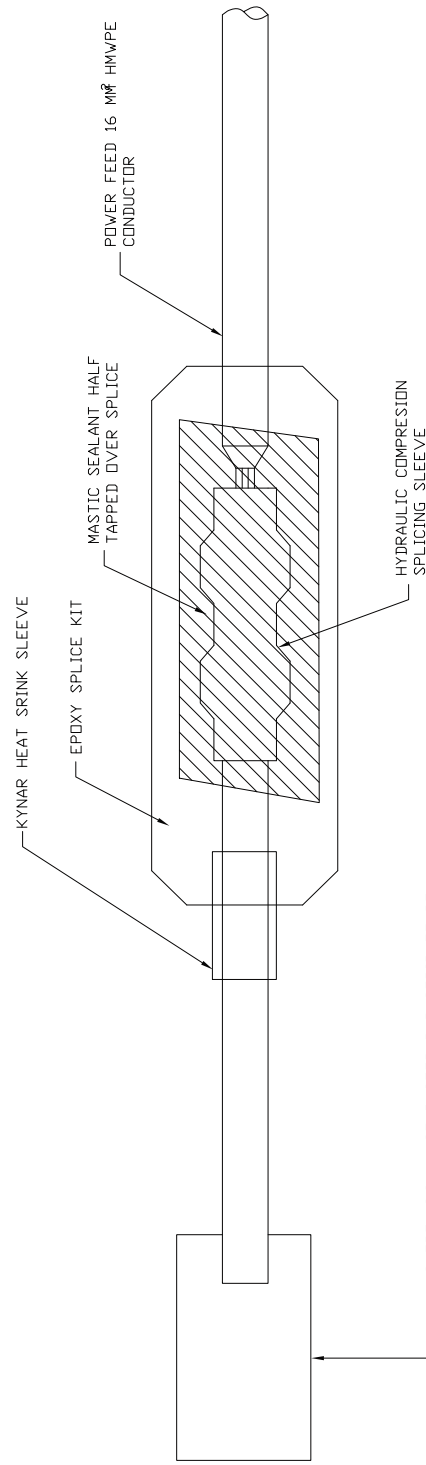
Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module với số định danh: NCS.25.3597>





DETAIL "AA"

FACTORY ASSEMBLED POWER FEEDER



SHORT 12.3 MM CONDUCTOR BAR STRIP TO BE
SPOT WELDED TO MAIN CONDUCTOR BAR
AT LOCATIONS INDICATED

REV.	DESCRIPTION	DATE	APPR.
1	AS BUILT		
0	ISSUED FOR CONSTRUCTION		

PROJECT :

NAM CON SON GAS PROJECT

CLIENT :

BP VIETNAM

DWG. TITLE :

CATHODIC PROTECTION SYSTEM
ANODE GRID LAYOUT DETAILS



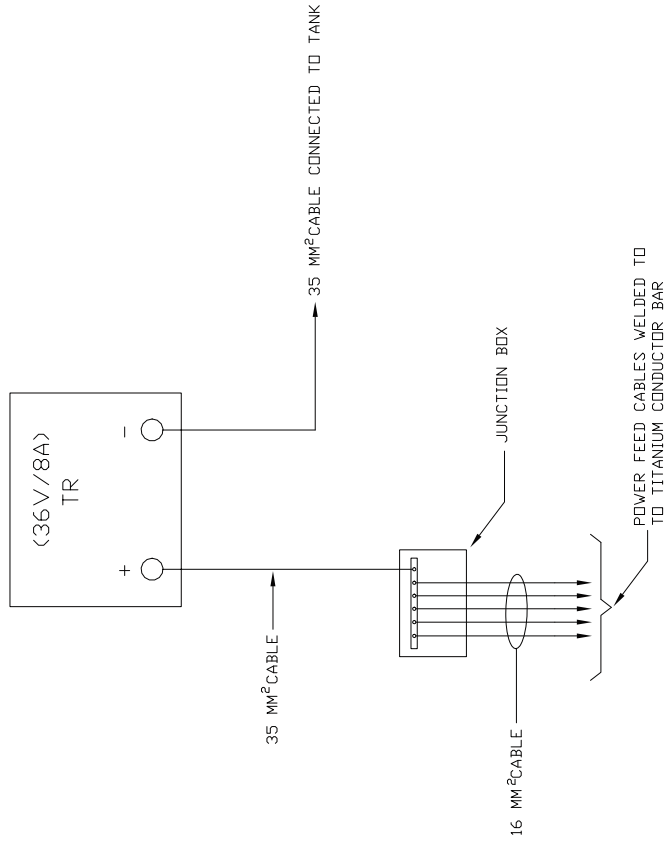
CORRPRO
COMPANIES
ASIA PACIFIC

"For Every Corner of Your World"

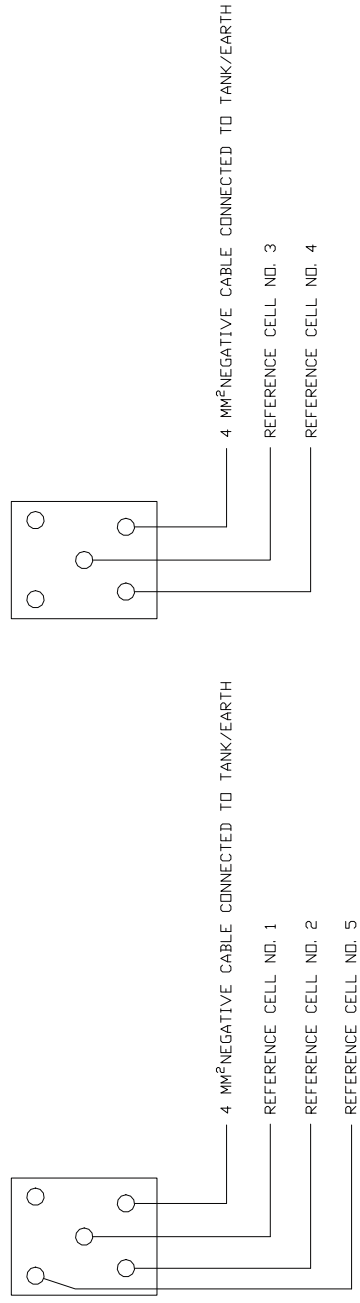
DESIGN BY	DAN GALLAGHER
DRAWN BY	I. BAROI
CHKD BY	G. WILLIAMS
DATE	5-12-02
SCALE	NTS
DRAWING NO.	MD - CT - 001
SHEET NO.	3 OF 6
REV. 1	AS BUILT



CP SYSTEM SCHEMATIC DIAGRAM



TEST STATION SCHEMATIC DIAGRAM



1	AS BUILT	
0	ISSUED FOR CONSTRUCTION	
REV.	DESCRIPTION	CHKD APPR

PROJECT :

NAM CON SON GAS PROJECT

CLIENT :

BP VIETNAM

DWG. TITLE :

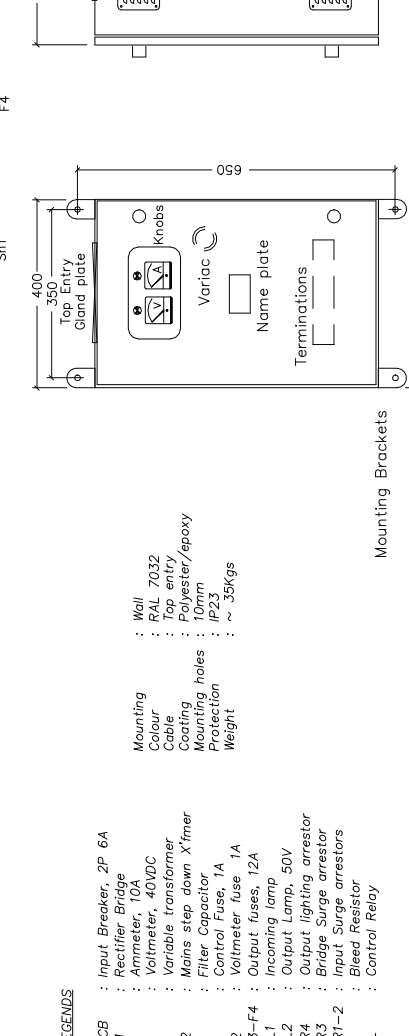
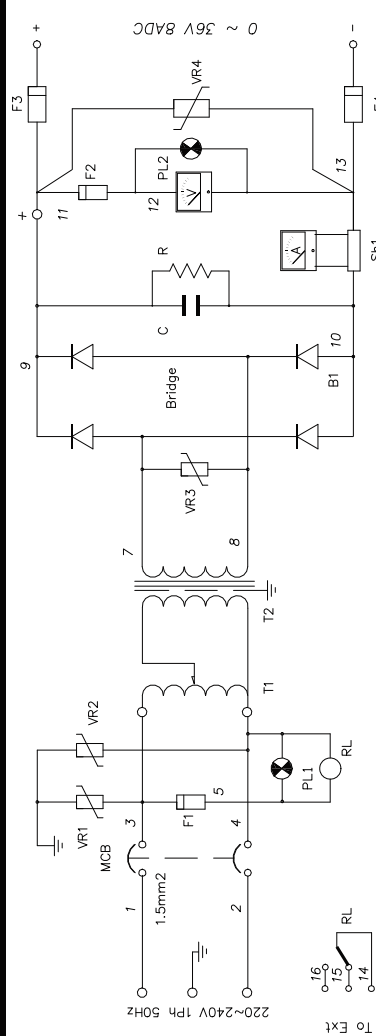
**CATHODIC PROTECTION SYSTEM
SINGLE LINE SCHEMATIC DIAGRAM**



**CORRPRO
COMPANIES
ASIA PACIFIC**
"For Every Corner of Your World"

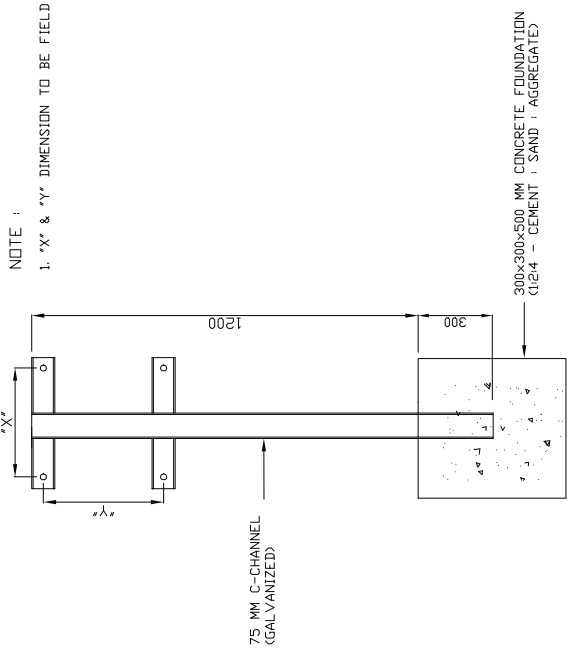
DESIGN BY	DAN GALLAGHER
DRAWN BY	I. BAROI
CHKD BY	G. WILLIAMS
DATE	5-12-02
SCALE	NTS
DRAWING NO.	MD - CT - 001
SHEET NO.	4 OF 6
REV.1	AS BUILT





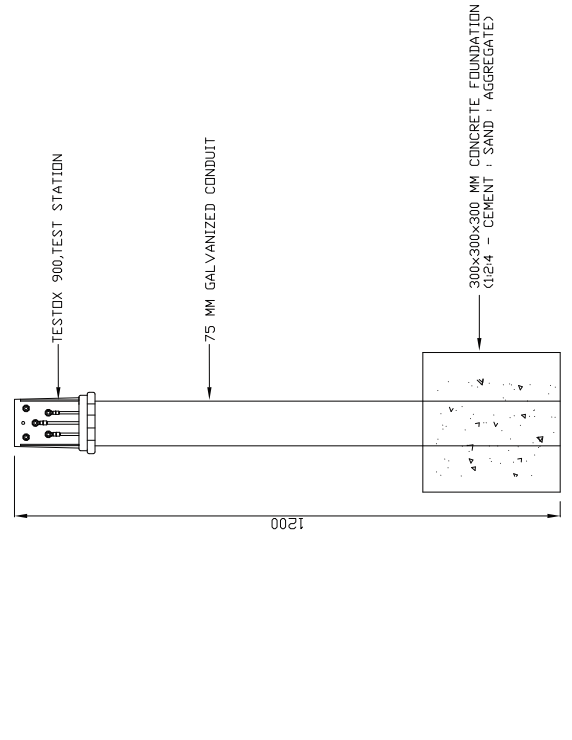
- LEGENDS**
- MCB : Input Breaker, 2P 6A
 - B1 : Rectifier Bridge
 - V : Ammeter, 10A
 - V : Voltmeter, 40VDC
 - T1 : Variable transformer
 - T2 : Mains step down Xformer
 - C : Filter Capacitor
 - F1 : Control Fuse, 1A
 - F2 : Voltmeter fuse 1A
 - F3-F4 : Output fuses, 12A
 - PL1 : Incoming lamp
 - PL2 : Output Lamp, 50V
 - VR4 : Output lighting arrestor
 - VR3 : Bridge Surge arrestor
 - VR1-2 : Input Surge arrestors
 - R : Bleed Resistor
 - RL : Control Relay
- Mounting**
- Colour : Wall 7032
 - Cable : Pop entry
 - Coating : Polyester/epoxy
 - Mounting holes : IP23
 - Protection : IP23
 - Weight : ~ 35Kgs

Mounting Brackets



NOTE :
1. *X* & *Y* DIMENSION TO BE FIELD DETERMINED

DETAIL - 2 DISTRIBUTION BOX SUPPORT



DETAIL - 3 TEST STATION SUPPORT

1	AS BUILT		
0	ISSUED FOR CONSTRUCTION		
REV.	DESCRIPTION	CHKD	APPR
PROJECT :			

NAM CON SON GAS PROJECT

CLIENT :
BP VIETNAM

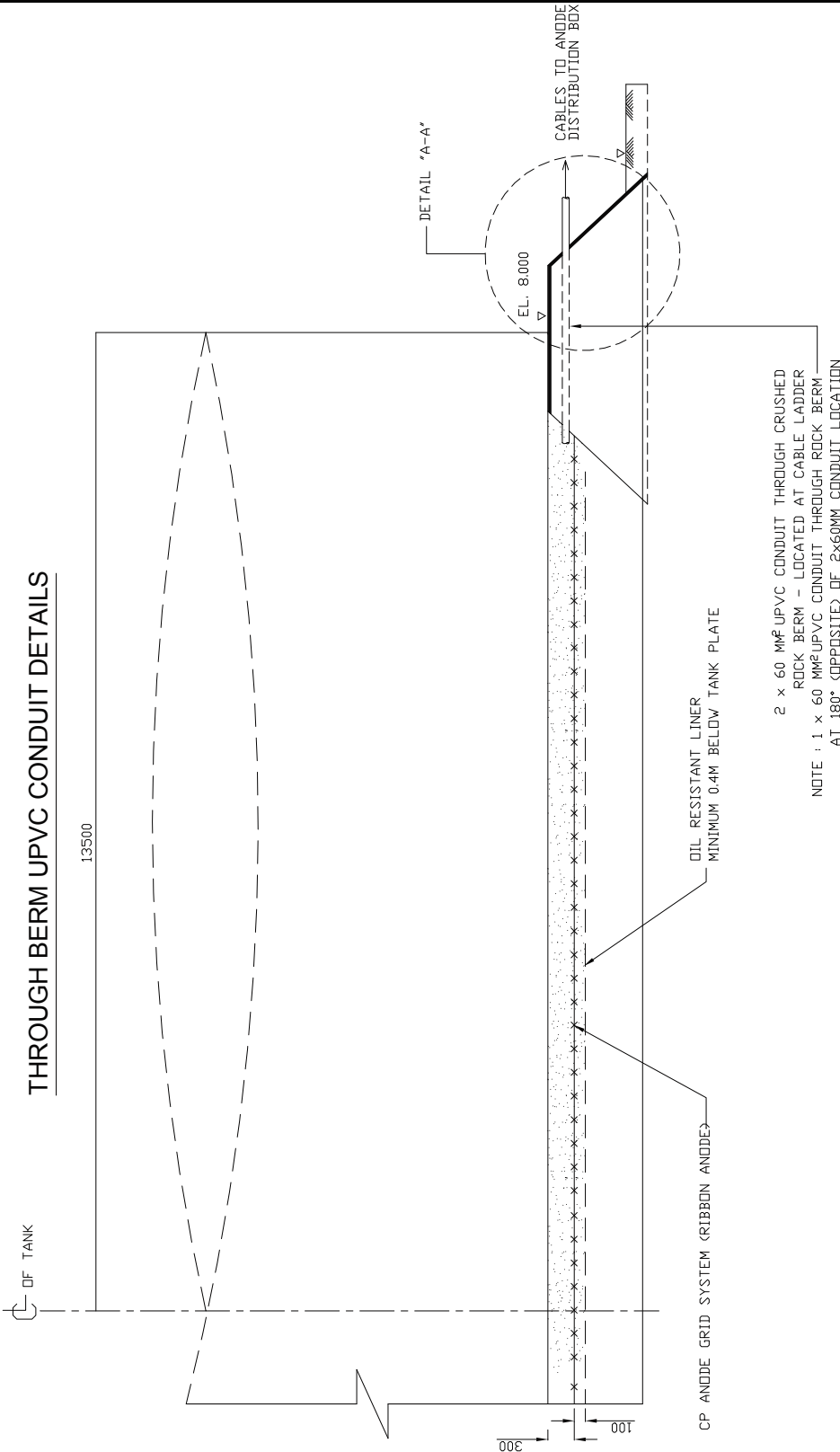
DWG. TITLE :
CATHODIC PROTECTION SYSTEM
EQUIPMENT INSTALLATION
DETAILS



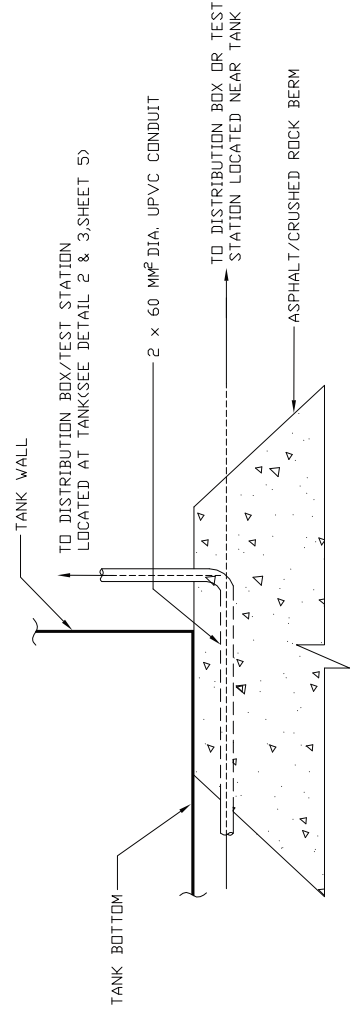
DESIGN BY	DAN GALLAGHER
DRAWN BY	I. BARGI
CHKD BY	G. WILLIAMS
DATE	5-12-02
SCALE	NTS
DRAWING NO.	MD - CT - 001
SHEET NO.	5 OF 6
REV. 1	AS BUILT



THROUGH BERM UPVC CONDUIT DETAILS



DETAIL "A - A"



2 x 60 MMΦ UPVC CONDUIT THROUGH CRUSHED ROCK BERM - LOCATED AT CABLE LADDER
 NOTE : 1 x 60 MMΦ UPVC CONDUIT THROUGH ROCK BERM AT 180° (OPPOSITE) OF 2x60MM CONDUIT LOCATION

REV.	DESCRIPTION	CHKD	APPR
1	AS BUILT		
0	ISSUED FOR CONSTRUCTION		

PROJECT :

NAM CON SON GAS PROJECT

CLIENT :

BP VIETNAM

DWG. TITLE :

**CATHODIC PROTECTION SYSTEM
 CABLE ROUTE DETAILS AT TANK**



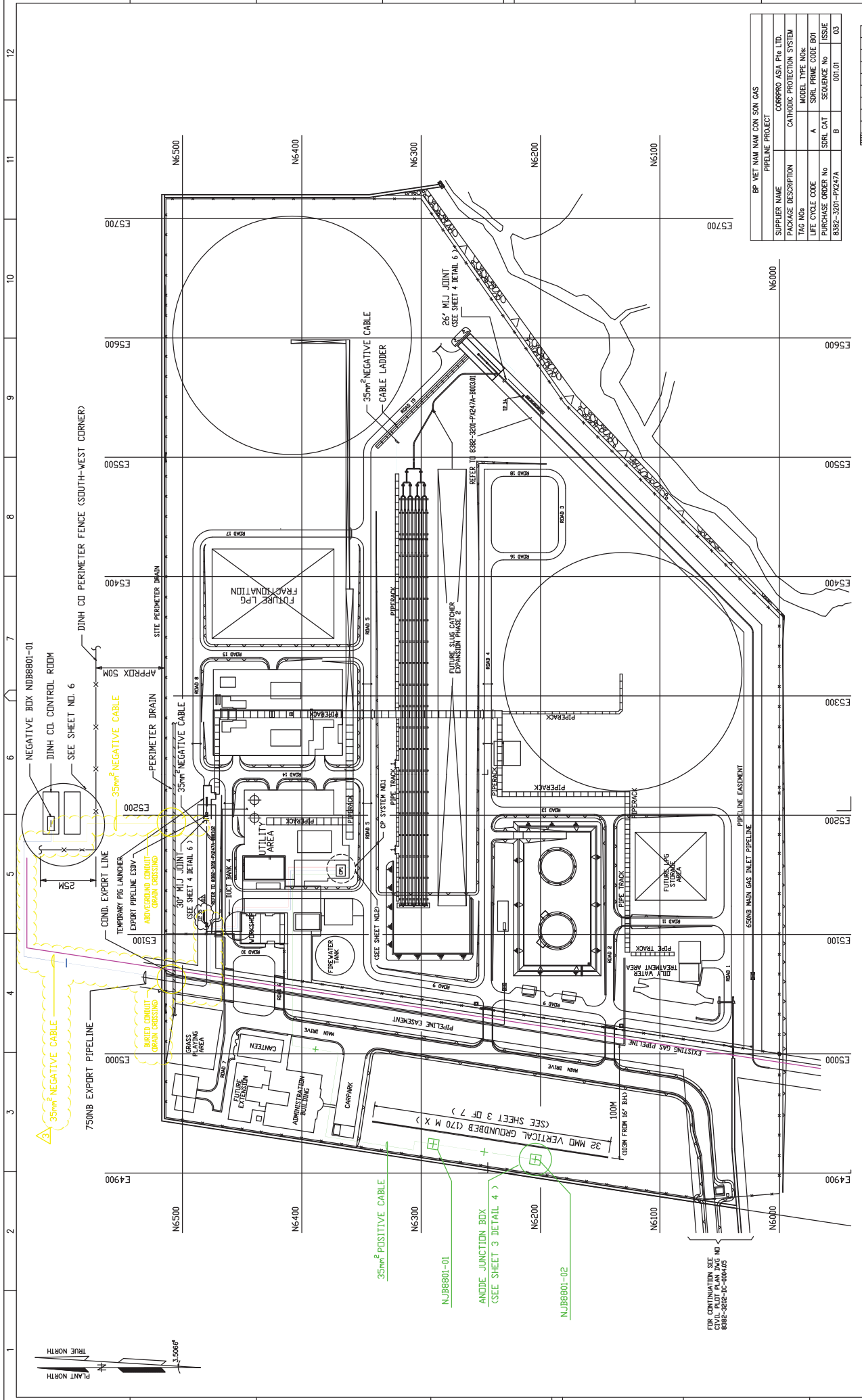
DESIGN BY	DAN GALLAGHER
DRAWN BY	I. BARGI
CHKD BY	G. WILLIAMS
DATE	5-12-02
SCALE	NTS
DRAWING NO.	MD - CT - 001
SHEET NO.	6 OF 6
REV. 1	AS_BUILT

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module với số định danh: NCS.25.3597>

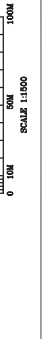


Appendix 2 – The CP System for NCSP Pipelines





BP VIET NAM CON SON GAS PIPELINE PROJECT	
SUPPLIER NAME	CORRERO ASIA Pte. LTD.
PACKAGE DESCRIPTION	CATHODIC PROTECTION SYSTEM
TAG No.	MODEL TYPE NO.:
LIFE CYCLE CODE	SOUR. PRIME CODE B01
PURCHASE ORDER No	SERIAL CAT
ISSUE	SEQUENCE No
B392-3201-P2247A	001.01
	03



NAM CON SON GAS PROJECT	
CATHODIC PROTECTION EQUIPMENT LAYOUT ARRANGEMENT AND INSTALLATION DETAILS	
DATE: 19-02-02	SCALE: 1:1500
DRAWING No. MD-PL-001	SHEET 1 OF 7
REV. 3	REV. 3



NO.	REV.	DATE	DESCRIPTION	BY	CHECKED	APPROVED
1	1	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			
2	2	19/02/02	ISSUED FOR CONSTRUCTION			
3	3	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			

NO.	REV.	DATE	DESCRIPTION	BY	CHECKED	APPROVED
1	1	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			
2	2	19/02/02	ISSUED FOR CONSTRUCTION			
3	3	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			

NO.	REV.	DATE	DESCRIPTION	BY	CHECKED	APPROVED
1	1	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			
2	2	19/02/02	ISSUED FOR CONSTRUCTION			
3	3	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			

NO.	REV.	DATE	DESCRIPTION	BY	CHECKED	APPROVED
1	1	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			
2	2	19/02/02	ISSUED FOR CONSTRUCTION			
3	3	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			

NO.	REV.	DATE	DESCRIPTION	BY	CHECKED	APPROVED
1	1	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			
2	2	19/02/02	ISSUED FOR CONSTRUCTION			
3	3	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			

NO.	REV.	DATE	DESCRIPTION	BY	CHECKED	APPROVED
1	1	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			
2	2	19/02/02	ISSUED FOR CONSTRUCTION			
3	3	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			

NO.	REV.	DATE	DESCRIPTION	BY	CHECKED	APPROVED
1	1	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			
2	2	19/02/02	ISSUED FOR CONSTRUCTION			
3	3	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			

NO.	REV.	DATE	DESCRIPTION	BY	CHECKED	APPROVED
1	1	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			
2	2	19/02/02	ISSUED FOR CONSTRUCTION			
3	3	19/02/02	ISSUED FOR APPROVAL			

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module với số định danh: NCS.25.3597>

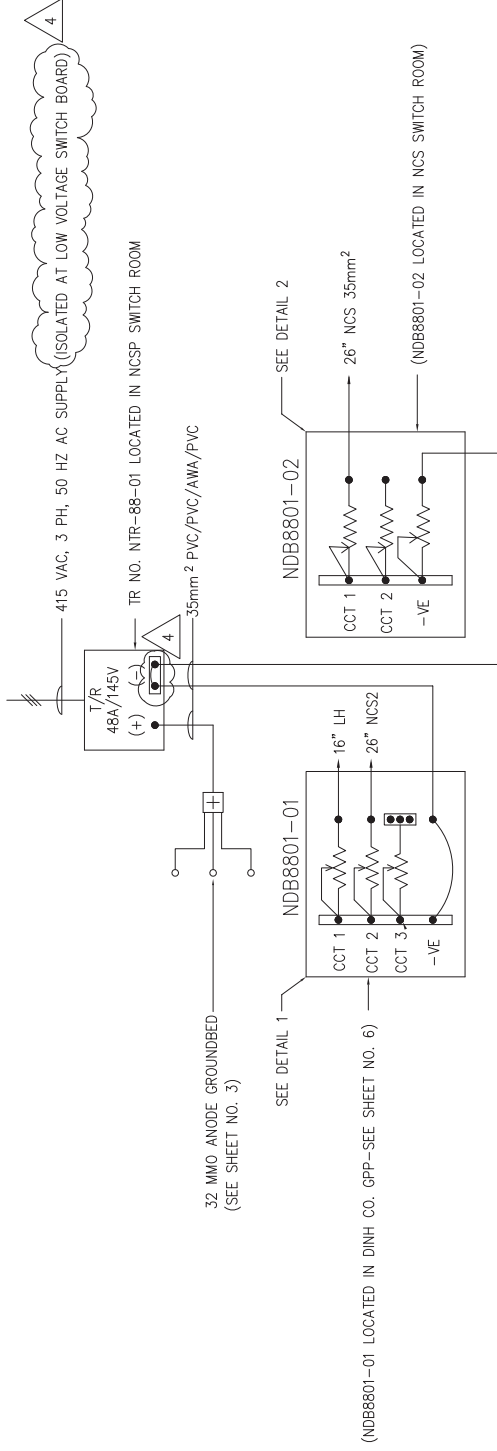


NOTES :

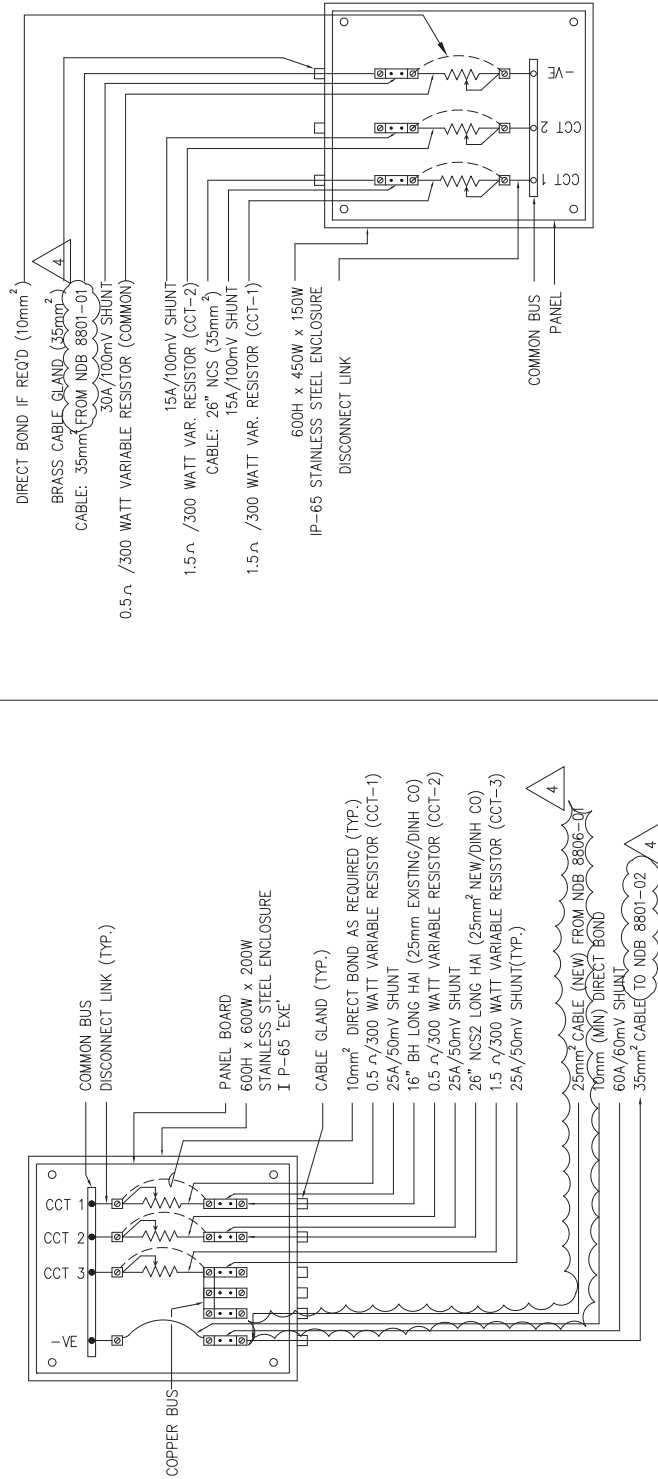
1. THE ANODES SHALL BE INSTALLED IN A HORIZONTAL OR VERTICAL POSITION. A MINIMUM DEPTH OF 15 METERS SHALL BE MAINTAINED FROM THE TOP (VERTICAL) OR CENTER LINE (HORIZONTAL) TO GRADE LEVEL.
2. THE ANODES SHALL BE POSITIONED BETWEEN 2 TO 4 METERS ADJACENT TO PIPELINE AND INSTALLED ON APPROXIMATE 10 METERS INTERVALS. THE ANODE MAY BE MOVED 2 TO 3 METERS TO ACCOMMODATE SITE CONDITIONS.
3. THE ANODE JUNCTION BOX AND ANODE CIRCUIT BOXES CAN BE LOCATED TO SUITE SITE CONDITIONS.
4. ALL CABLES SHALL BE INSTALLED IN A COMMON TRENCH WHENEVER POSSIBLE.

LEGEND :

- TR TRANSFORMER RECTIFIER.
- J ANODE JUNCTION BOX.
- ⊕ ANODE CIRCUIT BOX.
- +— POSITIVE ANODE CABLE.
- NEGATIVE CABLE.
- THERMIT WELD CONNECTION.
- ⊗ MIXED METAL OXIDE ANODE INSTALLED IN CANISTER W/COKE BREEZE.



CP SYSTEM NO. 1 - NCS TERMINAL
ONE LINE DIAGRAM



DETAIL - 1

CP SYSTEM NO.1 - NEGATIVE DISTRIBUTION BOX NO. NDB8801-01

DETAIL - 2

CP SYSTEM NO.1 - NEGATIVE DISTRIBUTION BOX NO. NDB8801-02

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module với số định danh: NCS.25.3903>

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module với số định danh: NCS.25.3597>

BP VIET NAM NAM CON SON GAS	
PIPELINE PROJECT	
SUPPLIER NAME	CORRPRO ASIA Pte LTD.
PACKAGE DESCRIPTION	CATHODIC PROTECTION SYSTEM
TAG NOs	MODEL TYPE NOs:
LIFE CYCLE CODE	A
PURCHASE ORDER No	SDRL PRIME CODE B01
8382-3201-PX247A	B
	SEQUENCE No
	ISSUE
	001.02
	02

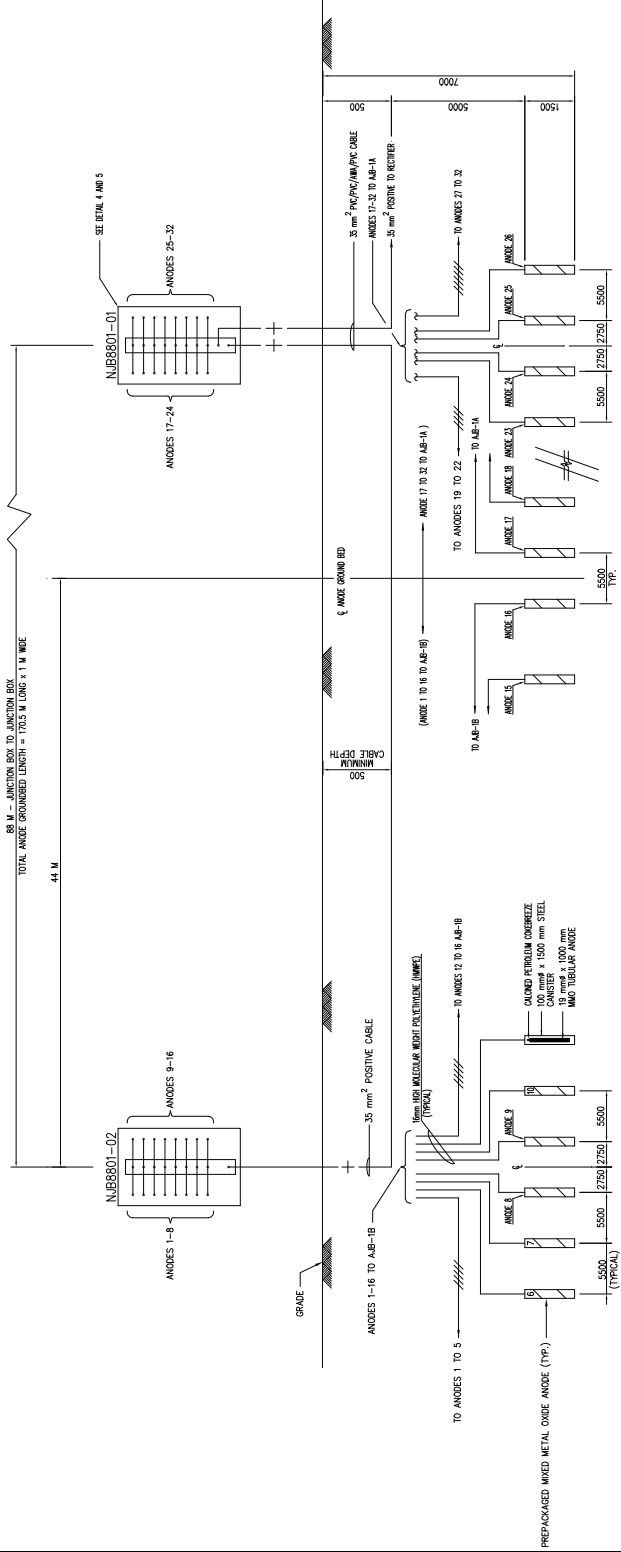
REV	DATE	BY	DESCRIPTION	CHKD	APPR
4	28/10/24	NTP	AS-BUILT AS PER FOP-463		PNV
3	15/06/21	NTP	AS-BUILT AS PER FOP-404		PNV
2	03/02/05	WJO	REMOVED DIRECT BOND CABLE		PNV
1	15/12/02	B	FINAL DESIGN-AS BUILT		MMW
0	10/05/02	DC	ISSUED FOR CONSTRUCTION		GMH
	05/02/02	DC	ISSUED FOR APPROVAL		DC
					CHD
					APPR

CLIENT	BP GAS VIETNAM
PROJECT	NAM CON SON GAS PROJECT
TITLE	CATHODIC PROTECTION SYSTEM NO.1 AT NCS TERMINAL ELECTRICAL SCHEMATIC
SCALE	COMPUTER FILE
INTS	MID/PL001B
DRAWING NUMBER	MID-PL-001
SHEET	2 OF 7
REV.	4

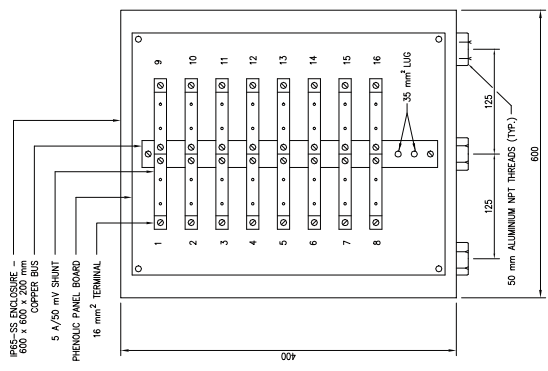


NOTES:

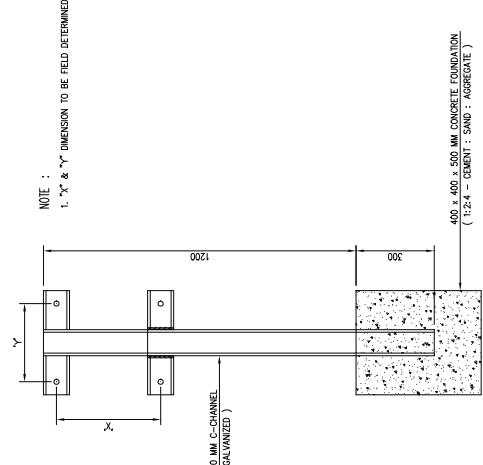
1. THE DC CABLES SHALL BE ROUTED IN EXISTING CABLE TRAYS OR IN CABLE TRENCHES. SEGREGATION FROM INSTRUMENT CABLES SHOULD BE MAINTAINED. CONTRACTOR TO OBTAIN FINAL APPROVAL FROM THE ELECTRICAL SUPERVISOR FOR THE FINAL ROUTING OF THE CABLE.
2. THE JUNCTION BOXES SHALL BE LOCATED NEAR THE LOCATIONS SHOWN ON THE DRAWING. CONTRACTOR TO OBTAIN FINAL APPROVAL OF JUNCTION BOX LOCATION PRIOR TO INSTALLATION.



DETAIL 3 ANODE GROUNDBED ARRANGEMENT
CP SYSTEM No. 1 – NCSP DINH CO.



DETAIL - 4 16 TERMINAL ANODE JUNCTION BOX
(JUNCTION BOX NUB8801-02 SHOWN)



NOTE :
1. 'X' & 'Y' DIMENSION TO BE FIELD DETERMINED

DETAIL - 5 DISTRIBUTION BOX SUPPORT STRUCTURE
Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module với số định danh: NCS.25.3903>

BP VIET NAM NAM CON SON GAS	
PIPELINE PROJECT	
SUPPLIER NAME	CORRPRO ASIA Pte LTD.
PACKAGE DESCRIPTION	CATHODIC PROTECTION SYSTEM
TAG NOS	MODEL TYPE NOS:
LIFE CYCLE CODE	A SDRL PRIME CODE B01
PURCHASE ORDER No	SDRL CAT SEQUENCE No
8382-3201-PX247A	B 001.03 01

REV	DATE	BY	DESCRIPTION	CHKD	APPD
1	5/17/2021	IB	FINAL DESIGN - AS BUILT	GMW	DC
0	10/05/2021	DC	ISSUED FOR CONSTRUCTION	MS	DC
A	20/02/2021	BOG	ISSUED FOR APPROVAL	GMW	BOG

CLIENT	BP GAS VIETNAM
PROJECT	NAM CON SON GAS PROJECT
TITLE	CATHODIC PROTECTION SYSTEM ANODE GROUNDBED INSTALLATION DETAILS CP SYSTEM NO. 1 AT NCS TERMINAL
SCALE	COMPUTER FILE
NTS	MDPL001C
DRAWING NUMBER	MD-PL-001
SHEET	3 OF 7
REV	1

N O T E S :

1. THE 35 mm² NEGATIVE CABLE FROM THE NCSP RECIPIER SHALL TERMINATE WITHIN THE RESISTOR CONTROL BOX.
2. THE RESISTOR CONTROL BOX SHALL BE MOUNTED TO THE WALL IN THE IMMEDIATE AREA OF THE EXISTING TRANSFORMER RECIPIER UNIT INSIDE THE SWITCH ROOM.
3. THE EXISTING TRANSFORMER RECIPIER SHALL BE DE-ENERGIZED PRIOR TO COMMISSIONING OF THE NEW SYSTEM



LEGEND

REFERENCE DRAWING :

1. MD - PL - 001 (SHEET 1 OF 7)
2. MD - PL - 001 (SHEET 2 OF 7)

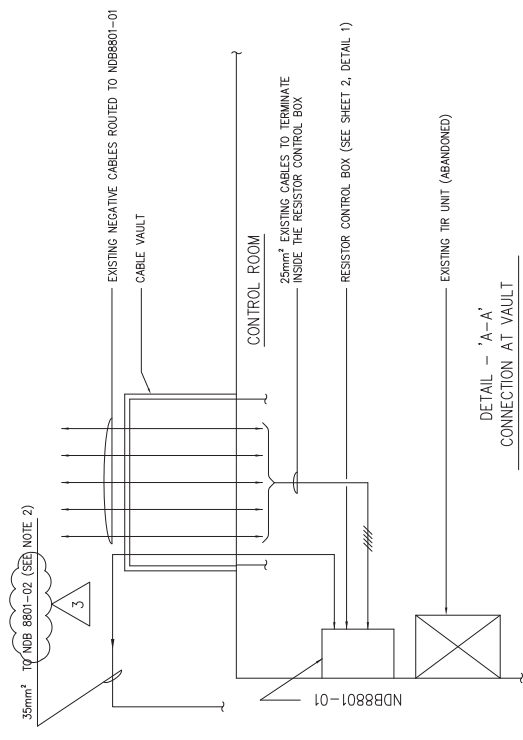
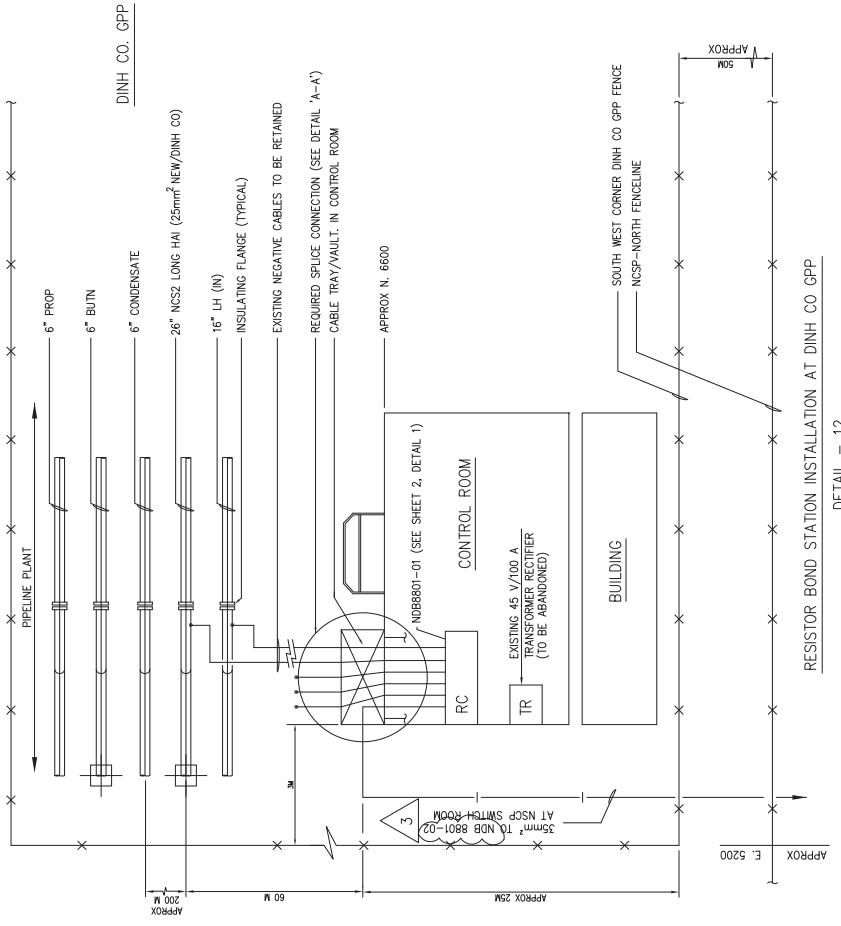
BP VIET NAM NAM CON SON GAS

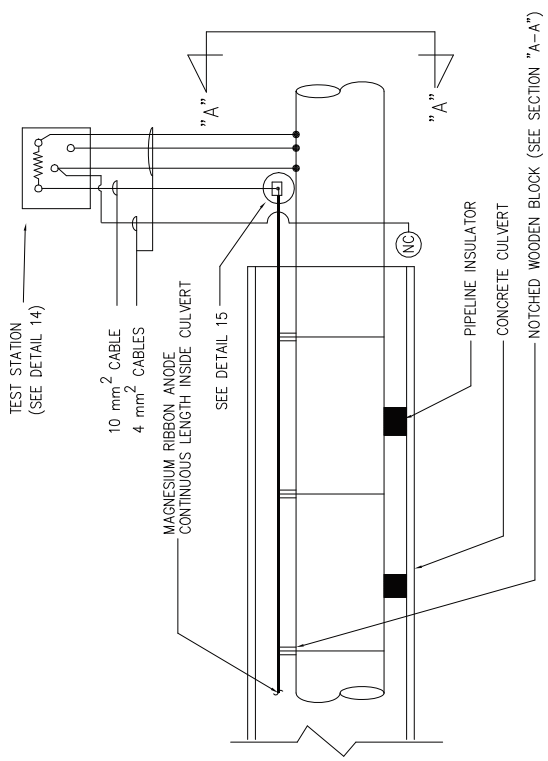
PIPELINE PROJECT

SUPPLIER NAME	CORRPRO ASIA Pte LTD.	
PACKAGE DESCRIPTION	CATHODIC PROTECTION SYSTEM	
TAG NOS	MODEL TYPE NOS:	
LIFE CYCLE CODE	A	SDRL PRIME CODE B01
PURCHASE ORDER No	SDRL CAT	SEQUENCE No
8382-3201-PX247A	B	001.06

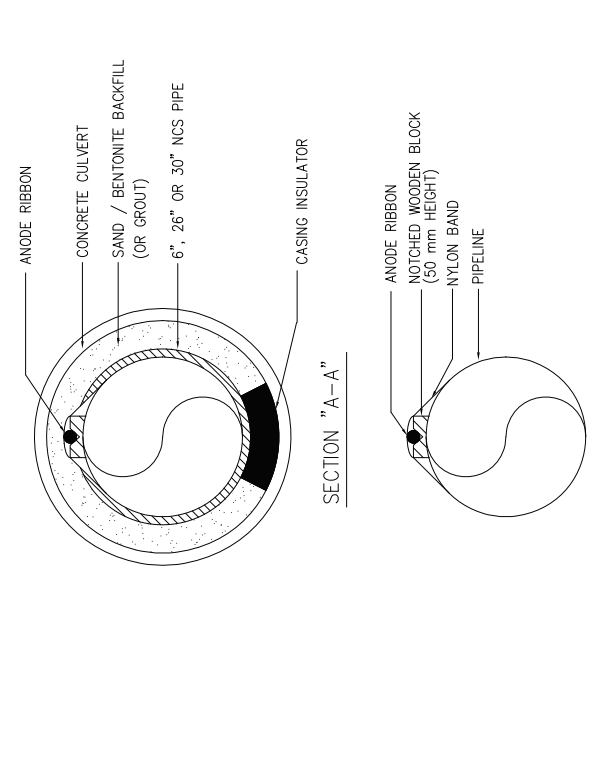
3	28/10/24	NSP	AS-BUILT AS PER FP-463	PIT	PIV
2	30/06/22	NSP	AS-BUILT AS PER FP-464	PIT	PIV
1	15/12/02	IB	FINAL DESIGN - AS BUILT	OMP	DC
0	10/05/02	DC	ISSUED FOR CONSTRUCTION	NS	DC
0	10/05/02	DC	ISSUED FOR APPROVAL	NS	DC
REV	DATE	BY	DESCRIPTION	CHKD	APPD

CLIENT	BP GAS VIETNAM	
PROJECT	NAM CON SON GAS PROJECT	
TITLE	CATHODIC PROTECTION SYSTEM MODIFICATION AT DINH CO. GPP	
SCALE	COMPUTER FILE	DRAWING NUMBER
NTS	MIDPLOT/IF	MD-PL-001
		SHEET
		6 OF 7
		3





DETAIL-12 CATHODIC PROTECTION DETAIL AT PIPELINE CULVERT

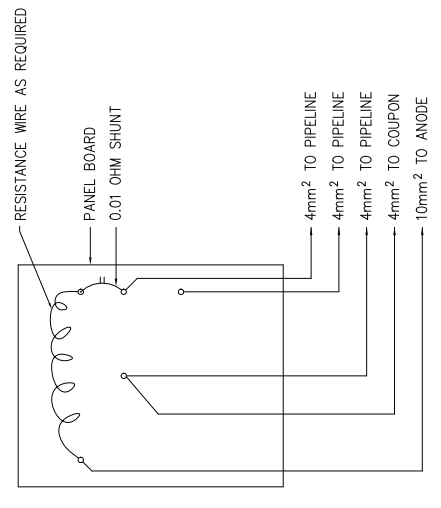


DETAIL-13 ANODE ATTACHMENT TO PIPELINE DURING INSTALLATION

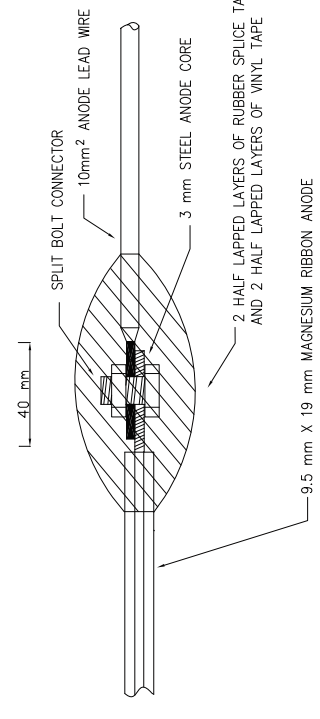
CATHODIC PROTECTION AT PIPELINE-THROUGH-CULVERT LOCATION

S/N	Location (RP)	Pipe OD (m)	Culvert Length (m)	Pipe SA (m ²)	Current Reqmt (mA) (0.05 mA/m ²)	Active Anode Length (m)	Anode Weight (0.36 kg/m)	Max. Allowable Anode Output (A)	Supplied Anode Length (m)
1	23.850	0.762	24	58	3	24	8.64	0.025	26
2	16.542 (May 51)	0.762	60	144	7.2	60	21.6	0.065	62 w/ 2 IS (Same as 2)
3	16.483 (May 51)	0.762	60						
4	Long for flood P-ing	0.678							34 m

2" offshore Pipeline At Landfill Area At Road Crossing Culvert
Max. Allowable Anode Output = 0.025 Amp



DETAIL - 14 TEST STATION CONNECTION



DETAIL - 15 ANODE TO CABLE CONNECTION

BP VIET NAM NAM CON SON GAS
PIPELINE PROJECT

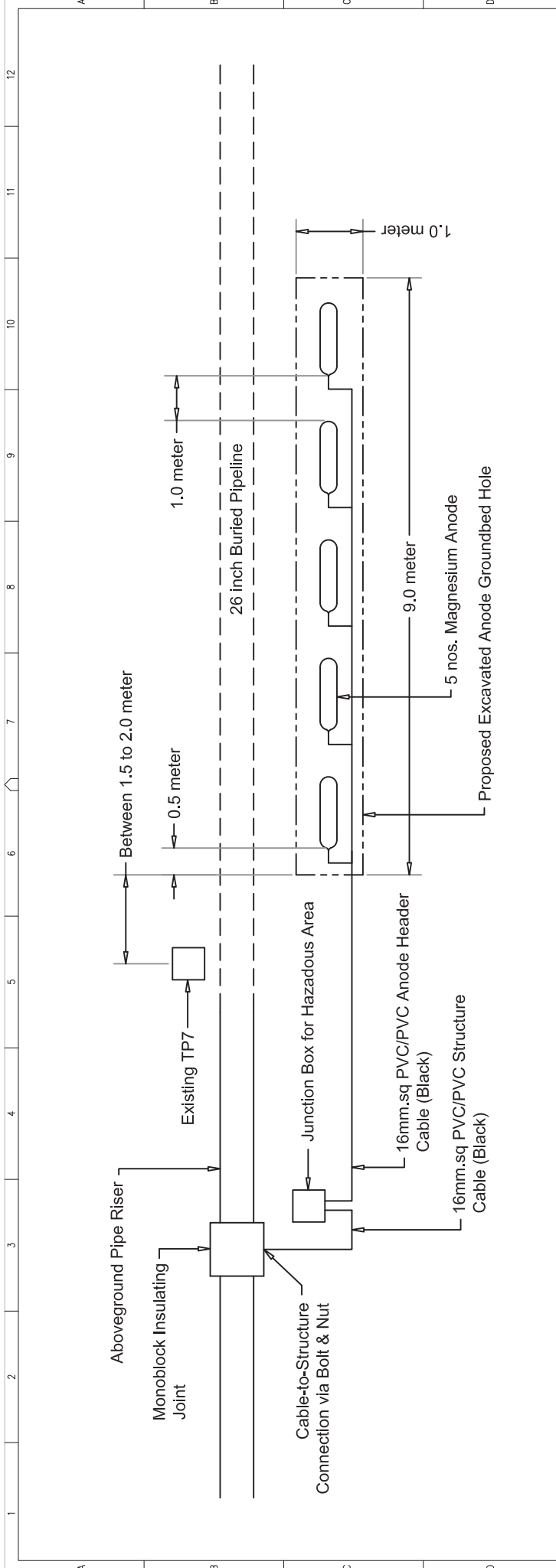
SUPPLIER NAME	CORRPRO ASIA Pte LTD.
PACKAGE DESCRIPTION	CATHODIC PROTECTION SYSTEM
TAG NOS	
LIFE CYCLE CODE	A
PURCHASE ORDER No	8382-3201-PX247A
MODEL TYPE NOS:	SDRL PRIME CODE B01
SDRL CAT	B
SEQUENCE No	001.07
ISSUE	01

REV	DATE	BY	DESCRIPTION
1	5/27/02	DC	FINAL DESIGN - AS BUILT
0	10/02/02	DC	ISSUED FOR CONSTRUCTION
A	20/02/02	DC	ISSUED FOR APPROVAL

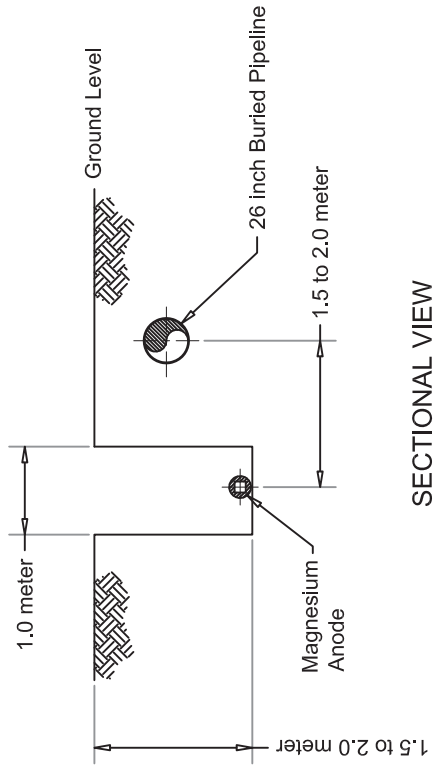
CLIENT	BP GAS VIETNAM
PROJECT	NAM CON SON GAS PROJECT
TITLE	CATHODIC PROTECTION DETAILS AT CONCRETE CULVERTS
SCALE	N/A
COMPUTER FILE	MIDPL001G
DRAWING NUMBER	MD-PL-001
SHEET	7 OF 7
REV	1

Appendix 3 – The Sacrificial Anode System




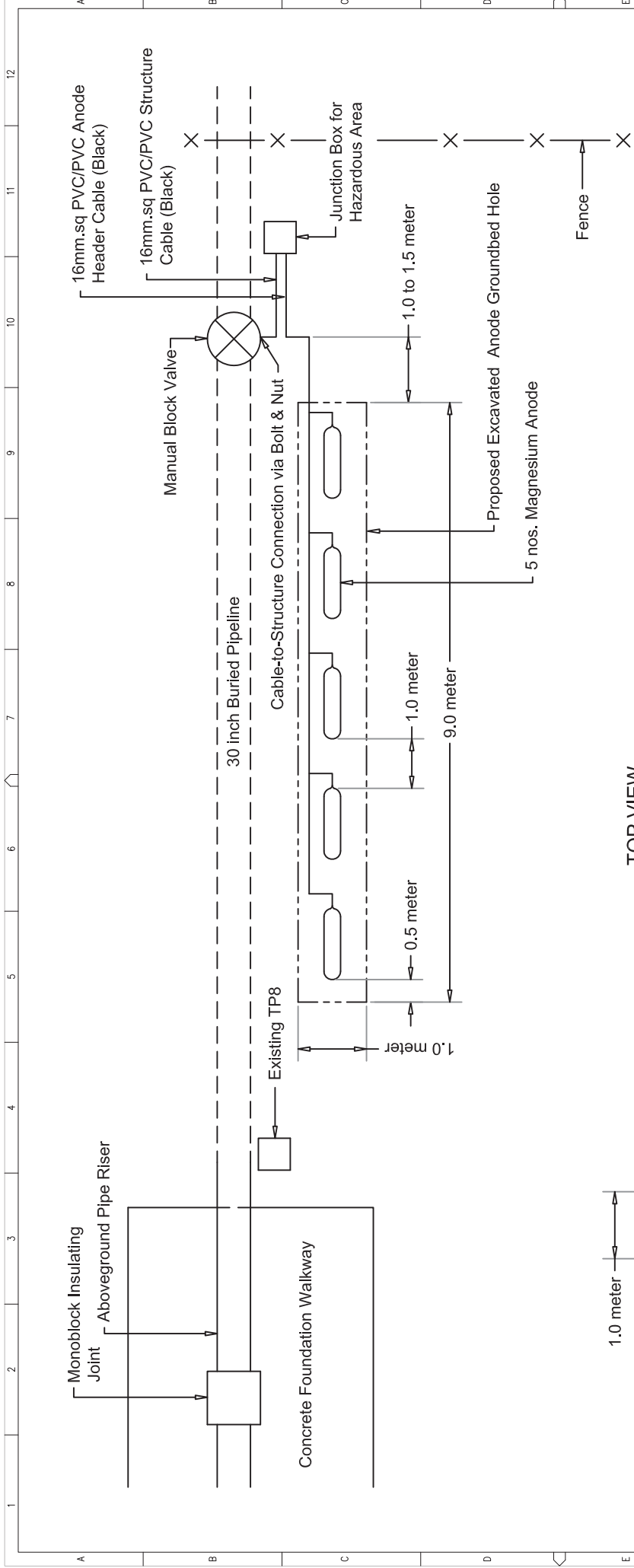


TOP VIEW

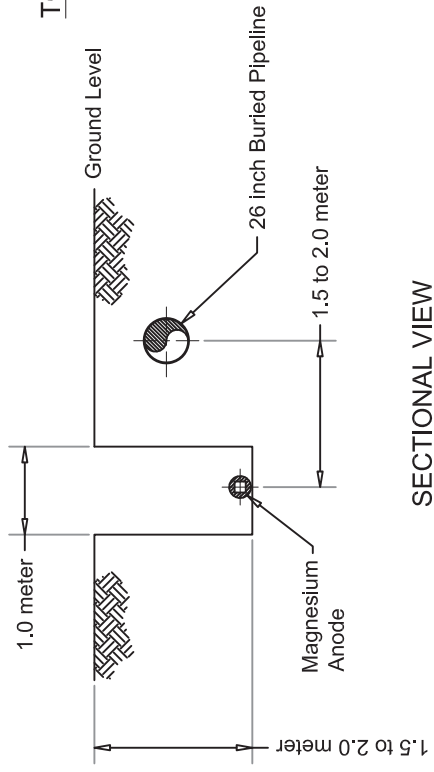


SECTIONAL VIEW

CONTRACTOR		NRI ENGINEERING SDN. BHD. SUITE 20-G-1, LEVEL 20, BLOCK C, MEGAN AVENUE II, 12, JALAN YAP KWAN SENG, 50450 KUALA LUMPUR, MALAYSIA	
		NAM CON SON PIPELINE SACRIFICIAL CATHODIC PROTECTION LAYOUT FOR NPS26 IN DINH CO PLANT (INLET)	
SCALE:	N.T.S.	DRAWING No.:	NCSP/SCP/LYTI
REV.:	3	DATE:	
AS BUILT		CHK	
ENG		ENG	
LEAD ENG.		LEAD ENG.	
REV.:		REV.:	



TOP VIEW



SECTIONAL VIEW

CONTRACTOR:
NAM CON SON PIPELINE
 NRI ENGINEERING SDN. BHD.
 SUITE 20-C-1, LEVEL 20, BLOCK C, MEGAN AVENUE II,
 12, JALAN YAP KWAN SENG, 50450 KUALA LUMPUR, MALAYSIA

NAM CON SON PIPELINE
 SACRIFICIAL CATHODIC PROTECTION LAYOUT
 FOR NPS30 IN DINH CO PLANT (OUTLET)

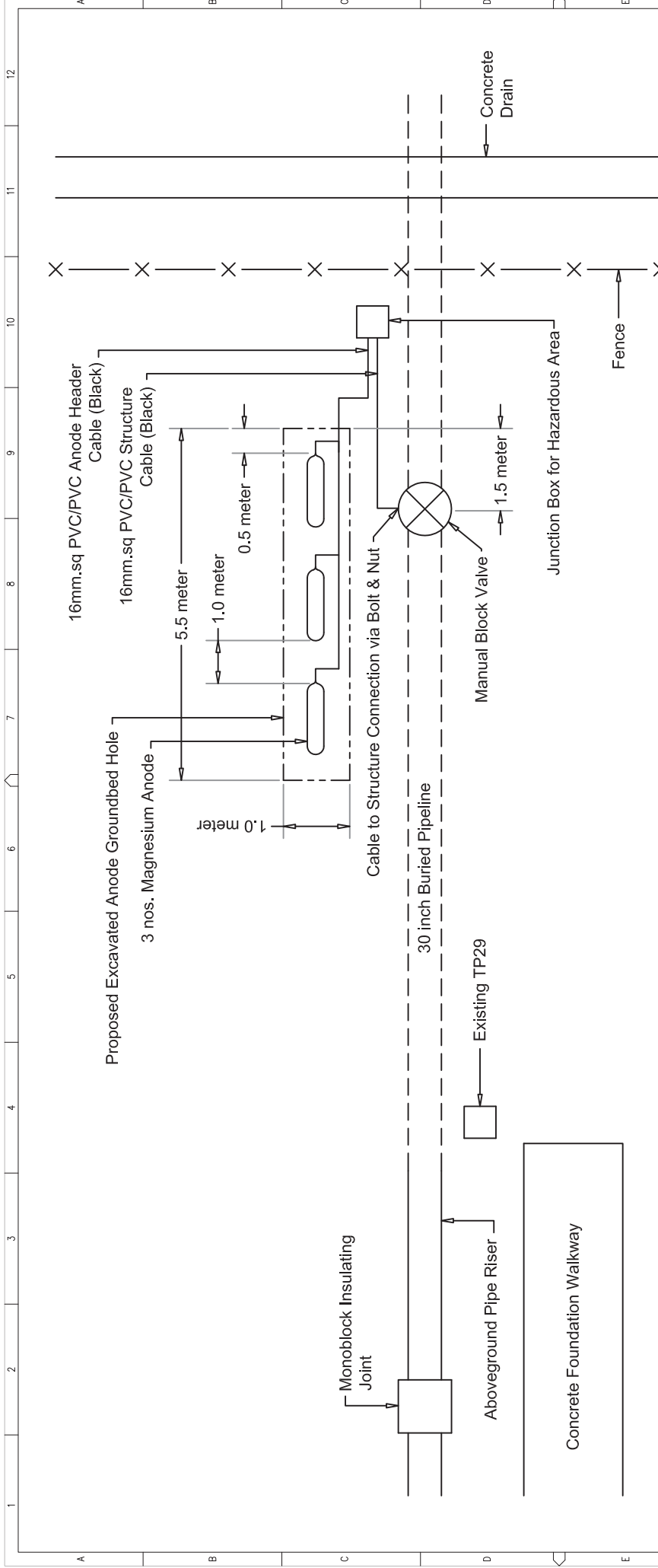
SCALE: N.T.S.
 DRAWING No.: NCSP/SCP/LYT2
 REV.: 3

NO.	DATE	REVISION	CHK	ENG	LED	DES.	REV.
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							

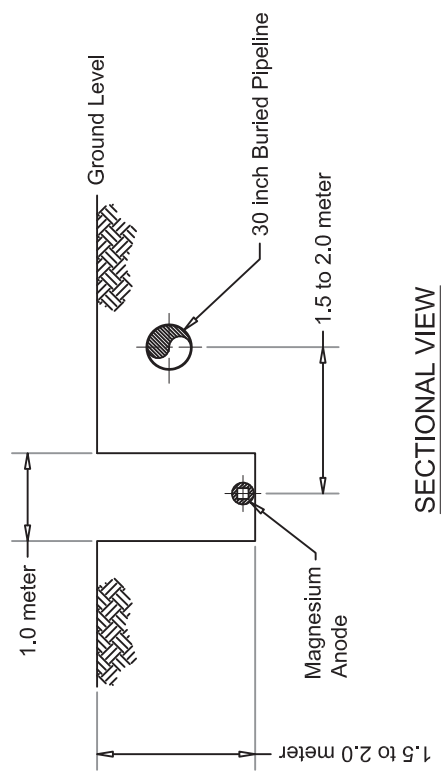
Ref. Draw No. / / AS BUILT
 REFERENCE DRG. TITLE / / DATE
 No. / /

NOTES:





TOP VIEW



SECTIONAL VIEW

CONTRACTOR: **NAM CON SON PIPELINE**
 NRI ENGINEERING SDN. BHD.
 SUITE 20-G-1, LEVEL 20, BLOCK C, MEGAN AVENUE II,
 12, JALAN YAP KWAI SENG, 50450 KUALA LUMPUR, MALAYSIA

**SACRIFICIAL CATHODIC PROTECTION LAYOUT
 FOR NPS30 IN PHU MY GDC**

SCALE: N.T.S. DRAWING No.: NCSP/SCP/LYT3 REV: 3

NO.	REVISION	DATE	BY	CHECKED	DATE	NO.	DATE	BY	CHECKED	DATE
1	AS BUILT	/ /				1				

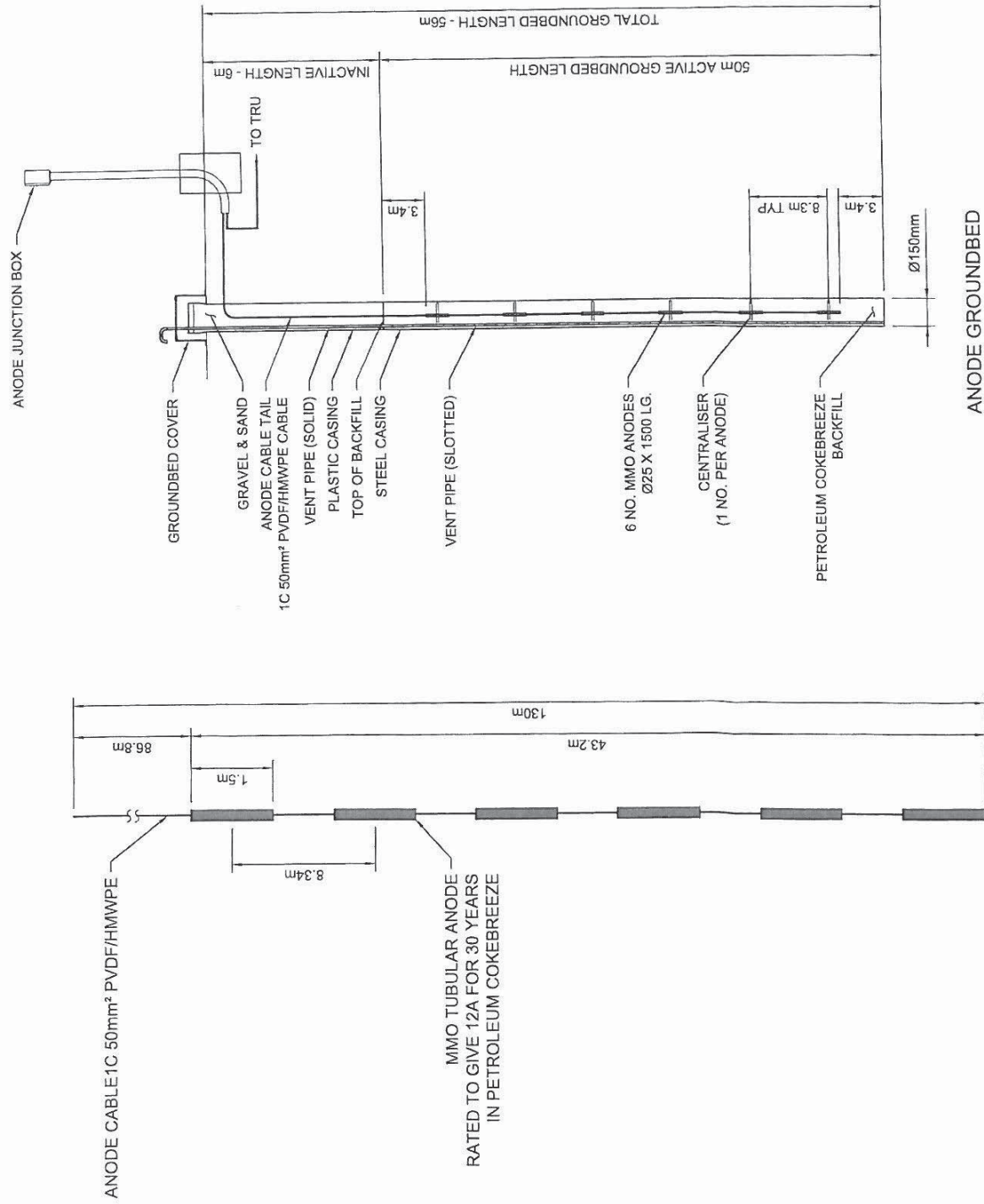
NOTES:



Appendix 4 – The ICCP System for 17-inch Pipeline in GDC Phu My

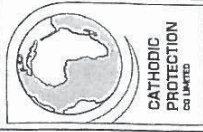


USED ON	
JOB NO.	P22827
PART NO.	PN1010994



ANODE STRING
PN1010994

MMO ANODE STRING
DETAIL

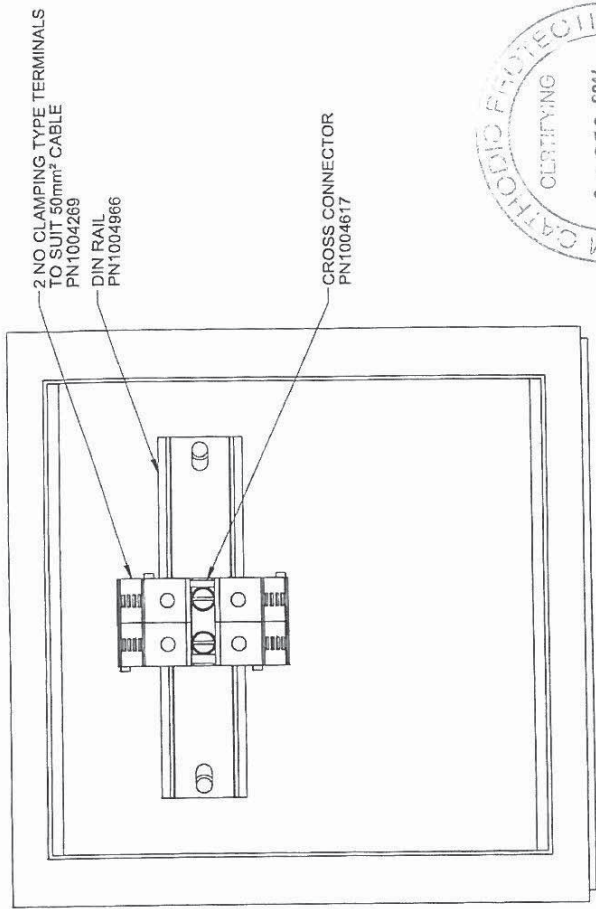
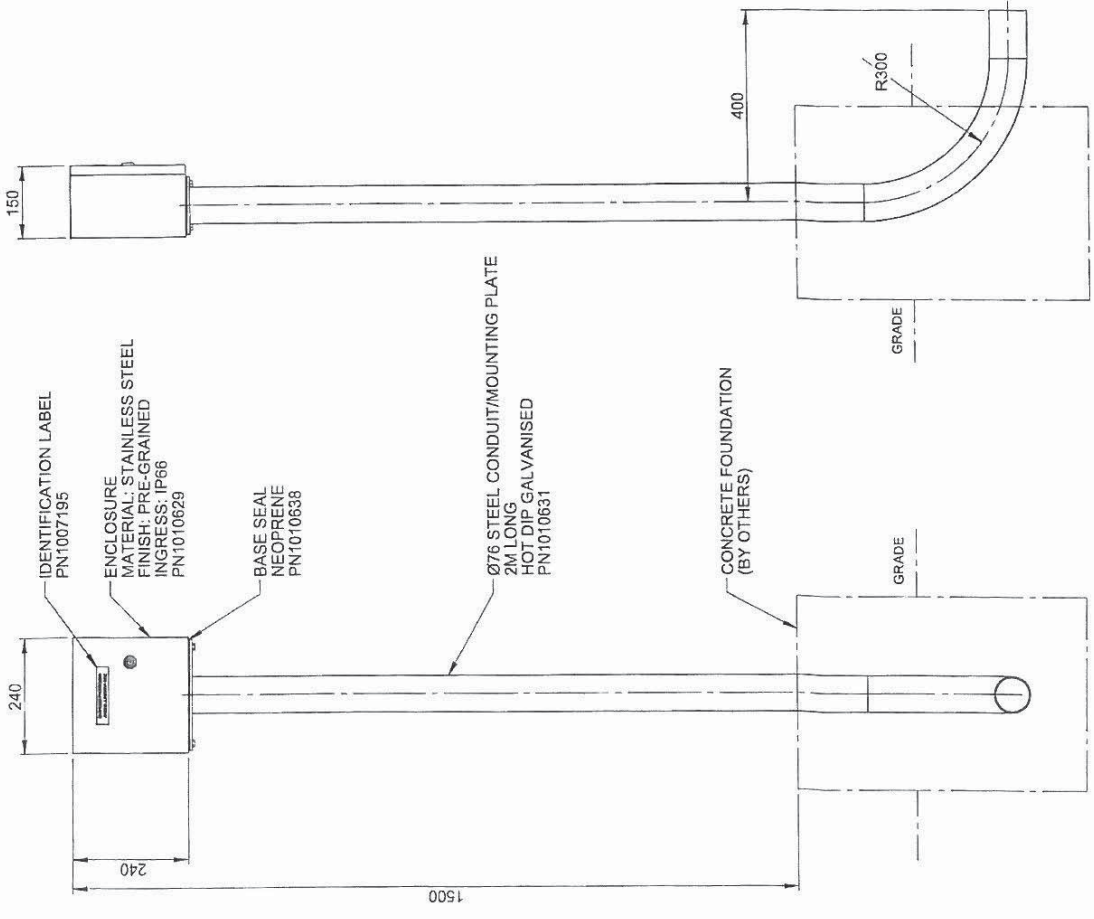


REV	0	ISSUED FOR APPROVAL	31 JUL 14	NS	TECH	COV	CM
DESCRIPTION	DATE	PREP	DATE	NO	NO	NO	NO
Grantham, Lincs, UK, NG31 7XS Tel. +44(0)1476 690666 E-mail cpc@cathodic.co.uk							

SCALE	N.T.S.	UNLESS OTHERWISE NOTED ALL DIMENSIONS ARE IN MILLIMETERS	FIRST ANGLE
THE INFORMATION SHOWN ON THIS DRAWING IS CONFIDENTIAL AND MUST NOT BE COPIED OR CONVEYED TO THIRD PARTIES WITHOUT THE EXPRESS PERMISSION OF CATHODIC PROTECTION CO. LTD.			
DRG NO.	P22827-01	SHT	1
REV	1	OF	1
REV	0	OF	0



USED ON	
JOB NO.	PART NO.
P23088	
P22827	



VIEW ON INTERNALS
SCALE 1:2



REV	ISSUED FOR APPROVAL	ZS/JUN/4	DATE	PREP	TECH	COMM
0						
	Grantham, Lincs, UK, NG31 7XS Tel. +44(0)1476 590666 E-mail epc@cathodic.co.uk Fax. +44(0)1476 570605					

TITLE

ONSHORE ANODE JUNCTION BOX

CATHODIC PROTECTION CO LIMITED

SCALE	UNLESS OTHERWISE NOTED	FIRST ANGLE	FORMAT
1:10	ALL DIMENSIONS ARE IN MILLIMETERS		A3
THE INFORMATION ON THIS DRAWING IS FOR INFORMATION ONLY AND DOES NOT REPRESENT A CONTRACT. THE USER SHALL BE RESPONSIBLE FOR OBTAINING ALL NECESSARY PERMITS AND EXPRESS PERMISSION OF CATHODIC PROTECTION CO. LTD.			
DRG NO	SHT	OF	REV
PN1010623	1	1	0

FOR SAFE AREA USE ONLY

04/11/14

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module> với số định danh: NCS.25.3093

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module> với số định danh: NCS.25.3597






**DK
ENGINEERING**

PVGAS SERVICE



PROJECT	ENGINEERING & PROCUREMENT & CONSTRUCTION IMPRESSED CURRENT CATHODIC PROTECTION
LOCATION	GDS PHU MY, PHU MY INDUSTRIAL ZONE, TAN THANH DISTRICT, BARIA-VUNG TAU PROVINCE.
CLIENT	PETROVIETNAM GAS CORPORATION J.S.C PV GAS SERVICE (DVK)
ENGINEERING	DK ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

**GENERAL ARRANGEMENT DRAWING
FOR TRANSFORMER RECTIFIER**



DISTRIBUTARY
CERTYFI AGENCY
PVGAS SOUTH EAST
PVGAS SERVICE

Rev.	Date	Description	By	Check.	App.
B	30/9/14	Approval	N.T.B	L.V.C	V.V.N
A	22/9/14	Review	N.T.B	L.V.C	V.V.N

DK ENGINEERING
Director

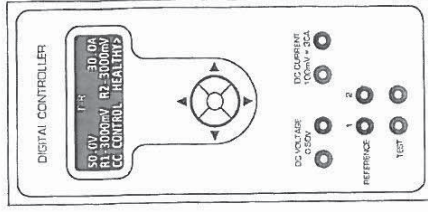
Vu Van Ngu

DK ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

Doc. No.:
DK14-027-DR-004
02
(Including this page)



DIGITAL CONTROLLER DESCRIPTION:
 THE DIGITAL CONTROLLER CONSISTS OF AN OLED SCREEN AND KEY PAD. THE DIGITAL CONTROL FACILITIES ARE:
 MONITORING
 DC OUTPUT VOLTAGE
 DC OUTPUT CURRENT
 2X OVERVOLTAGE POTENTIAL
 TR STATUS
 CONTROL
 CONTROL MODE
 CONTROL SET POINT AND LIMITS
 ALARM THRESHOLDS
 ALL PARAMETERS ARE SET VIA THE KEY PAD AND SCROLLING MENU.



REV	DESCRIPTION	DATE	CHKD	APPR
0	ISSUED FOR APPROVAL	31.7.14	JC	AD

Grantham, Lincs, UK, NG31 7XS
 Tel: +44(0)1476 890606
 E-mail: cpc@cathodic.co.uk

TITLE
 GENERAL ARRANGEMENT DRAWING
 TRANSFORMER RECTIFIER
 AC SUPPLY 240V 1PH 50Hz
 DC OUTPUT 50V 30A
 THYRISTOR CONSTANT VOLTAGE,
 CURRENT CONTROL AND
 AUTO-POTENTIAL CONTROL

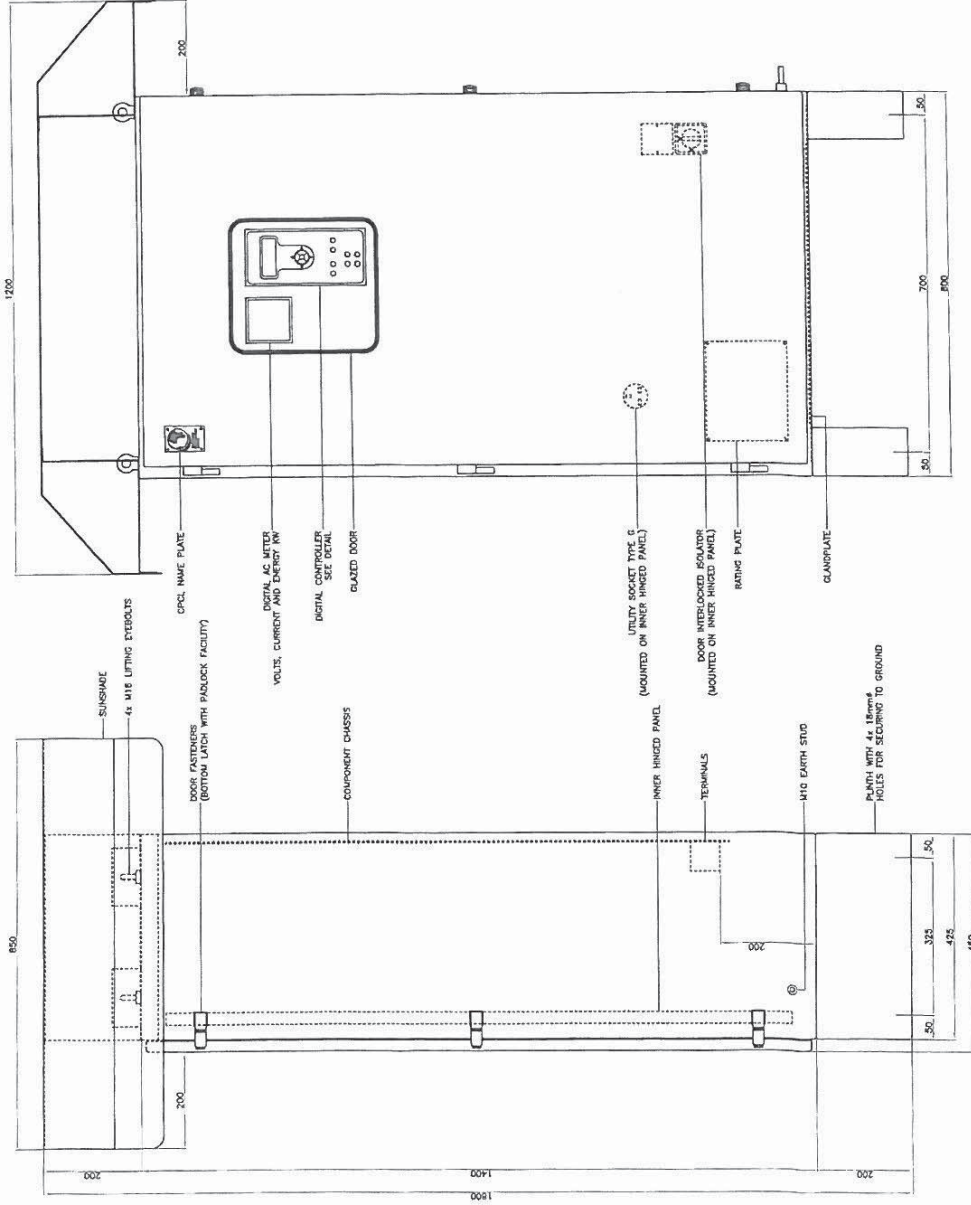
SCALE 1:10
 UNLESS OTHERWISE NOTED ALL DIMENSIONS ARE IN MILLIMETERS

FIRST ANGLE

THE INFORMATION SHOWN ON THIS DRAWING IS CONFIDENTIAL AND MUST NOT BE COPIED OR CONVEYED TO THIRD PARTIES WITHOUT THE EXPRESS PERMISSION OF CATHODIC PROTECTION CO. LTD.

FORMAT A3

DWG NO PN1010991
 SHT 1 OF 1
 REV 0



CABINET MANUFACTURED FROM 2.0mm 316L STAINLESS STEEL
 SURFACE 2.0mm FROM 316L STAINLESS STEEL PROTECTION TO IP65

FINISH: ALL EDGES AND SHARP EDGES ROUNDED OFF
 EPOXY PRIMER 10 MICRONS
 COLOUR LIGHT GREY RAL 7035
 INTERNAL PANELS FROM 2mm AND 3mm A.S. SHEET FINISHED IN SEMI-GLOSS WHITE

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module.vi/số định danh: NCS.25.3093>

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module.vi/số định danh: NCS.25.3597>






**DK
ENGINEERING**

PVGAS SERVICE



PROJECT	ENGINEERING & PROCUREMENT & CONSTRUCTION IMPRESSED CURRENT CATHODIC PROTECTION					
LOCATION	GDS PHU MY, PHU MY INDUSTRIAL ZONE, TAN THANH DISTRIC, BARIA-VUNG TAU PROVINCE.					
CLIENT	PETROVIETNAM GAS CORPORATION J.S.C PV GAS SERVICE (DVK)					
ENGINEERING	DK ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY					
<p>SCHEMATIC DIAGRAM FOR TRANSFORMER RECTIFIER</p> 					DISTRIBUTARY	
					CERTYFI AGENCY	
					PVGAS SOUTH EAST	
					PVGAS SERVICE	
						DK ENGINEERING Director Vu Van Ngu
B	30/9/14	Approval	N.T.B	L.V.C	V.V.N	
A	22/9/14	Review	N.T.B	L.V.C	V.V.N	
Rev.	Date	Description	By	Check.	App.	
DK ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY					Doc. No.:	
					DK14-027-DR-005	
					02 (Including this page)	






**DK
ENGINEERING**

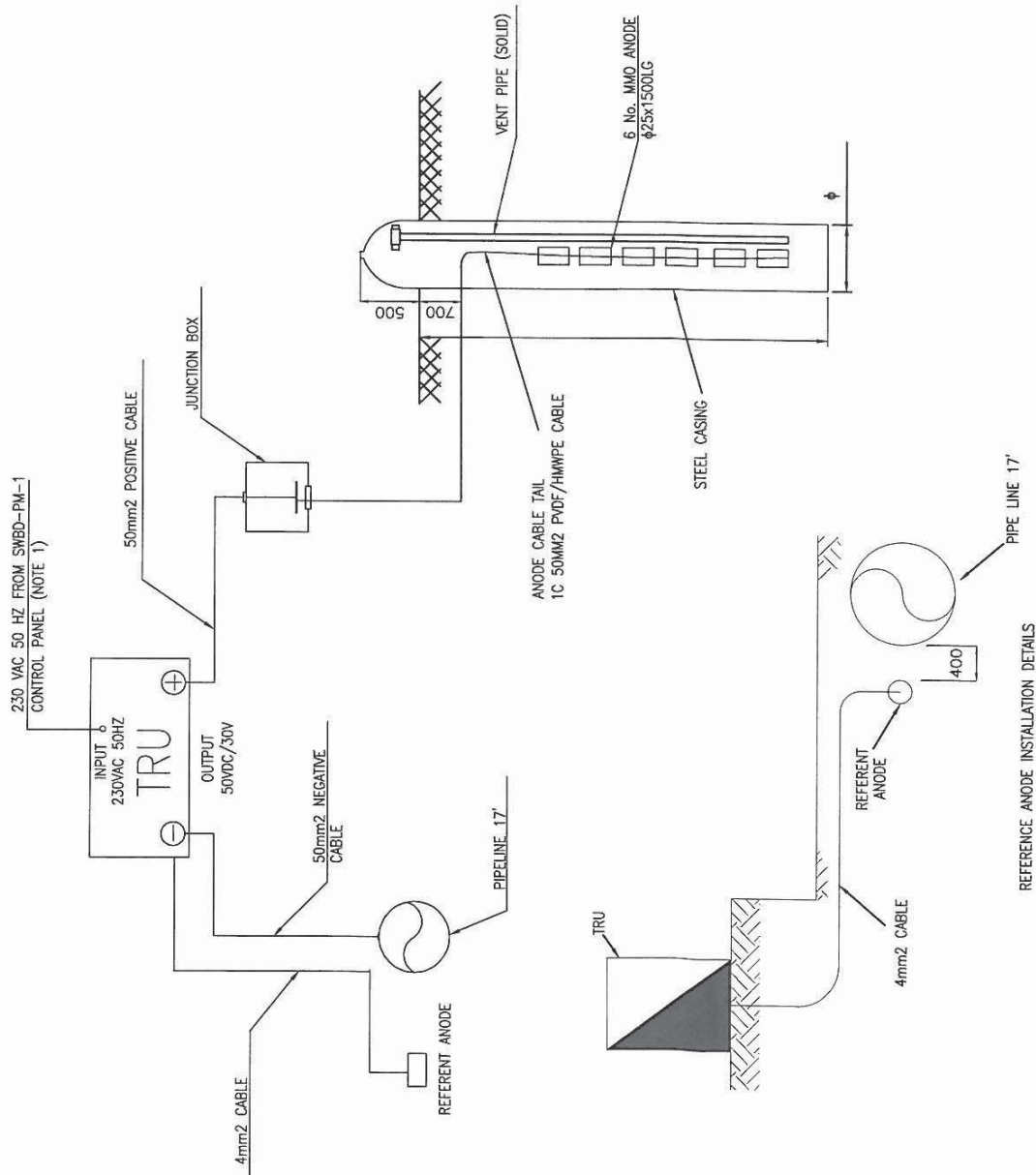
PVGAS SERVICE



PROJECT	ENGINEERING & PROCUREMENT & CONSTRUCTION IMPRESSED CURRENT CATHODIC PROTECTION					
LOCATION	GDS PHU MY, PHU MY INDUSTRIAL ZONE, TAN THANH DISTRIC, BARIA-VUNG TAU PROVINCE.					
CLIENT	PETROVIETNAM GAS CORPORATION J.S.C PV GAS SERVICE (DVK)					
ENGINEERING	DK ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY					
<p>ICCP DIAGRAM</p> 					DISTRIBUTARY	
					CERTYFI AGENCY	
					PVGAS SOUTH EAST	
					PVGAS SERVICE	
						DK ENGINEERING Director Vu Van Ngu
B	30/9/14	Approval	N.T.B	L.V.C	V.V.N	
A	22/9/14	Review	N.T.B	L.V.C	V.V.N	
Rev.	Date	Description	By	Check.	App.	
DK ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY					Doc. No.:	
					DK14-027-DR-006	
					02 (Including this page)	



ICCP DIAGRAM



NOTE 1:
THE POWER SUPPLY FOR IMPRESSED CURRENT CP SYSTEM FROM SWBD-PM-1 CONTROL PANEL (GDS CONTROL ROOM) WITH MCB 1P RATING 30A, POWER 230VAC, 50HZ.



PETRO VIETNAM, GAS PROJECT MANAGEMENT BOARD

DATE	DATE	DATE	DATE
PV GAS SERVICES	PV GAS SOUTH EAST	SERTIFY AGENCY	
B 30-SEP-14	ISSUED FOR APPROVAL	NTB LVC	WN
A 22-AUG-14	ISSUED FOR REVIEW	NTB LVC	WN
REV	DATE	DESCRIPTION	BY
			CHECKED
			APPROVED
			CLIENT

CLIENT: PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION
PV GAS SERVICE COMPANY

ENGINEERING: DK ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

PROJECT: ENGINEERING & PROCUREMENT & CONSTRUCTION IMPRESSED CURRENT CATHODIC PROTECTION FOR BA RIA PHU MY GAS PIPELINE SYSTEM

PACKAGE: PROVISION OF ICCP SYSTEM

TITLE: IMPRESSED CURRENT CATHODIC PROTECTION

JOB No.: DK14-027 TAG No.: --

SCALE: DRAWING NAME: ICCP DIAGRAM REVISION: A

DWG SIZE: DRAWING NUMBER: DK14-027-DR-006 SHEET: 1 OF 1






**DK
ENGINEERING**

PVGAS SERVICE

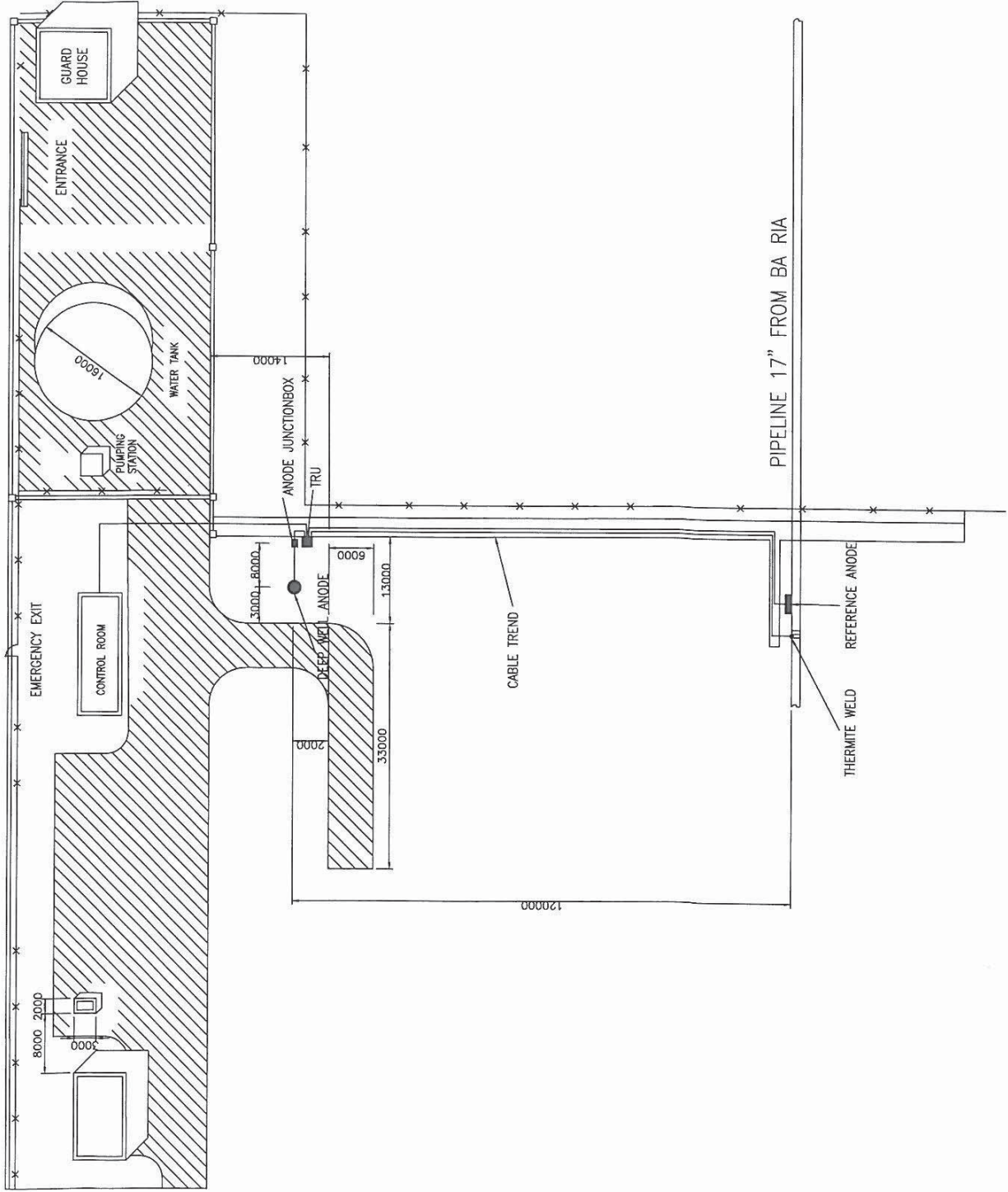


PROJECT	ENGINEERING & PROCUREMENT & CONSTRUCTION IMPRESSED CURRENT CATHODIC PROTECTION					
LOCATION	GDS PHU MY, PHU MY INDUSTRIAL ZONE, TAN THANH DISTRICT, BARIA-VUNG TAU PROVINCE.					
CLIENT	PETROVIETNAM GAS CORPORATION J.S.C PV GAS SERVICE (DVK)					
ENGINEERING	DK ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY					
CATHODIC PROTECTION INSTALLATION LAYOUT 					DISTRIBUTARY	
					CERTIFY AGENCY	
					PVGAS SOUTH EAST	
					PVGAS SERVICE	
B	30/9/14	Approval	N.T.B	L.V.C	V.V.N	DK ENGINEERING Director Vu Van Ngu
A	22/9/14	Review	N.T.B	L.V.C	V.V.N	
Rev.	Date	Description	By	Check.	App.	
DK ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY					Doc. No.:	
					DK14-027-DR-007	
					02 (Including this page)	



NOTE:

1. TRU & ANODE JUNCTION BOX PLACEMENT ARE OUTSIDE OF THE HAZARDOUS CLASSIFICATION IN GDS PHU MY
2. THE POWER SUPPLY FOR IMPRESSED CURRENT CP SYSTEM FROM SWBD-PM-1 CONTROL PANEL (GDS CONTROL ROOM) WITH MCB 1P RATING 30A, POWER 230VAC, 50HZ.



PETRO VIETNAM, GAS PROJECT MANAGEMENT BOARD

DATE	DATE	DATE	DATE
PV GAS SERVICES	PV GAS SOUTH EAST	SERTIFY AGENCY	
B 30-SEP-14	ISSUED FOR APPROVAL	NTB LVC WN	
A 09-AUG-14	ISSUED FOR REVIEW	NTB LVC WN	
REV. DATE	DESCRIPTION	BY	CHECKED APPROVED CLIENT



CLIENT: PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION
PV GAS SERVICE COMPANY

ENGINEERING



DK ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

PROJECT: ENGINEERING & PROCUREMENT & CONSTRUCTION IMPRESSED CURRENT CATHODIC PROTECTION FOR BA RIA PHU MY GAS PIPELINE SYSTEM

PACKAGE: PROVISION OF ICCP SYSTEM

TITLE: IMPRESSED CURRENT CATHODIC PROTECTION

JOB No.: DK14-027 TAG No.: -

SCALE:	DRAWING NAME:	REVISION
AS SHOWN	CATHODIC PROTECTION INSTALLATION LAYOUT	A
DWG SIZE	DRAWING NUMBER:	SHEET
A3	DK14-027-DR-007	1 OF 1



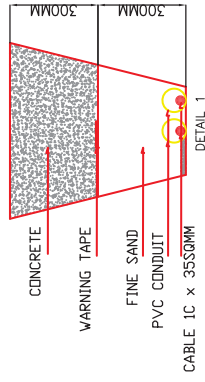
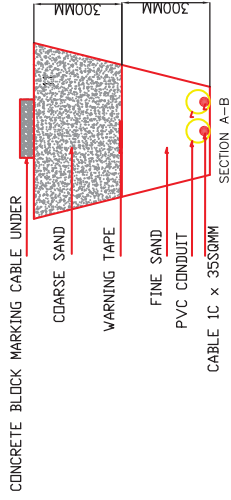
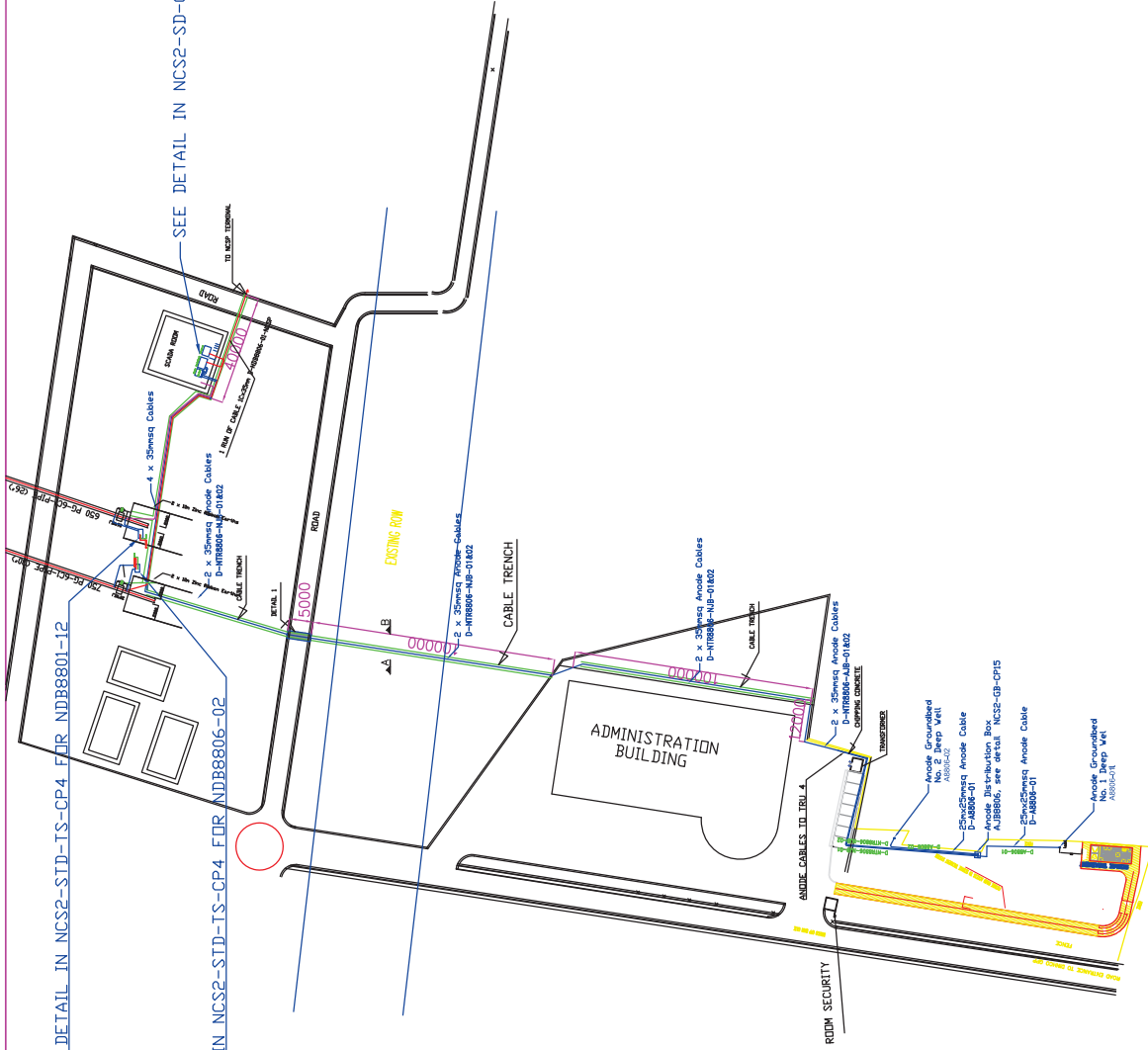
Appendix 5 – The ICCP for NCS2 Pipelines



SEE DETAIL IN NCS2-STD-TS-CP4 FOR NDB8801-12

SEE DETAIL IN NCS2-STD-TS-CP4 FOR NDB8806-02

SEE DETAIL IN NCS2-SD-CP9 FOR NTR8806, NDB8806-01, NDB8801-01



NAM NAM CON SON PIPELINE	
EPC – ONSHORE PIPELINES AND STATIONS (EPC3)	
SUPPLIER NAME	CP SPECIALISTS PTE LTD
PACKAGE DESCRIPTION	CATHODIC PROTECTION SYSTEM
TAG NOS	MODEL TYPE NOS:
LIFE CYCLE CODE	A SDRL PRIME CODE B01
PURCHASE ORDER No	SDRL CAT SEQUENCE No
8382–3201–PX247A	B 004.05
	01

CLIENT:		PROJECT:	NAM CON SON 2 GAS PIPELINE
EPC CONTRACTOR:		PACKAGE:	EPC – ONSHORE PIPELINES AND STATIONS (EPC3)
CP CONTRACTOR:		TITLE:	ICCP CABLE ROUTING
DATE		JOB:	
DATE		SCALE:	NIS
DATE		SUPPLIER DWG No.	NCS2-GB-CR-CP22
DATE		SHEET	1/1
DATE		REV.	01

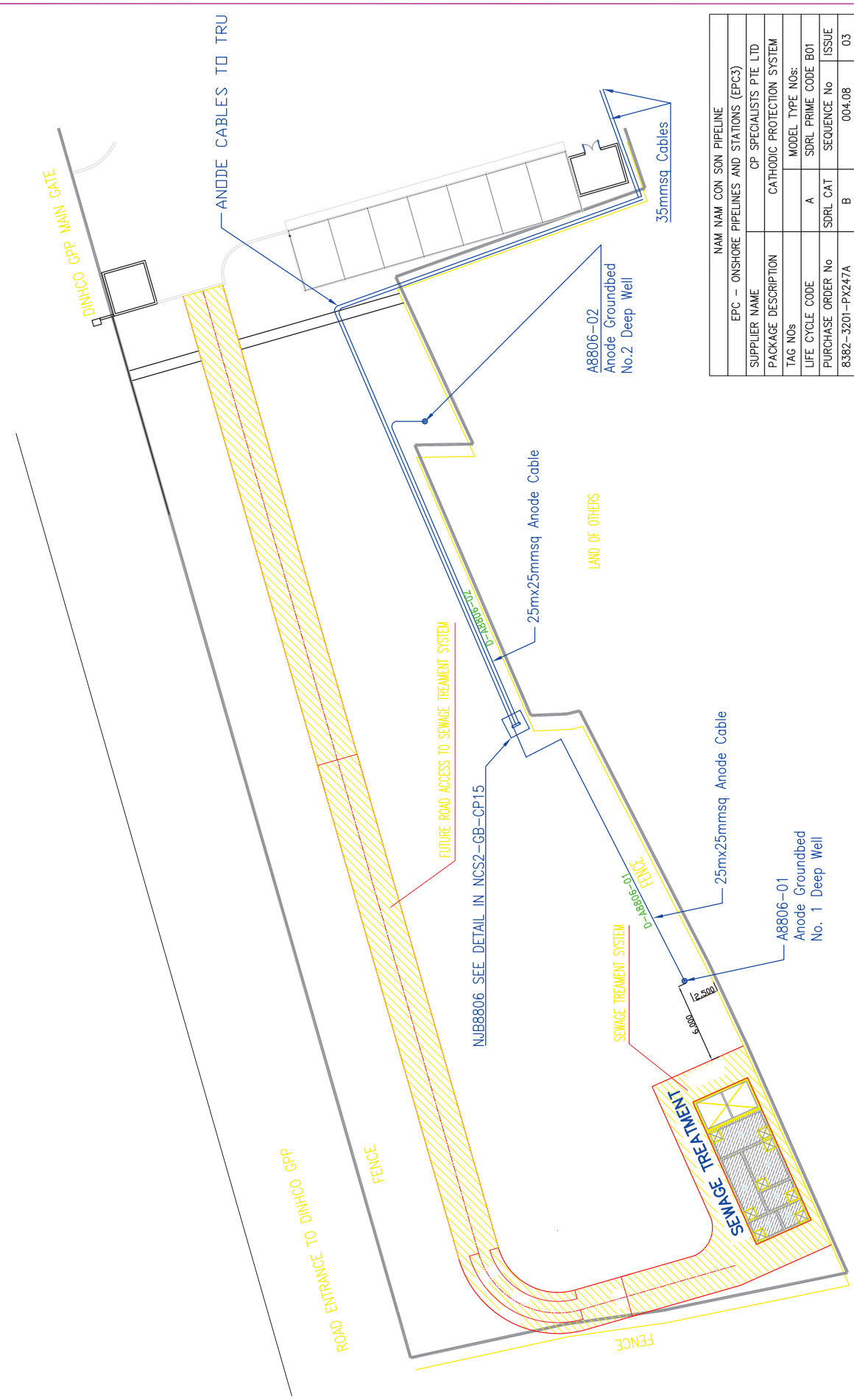
DOCUMENT NUMBER	DATE	DESCRIPTION	PREP.	CHECKED	APPROVED	PM
01 28/07/22		AS BUILT AS MCC-FCC-0604	NOP	NOP	PTT	PW
AB 31/10/21		ISSUED FOR AS BUILT				

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module với số định danh: NCS.25.3093>

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module với số định danh: NCS.25.3597>

A3 (420 x 297mm)





NAM NAM CON SON PIPELINE	
EPC - ONSHORE PIPELINES AND STATIONS (EPC3)	
SUPPLIER NAME	CP SPECIALISTS PTE LTD
PACKAGE DESCRIPTION	CATHODIC PROTECTION SYSTEM
TAG NOS	MODEL TYPE NOS:
LIFE CYCLE CODE	A
PURCHASE ORDER No	SDRL CAT
8382-3201-PX247A	B
SEQUENCE No	ISSUE
004.08	03

CLIENT:	 PETROVIETNAM GAS CORPORATION PETROVIETNAM SOUTH-EAST GAS PROJECT MANAGEMENT BOARD CONSORTIUM: VIETSOVPETRO-LILAMA-NAGECCO CP SPECIALISTS PTE LTD	PROJECT:	NAM CON SON 2 GAS PIPELINE
ECP CONTRACTOR:	 P&S P&S CP SPECIALISTS	PACKAGE:	EPC - ONSHORE PIPELINES AND STATIONS (EPC3)
CP CONTRACTOR:	 P&S P&S CP SPECIALISTS	TITLE:	ICCP GROUNDBED A8806 LOCATIONS
DATE		JOB:	NCS2-GB-CP6
DATE		SCALE:	N/S
DATE		SHEET:	1/1
DATE		REV.	03

Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module> với số định danh: NCS.25.3093

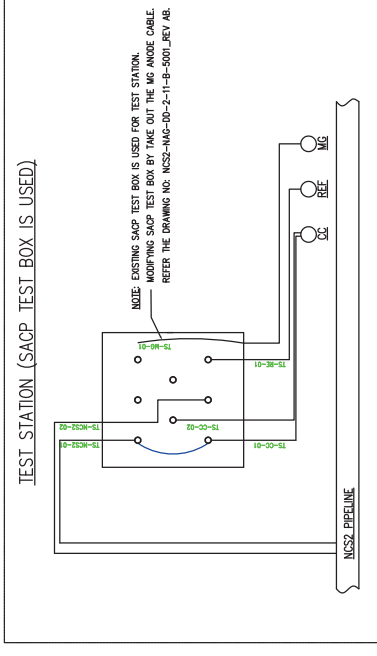
Văn bản này được xác thực tại <https://ncs.sureportal.vn/module> với số định danh: NCS.25.3597

DOCUMENT NUMBER	REV.	DATE	DESCRIPTION	PREP.	CHKD	APPD	PM
	1	18/6/20	ISSUED FOR REVIEW				
	2	12/10/20	NAME CHANGED				
	03	28/07/22	AS BUILT AS MOC-FCP-0604				

REFERENCE DOCUMENTS	REV.	DATE	DESCRIPTION	PREP.	CHKD	APPD	PM
	1	18/6/20	ISSUED FOR REVIEW				
	2	12/10/20	NAME CHANGED				
	03	28/07/22	AS BUILT AS MOC-FCP-0604				

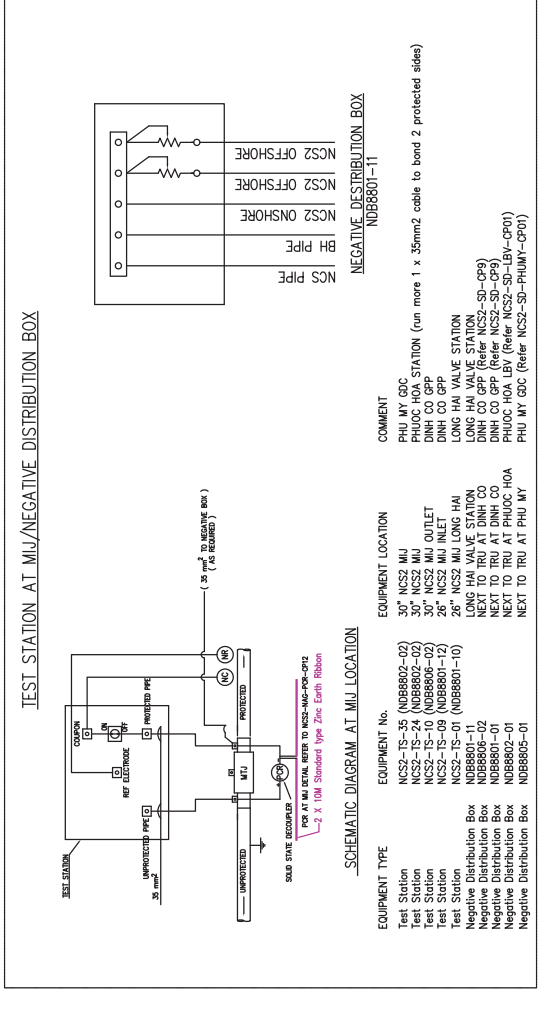
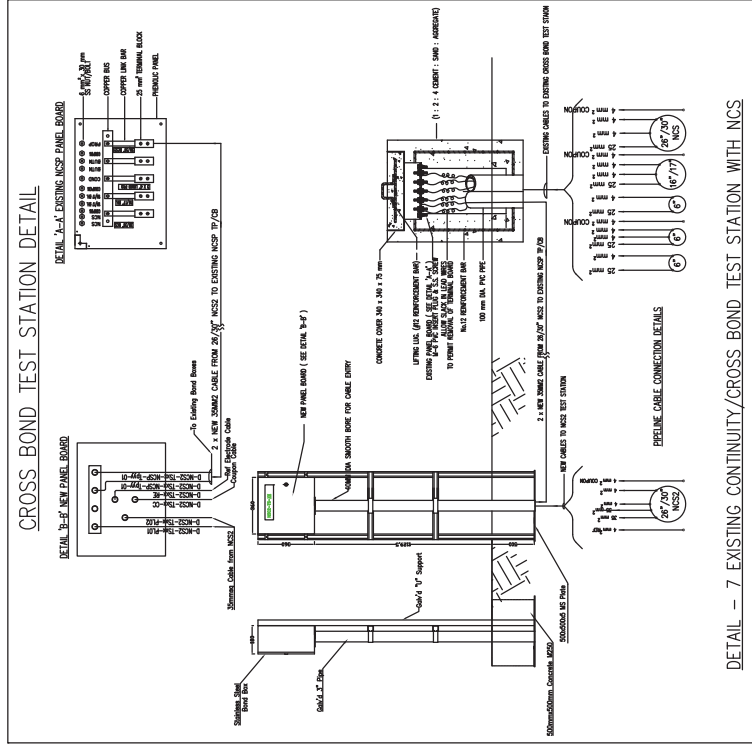


TEST POST	KP	TYPE	TAG NUMBER	REMARK
26		NCS2 Pipeline		
1	LONG HAI	TEST STATION AT LFP MIJ	NCS2-1S-01 (NDBB801-10)	
2	LONG HAI	NEGATIVE DISTRIBUTION BOX	NDBB801-11	
3	0+525	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
4	24-526	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
5	44-526	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
6	44-700	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
7	6+130	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
8	6+1926	CROSS BOND FROM NCS2 TO EXISTING BONDING BOX - TP/CB NO. 4 OF NCS AS PER FCN 096		
9	8+450	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
10	DNH CO	TEST STATION AT INLET GPP MIJ	NCS2-1S-09 (NDBB801-12)	
11	DNH CO	NEGATIVE DISTRIBUTION BOX	NDBB801-01	
30" NCS2 Pipeline				
12	DNH CO	ANODE JUNCTION BOX	NJB-8906	
13	DNH CO	TRANSFORMER RECTIFIER	NTR-8906	
14	DNH CO	NEGATIVE DISTRIBUTION BOX	NDBB806-01	
15	1+280	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)	NCS2-1S-10 (NDBB806-02)	
16	1+750	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
17	1+750	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
18	2+890	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
19	3+354	IS/CROSS BOND TEST STATION	NCS2-1S-15	TP/CB NO 12 OF NCS
20	4+200	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
21	4+200	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
22	7+700	IS/CROSS BOND TEST STATION	NCS2-1S-18	TP/CB NO 16 OF NCS
23	8+370	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
24	8+300	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
25	11+210	IS/CROSS BOND TEST STATION	NCS2-1S-21	TP/CB NO 18 OF NCS
26	12+950	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
27	12+950	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
28	16+570	TEST STATION AT PHUOC HOA LBY MIJ	NCS2-1S-23	TP/CB NO 20 OF NCS
29	16+570	TEST STATION AT PHUOC HOA LBY MIJ	NCS2-1S-24 (NDBB802-10)	
30	PHUOC HOA	NEGATIVE DISTRIBUTION BOX	NDB-8802-01	
31	17+550	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
32	18+230	IS/CROSS BOND TEST STATION	NCS2-1S-26	TP/CB NO 22 OF NCS
33	20+985	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
34	21+800	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
35	21+800	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
36	23+724	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
37	26+000	IS/CROSS BOND TEST STATION	NCS2-1S-32	TP/CB NO 27 OF NCS
38	28+050	TEST STATION (SACP TEST BOX IS USED)		
39	PHU MY	TEST STATION AT PHU MY GOC MIJ	NCS2-1S-35 (NDBB805-02)	
40	PHU MY	NEGATIVE DISTRIBUTION BOX	NDBB805-01	

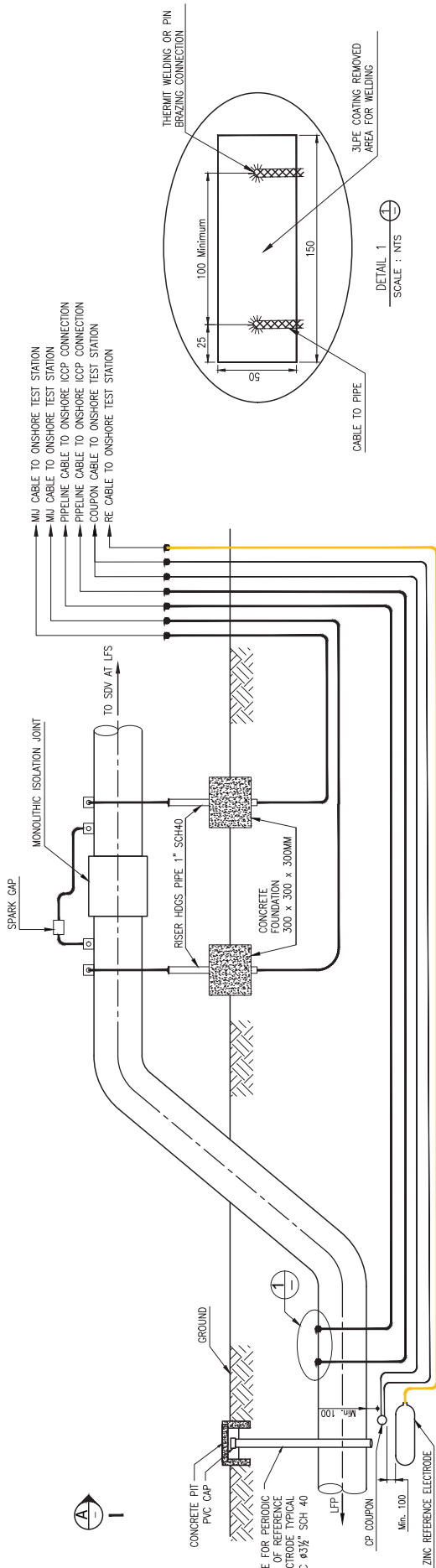


LEGEND :

TR	TRANSFORMER RECTIFIER (EXISTING)
+	MIXED METAL ANODE (EXISTING)
+	POSITIVE JUNCTION BOX
(M)	AG/ANCL ELECTRODE
(C)	STEEL COUPON
T	TEST STATION
B	NEGATIVE RESISTOR CONTROL BOX (NEW)
+	POSITIVE ANODE CABLE (EXISTING)
+	NEGATIVE ANODE CABLE (NEW)
+	THERMIT WELD CONNECTION
+	SURGE DIVERTER
+	GROUND TO EARTH
(P)	SOLID STATE DECOUPLER



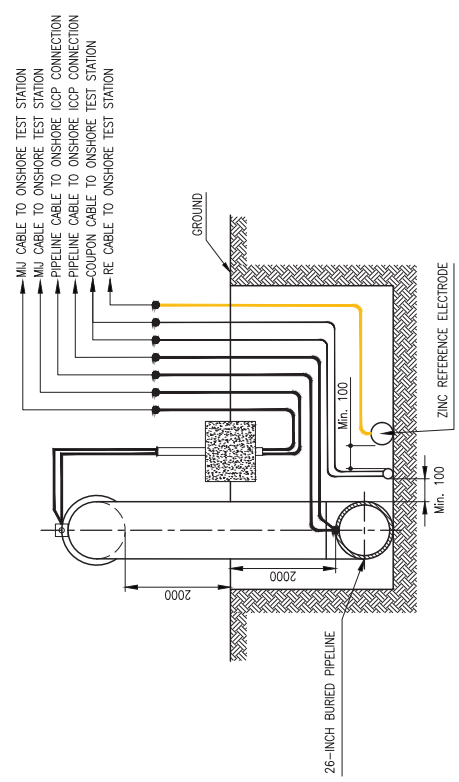
DOCUMENT NUMBER	REV.	DATE	DESCRIPTION	PREP.	CHECKED	APPD	PM																
	01	28/07/22	AS BUILT AS NCS-FCP-0604	NCP	NCP	PTT	PNW																
REFERENCE DOCUMENTS																							
<table border="1"> <thead> <tr> <th>DATE</th> <th>DATE</th> <th>DATE</th> <th>DATE</th> <th>DATE</th> <th>DATE</th> <th>DATE</th> <th>DATE</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>								DATE	DATE	DATE	DATE	DATE	DATE	DATE	DATE								
DATE	DATE	DATE	DATE	DATE	DATE	DATE	DATE																
CLIENT: PETROVIETNAM GAS CORPORATION PETROVIETNAM SOUTH-EAST GAS PROJECT MANAGEMENT BOARD				PROJECT: NAM CON SON 2 GAS PIPELINE																			
CP CONTRACTOR: VIETSOVPETRO-LILAMA-NAGECCO				PACKAGE: EPC - ONSHORE PIPELINES AND STATIONS (EPC3)																			
CP CONTRACTOR: CP SPECIALISTS PTE LTD				TITLE: CP TEST STATION DETAILS, TYPICAL																			
JOB. SCALE: N/A				JOB. SCALE: N/A																			
SHEET: 1/1				SHEET: 1/1																			
REV: 01				REV: 01																			



CATHODIC PROTECTION CONNECTION SCHEMATIC AT LFS
SCALE : NTS

TABLE 1 - CABLE SIZE

DESCRIPTION	PARAMETERS	COLOR
MJ CABLE TO ONSHORE TEST STATION	2 x 0.6/1KV Cu/XLPE/PVC 16mm ²	BLACK
PIPELINE CABLE TO ONSHORE ICCP CONNECTION	2 x 0.6/1KV Cu/XLPE/PVC 35mm ²	BLACK
COUPON CABLE TO ONSHORE TEST STATION	2 x 0.6/1KV Cu/XLPE/PVC 2.5mm ²	BLACK
REFERENCE ELECTRODE CABLE TO ONSHORE TEST STATION	1 x 0.6/1KV Cu/XLPE/PVC 4mm ²	YELLOW



SECTION A-A : CATHODIC PROTECTION CONNECTION INSTALLATION AT LFS
SCALE : NTS

NOTE:

1. ALL DIMENSIONS ARE IN MILLIMETER UNLESS OTHERWISE NOTED.
2. DESIGN LIFE FOR CP SYSTEM IS 30 YEARS.
3. THE CABLE IS CONNECTED TO THE PIPELINE IN THE AREA OF FIC WITH THE DISTANCE OF 200 mm MINIMUM FROM THE Girth WELD. AN AREA OF APPROXIMATELY 50 mm x 150 mm SHALL BE CLEANED TO ST3 MINIMUM, ACCORDING TO ISO 8501-1 FOR WELDING BETWEEN CABLE/WIRE AND PIPELINE. THE SURFACE SHALL BE BRIGHT, CLEAN AND DRY.
4. CABLE IS PROTECTED IN CONDUITS IN ORDER TO AVOID MECHANICAL DAMAGES.
5. ALL CABLE SHALL BE SLACKED IN ORDER TO ENSURE THE BONDS ARE NOT BROKEN. CABLE SHALL BE CONNECTED TO PIPE BY USING THERMIT CABLEWELD METHOD. CABLEWELD CONNECTION BETWEEN CABLE/WIRE TO PIPE SHALL BE COVERED BY MASTIC TO PREVENT DAMAGE DUE TO ANY CONTACT TO SURROUNDING SOIL. WELDING PROCEDURES SHALL BE QUALIFIED FOR ANY APPLICABLE WELDING PROCESS IN ACCORDANCE WITH ISO 13847.
6. OFFSHORE CONTRACTOR SHALL TAKE THE RESPONSIBILITY TO INSTALL REFERENCE ELECTRODE, COUPON, CABLE CONNECTION TO PIPE & MJ AS WELL AS CABLE ROUTING UNDER GROUND. THE RESPONSIBILITY FOR CABLE CONNECTION TO ONSHORE TEST STATION & ONSHORE ICCP SYSTEM SHALL BELONG TO ONSHORE CONTRACTOR. INTERFACE WORK SHALL BE REQUIRED DURING CP INSTALLATION AT LFS.
7. N.T.S: NOT TO SCALE
8. ABBREVIATION:
LFS : LANDFALL STATION
MJ : MONOLITHIC ISOLATION JOINT
CP : CATHODIC PROTECTION
FIC : FIELD JOINT COATING
ICCP : IMPRESSED CURRENT CATHODIC PROTECTION
LFP : LANDFALL POINT

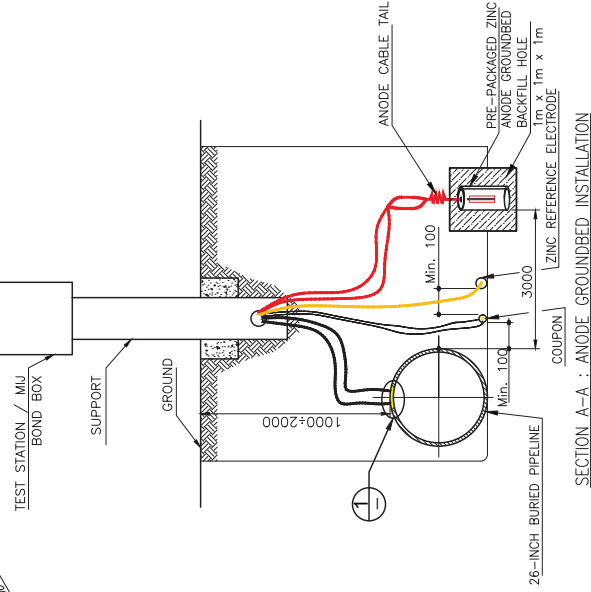
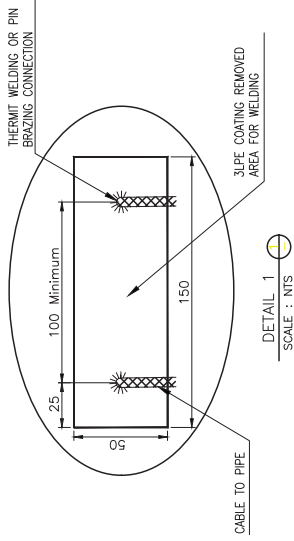
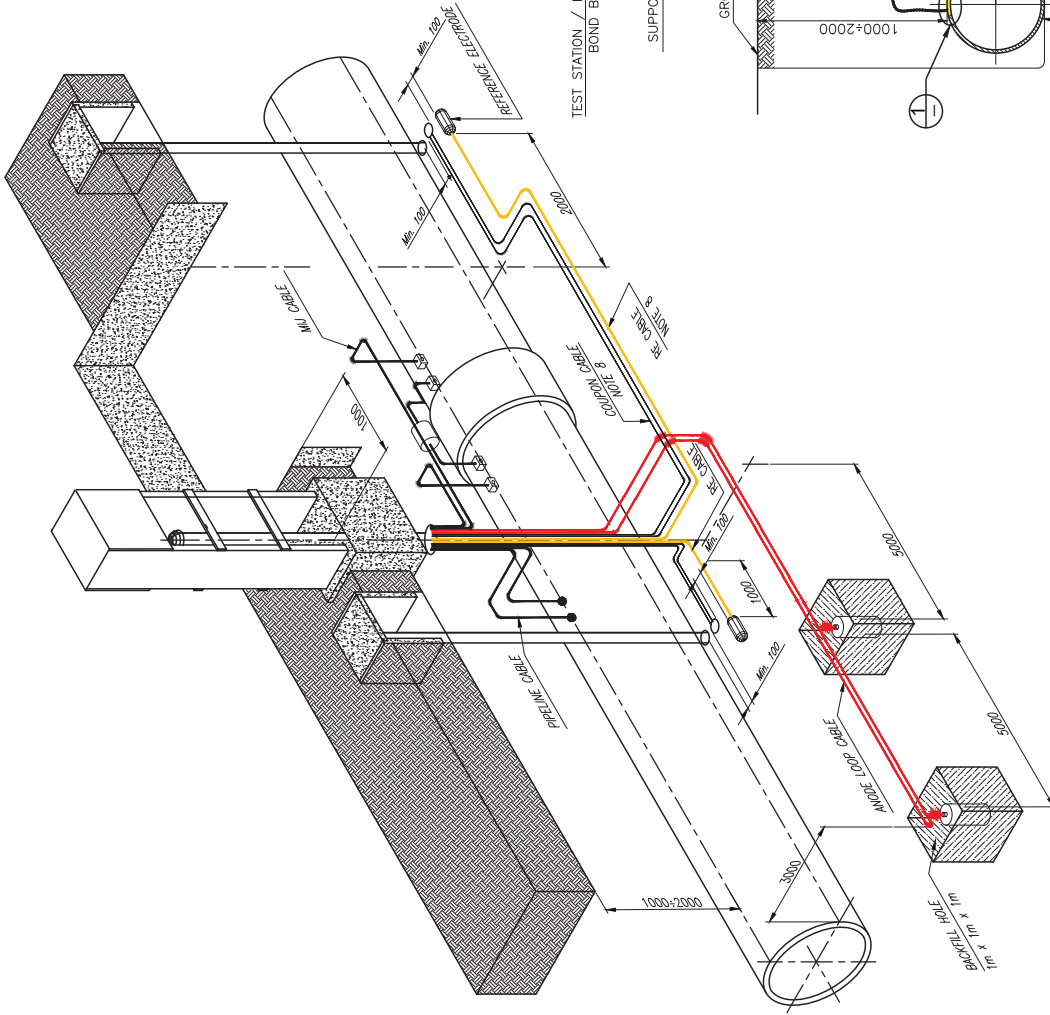
REV.	DATE	DESCRIPTION	PREP.	CHKD.	APPRD.	PN
02	10/03/20	APPROVED FOR CONSTRUCTION	N.N.L	RA	A.T.E	R.K.G
01	02/01/20	ISSUED FOR REVIEW	N.N.L	D.D.A	T.D	R.K.G
1						

DATE	TPGM	PVGAS SEG	DATE	CA

CLIENT:	PETROVIETNAM SOUTH-EAST GAS PROJECT MANAGEMENT BOARD (PVGAS SEG)
EPC CONTRACTOR:	TECHNIP GEOPRODUCTION (M) SDN. BHD. (TPGM)
SUB-CONTRACTOR:	

PROJECT:	NAM CON SON 2 GAS PIPELINE PROJECT
PACKAGE:	EPC FOR OFFSHORE PIPELINES (EPC-1)
TITLE:	26" NCS2 OFFSHORE PIPELINE - CATHODIC PROTECTION CONNECTION AT LFS

DWG	N.T.S	JOB	N.T.S	DWG No.	NCS2-TPGM-DD-1-00-11-B-0005	SHEET	REV
						1/1	AC



- NOTE:**
1. ALL DIMENSIONS ARE IN MILLIMETER UNLESS OTHERWISE NOTED.
 2. DESIGN LIFE FOR ANODE AND TEST STATION / MLI BOND BOX ARE 30 YEARS.
 3. PRE-PACKAGED ZINC ANODE MATERIAL, FABRICATION, INSTALLATION, INSPECTION AND TESTING SHALL BE IN ACCORDANCE WITH "SPECIFICATION FOR GALVANIC ANODES AT LFP", No. NCS2-TPGM-DD-1-00-11-SP-005 AND "DATASHEET FOR GALVANIC ANODES AT LFP", No. NCS2-TPGM-DD-1-00-11-DS-002.
 4. THE CABLE IS CONNECTED TO THE PIPELINE IN THE AREA OF FIC WITH THE DISTANCE OF 200 mm MINIMUM FROM THE GIRTH WELD. AN AREA OF APPROXIMATELY 50 mm x 150 mm SHALL BE CLEANED TO ST3 MINIMUM, ACCORDING TO ISO 8501-1 FOR WELDING BETWEEN CABLE/WIRE AND PIPELINE. THE SURFACE SHALL BE BRIGHT, CLEAN AND DRY.
 5. ANODE CABLE IS PROTECTED IN CONDUITS IN ORDER TO AVOID MECHANICAL DAMAGES.
 6. ALL CABLE SHALL BE SACKED IN ORDER TO ENSURE THE BONDS ARE NOT BROKEN. CABLE SHALL BE CONNECTED TO PIPE BY USING THERMIT CABLED METHOD. CABLED CONNECTION BETWEEN CABLE/WIRE TO PIPE SHALL BE COVERED BY MASTIC TO PREVENT DAMAGE DUE TO ANY CONTACT TO SURROUNDING SOIL. WELDING PROCEDURES SHALL BE QUALIFIED FOR ANY APPLICABLE WELDING PROCESS IN ACCORDANCE WITH ISO 13947.
 7. ANODE GROUND BED SHALL BE INSTALLED BELOW CENTER LINE OF PIPELINE AND IN ONE BACKFILL HOLE WITH 1m x 1m x 1m DIMENSIONS. THE DISTANCE FROM ANODE TO PIPELINE SHALL BE 3M AND ANODE SPACING SHALL BE 5M.
 8. REFERENCE ELECTRODE CABLE AND COUPON CABLE SHALL BE ROUTED THE OUTSIDE OF CONCRETE PIT.
 9. N.T.S.: NOT TO SCALE
 10. ABBREVIATION:
 3/16 : THREE-LAYER POLYETHYLENE
 FIC : FIELD JOINT COATING
 LFP : LANDFALL POINT
 MLI : MONOLITHIC ISOLATION JOINT
 RE : REFERENCE ELECTRODE

REV.	SHT.No.	DATE	DESCRIPTION	PREP.	CHKD.	APPD.	PN
03		24/03/20	APPROVED FOR CONSTRUCTION	N.A.L	R.A	A.FE	R.K.G
02		10/03/20	ISSUED FOR APPROVAL	N.A.L	R.A	A.FE	R.K.G
01		26/02/20	RE - ISSUED FOR REVIEW	N.A.L	R.A	A.FE	R.K.G
		26/12/19	ISSUED FOR REVIEW	N.A.L	D.D.A	T.D	R.K.G

DATE	TPGM	PVGAS SEG	DATE	DATE
				CA

CLIENT: PETROVIETNAM SOUTH-EAST GAS PROJECT MANAGEMENT BOARD (PVGAS SEG)	
EPC CONTRACTOR: TECHNIP GEOPRODUCTION (M) SDN. BHD. (TPGM)	
SUB-CONTRACTOR:	

PROJECT: NAM CON SON 2 GAS PIPELINE PROJECT	
PACKAGE: EPC FOR OFFSHORE PIPELINES (EPC-1)	
TITLE: 26" NCS2 OFFSHORE PIPELINE - GALVANIC ANODES INSTALLATION DRAWINGS AT LFP	
JOB:	SCALE:
DWG:	N.T.S.
DWG No.: NCS2-TPGM-DD-1-00-11-B-0002	SHEET: 2/3
REV:	AC:

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng tại Chương VIII)

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng tại Chương VIII)

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng đính kèm)



Mẫu số ____

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng, trường hợp hoàn thiện hợp đồng trên Hệ thống thì nêu rõ];

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm ____ [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu qui định tại Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại “Biểu mẫu hợp đồng” thuộc E-HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.





ĐƠN HÀNG DỊCH VỤ

Số: PO # _____
Bản sửa đổi số: 0

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM-CÔNG TY
CÓ PHẦN-CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN
(NAMCONSON PIPELINE CO)
Tỉnh Lộ 44, Xã Long Điền,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam,
Tel: +84 254 3864100
Fax: +84 254 3864099

Gửi tới: <TÊN NHÀ THẦU _____>

<địa chỉ: _____>

ĐT: _____ Fax: _____

Người nhận: _____

Ngân hàng: _____

Số Tài Khoản: _____

Ngày Đặt Hàng __/__/2025	Người Đặt Hàng Dương Thanh Hà	Hình Thức Thanh Toán CK 30 ngày	Thời Gian Giao Hàng __/__/2025
-----------------------------	----------------------------------	------------------------------------	-----------------------------------

Hình Thức Giao Nhận	Địa Điểm	Vận Chuyển
---------------------	----------	------------

Phạm Vi Cung Cấp

STT	Mã Hàng	SL	ĐVT	Diễn Giải	Đơn Giá VND	Thành Tiền VND
1		1	Gói	DỊCH VỤ: "Kiểm tra hệ thống bảo vệ điện hóa (Cathodic Protection System) của các bồn chứa và ống dẫn khí trên bờ của NCSP"	_____	_____

** Phạm vi công việc: xem chi tiết tại tài liệu đính kèm

** Thời hạn hoàn thành: trong vòng tối đa 45 ngày,
dự kiến từ __/__/2025

GHI CHÚ:

- Tổng giá bao gồm thuế và mọi khoản chi phí liên quan.

(Xem chi tiết tại tài liệu đính kèm)

CỘNG:	_____
VAT:	_____
TỔNG CỘNG:	VND _____



Lưu ý:

1. Đơn Hàng Dịch Vụ này được thực hiện trên cơ sở Những Điều kiện chung về Mua, Thuê Hàng hóa / Dịch vụ của NCSP và bản Hướng dẫn riêng đính kèm. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các điều khoản của các tài liệu này thì các điều khoản như qui định trong Bản Hướng dẫn riêng đính kèm theo đây sẽ được áp dụng.
2. Phải ghi rõ số Đơn Hàng Dịch Vụ trên mọi văn bản giao dịch có liên quan, giấy tờ vận chuyển hàng hóa, và hóa đơn.
3. Gửi mọi văn bản, tài liệu (không bao gồm hóa đơn và bộ chứng từ thanh toán) đến:
Người nhận: Dương Thanh Hà
NAMCONSON PIPELINE CO.,
Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84-254-3864100; Fax: +84-254-3864099
4. Gửi hóa đơn và bộ chứng từ thanh toán đến:
Người nhận: KẾ TOÁN THANH TOÁN – Phòng Tài Chính Kế toán
NAMCONSON PIPELINE CO.
Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: +84 254 3864100; Fax: +84 254 3864099
Email: ncsp.accountant@ncsp.com.vn
5. Đề nghị ký xác nhận việc chấp thuận các điều khoản của Đơn Hàng Dịch Vụ này và Fax lại các trang của Đơn Hàng Dịch Vụ cho Người mua hàng ghi ở mục 3 (ở trên).

Chúng tôi xác nhận chấp thuận Đơn Hàng Dịch Vụ này.

T/M. NAMCONSON PIPELINE CO

T/M. <TÊN NHÀ THẦU _____>

Chữ Ký: _____

Chữ Ký: _____

Chức Vụ: _____

Chức Vụ: _____

Ngày: _____

Ngày: _____



1. ĐỊNH NGHĨA

- "Bên Mua" hoặc "NCSP" Có nghĩa là Công ty Đường ống Khí NAM CỐN SƠN.
- "Nhà cung cấp" Có nghĩa là người hoặc những người, hãng hoặc công ty mà tài liệu này được gửi tới và thông qua Hợp đồng, cam kết cung cấp, giao hoặc cho thuê các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ cho NCSP.
- "Các Bên" Có nghĩa là Bên Mua và Nhà cung cấp và "Bên" có nghĩa là bất kỳ bên nào trong số họ.
- "Hợp đồng" Có nghĩa là hợp đồng giữa Bên Mua và Nhà cung cấp gồm có Đơn đặt hàng/Dịch vụ, các Chỉ dẫn riêng đối với Nhà cung cấp và các Điều kiện chung này về Mua, thuê hàng hoá, dịch vụ bao gồm bất kỳ bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi nào từ đó được các Bên thỏa thuận bằng văn bản và ký.
- "Đơn đặt hàng / Dịch vụ" Có nghĩa là đơn đặt hàng/dịch vụ do NCSP lập cho Nhà cung cấp, mà các Chỉ dẫn riêng và các Điều kiện Chung này được đính kèm theo đó và tạo thành một phần không thể tách rời.
- "Các Chỉ dẫn riêng" Có nghĩa là các hướng dẫn bằng văn bản do NCSP đưa ra cho Nhà cung cấp, được đính kèm theo Đơn đặt hàng/Dịch vụ, quy định việc Nhà cung cấp phải tuân thủ, trong số những điều khác, phạm vi các Dịch vụ sẽ được thực hiện, và/hoặc các chi tiết của các hàng hóa sẽ được cung cấp, bởi Nhà cung cấp theo Hợp đồng, bao gồm các quy cách hoặc bản vẽ được đề cập trong đó hoặc tạo thành phần đính kèm theo đó.
- "Đại diện của NCSP " Có nghĩa là người được chỉ định trong các Chỉ dẫn riêng cho Nhà cung cấp và do NCSP chỉ định hiện thời hoặc tùy từng thời điểm để thực hiện (các) chức năng được giao cho người đó liên quan đến Hợp đồng này.
- "Hàng hóa" Có nghĩa là hàng hóa sẽ do Nhà cung cấp cung cấp như mô tả trong Đơn đặt hàng/ Dịch vụ.
- "Dịch vụ" Có nghĩa là các dịch vụ sẽ do Nhà cung cấp thực hiện và hoàn thành, bao gồm nhưng không giới hạn cho thuê, cung cấp và/hoặc giao các Hàng hóa, được mô tả trong Đơn đặt hàng/Dịch vụ.

2. HỢP ĐỒNG

- (a) Hợp đồng ký kết giữa Bên Mua và Nhà cung cấp được dùng cho việc cho thuê, mua bán và giao các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ được mô tả trong Hợp đồng và trong các quy cách hoặc bản vẽ được đề cập trong Hợp đồng và bao gồm tất cả các dụng cụ thiết bị bảo vệ, việc sơn, đóng gói, đóng dấu, dán nhãn, in khắc, in dấu và/hoặc đánh dấu trên hoặc của các Hàng hóa. Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, việc lắp đặt hoặc lắp ráp bất kỳ sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc bất kỳ nguyên vật liệu nào khác trên công trường đều được loại trừ.
- (b) Các Điều kiện Chung này sẽ tạo thành một phần của Hợp đồng. Không phần nào của các Điều kiện Chung này được thay đổi và/hoặc bãi bỏ bởi bất kỳ điều kiện nào có trong các bản chào giá, thư, thông báo, hóa đơn, chỉ thị hoặc các thông tin liên lạc khác do mỗi bên phát hành trừ khi do các Bên cùng thỏa thuận rõ ràng bằng văn bản.

3. CHUYỂN NHƯỢNG VÀ HỢP ĐỒNG PHỤ

- (a) Nhà cung cấp sẽ không chuyển nhượng Hợp đồng hoặc bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo Hợp đồng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Mua.
- (b) Nhà cung cấp sẽ không hợp đồng lại Hợp đồng hoặc bất kỳ phần nào của Hợp đồng mà không có thông báo trước bằng văn bản cho Bên mua về việc hợp đồng lại đó, trong đó nêu đầy đủ các chi tiết của mỗi hạng mục sẽ được hợp đồng lại và nhà thầu phụ dự kiến. Bên Mua giữ quyền bác bỏ bất kỳ việc sắp đặt hợp đồng lại nào mà Bên Mua từ chối, trong thời hạn hợp lý từ khi nhận thông báo về việc hợp đồng lại. Quyền của Nhà cung cấp được hợp đồng lại sẽ không giảm trừ bất kỳ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà cung cấp theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào.

4. CÁC BẢN VẼ VÀ DỮ LIỆU KỸ THUẬT

- (a) Bất kỳ sai lệch hoặc thay đổi nào về bất kỳ các quy cách hoặc bản vẽ nào tạo thành một phần không thể tách rời của Hợp đồng đều tùy thuộc sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Mua. Nếu Nhà cung cấp cho rằng có bất kỳ sai sót hoặc mâu thuẫn nào trong các quy cách hoặc bản vẽ đó hoặc bất kỳ thay đổi nào cần thực hiện trong đó, Nhà cung cấp sẽ ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho Bên Mua. Các quy cách hoặc bản vẽ do Bên Mua cung cấp liên quan đến Hợp đồng sẽ được Nhà cung cấp giữ bí mật, và sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Mua, hoặc được Nhà cung cấp sử dụng trừ khi để thực hiện Hợp đồng.
- (b) Khi Bên Mua yêu cầu, Nhà cung cấp phải cung cấp các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật cho Bên Mua phê chuẩn và/hoặc cho các mục đích xác nhận. Tuy nhiên, bất kỳ việc chấp thuận nào như trên sẽ không ngụ ý rằng Bên Mua đã kiểm tra, xác minh, hoặc chịu trách nhiệm về tính chính xác của các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật ngoài các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật của Bên Mua.

5. QUYỀN SÁNG CHẾ

Nhà cung cấp sẽ hoàn toàn bảo đảm cho Bên Mua không phải chịu tất cả các khiếu nại, trách nhiệm, hư hại, mất mát, chi phí và phí tổn liên quan đến sự vi phạm hoặc vi phạm bị quy kết của bất kỳ bằng sáng chế, thiết kế đã đăng ký, nhãn hiệu thương mại, nhãn dịch vụ, bản quyền, hoặc bảo hộ tương tự nào phát sinh từ bất kỳ việc nào do Nhà cung cấp hoặc các nhà cung cấp phụ hoặc nhà thầu phụ của Nhà cung cấp thực hiện có liên quan đến Hàng hóa hoặc Dịch vụ theo Hợp đồng hoặc bất kỳ việc sử dụng nào từ đó, hoặc việc Bên Mua bán lại các Hàng hóa.

6. KIỂM SOÁT QUI TRÌNH, KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

- (a) Bên Mua sẽ được quyền theo ý muốn của mình và sau khi gửi thông báo hợp lý đến Nhà cung cấp, kiểm soát tiến trình của Nhà cung cấp trong việc thực hiện Hợp đồng, kiểm tra hàng hóa và/hoặc các vật tư được sử dụng liên quan đến việc đó, và thực hiện các thử nghiệm như được hoặc có thể được mô tả trong Hợp đồng trong khi chế tạo các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ và trước khi giao các Hàng hóa đó, hoặc hoàn tất các Dịch vụ đó. Nhà cung cấp phải cấp cho Đại diện của Bên mua mọi phương tiện cho các mục đích như vậy kể cả việc tiếp cận các công việc của Nhà cung cấp (hoặc các nhà thầu phụ của Nhà cung cấp) tại tất cả các thời điểm hợp lý. Bất kỳ việc kiểm soát, kiểm tra và thử nghiệm như trên sẽ không giảm trừ cho Nhà



cung cấp bất kỳ nghĩa vụ nào của Nhà cung cấp theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào, hoặc khỏi các nghĩa vụ hiện có theo luật hiện hành của Việt Nam.

- (b) Tất cả các Hàng hóa sẽ được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm chức năng để bảo đảm rằng chúng ở trong điều kiện thỏa đáng trước khi giao. Bất kỳ các Hàng hóa nào nhận tại Việt Nam mà bị phát hiện không được cung cấp theo Đơn đặt hàng/Dịch vụ hoặc bị khiếm khuyết hoặc trong tình trạng không thỏa đáng do thiết kế sai, vật tư kém chất lượng hoặc tay nghề không đạt chuẩn sẽ được trả lại cho Nhà cung cấp bằng chi phí và phí tổn của Nhà cung cấp và Nhà cung cấp phải cố gắng hết sức để cung cấp hàng thay thế tương đương hoặc tốt hơn không chậm trễ và không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào cho Bên Mua.

7. GIAO HÀNG

Việc giao các Hàng hóa và/hoặc hoàn thành các Dịch vụ sẽ tuân thủ những yêu cầu và chỉ dẫn của Hợp đồng.

8. CÁC QUI ĐỊNH VỀ AN TOÀN

Nhà cung cấp phải tuân thủ những nội quy an toàn của Bên Mua khi tiến hành việc giao hàng tới hoặc thực hiện công việc tại cơ sở của Bên Mua hoặc khi Hợp đồng yêu cầu lắp đặt hoặc lắp ráp bất kỳ sản phẩm, máy móc hoặc thiết bị hoặc hay vật tư nào khác tại cơ sở của Bên Mua (kể cả các cơ sở do Bên Mua thuê).

9. BẢO HÀNH

Hàng hóa được cung cấp cho Bên Mua sẽ mới nguyên với bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà cung cấp bao gồm các chi phí sửa chữa/thay thế cho hàng hóa đó. Trong thời gian bảo hành, trừ khi được quy định rõ trong các Chỉ dẫn riêng, hàng hư hỏng, thiếu hụt hoặc khiếm khuyết sẽ được gửi trả cho Nhà cung cấp để sửa chữa và/hoặc thay thế với toàn bộ cước phí (đến và từ Nhà cung cấp) sẽ do Nhà cung cấp tự chịu.

10. TRÁCH NHIỆM

- (a) Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm, bảo đảm và giữ cho Bên Mua tránh khỏi tất cả các thiệt hại và khiếu nại về thương tích hoặc hư hại đối với các bên thứ ba hoặc bất kỳ tài sản nào của các bên thứ ba có thể phát sinh từ hoặc do hậu quả của việc cung cấp các Hàng hóa và/hoặc các Dịch vụ theo Hợp đồng, và tất cả các khiếu nại, yêu cầu, chi phí, tiền thù lao và phí tổn khác phát sinh liên quan đến hoặc thuộc về việc cung cấp các hàng hóa và/hoặc dịch vụ.
- (b) Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm, bảo đảm và giữ cho Bên Mua tránh khỏi bất kỳ thiệt hại hay bồi thường nào phải trả theo luật liên quan đến hoặc do hậu quả của bất kỳ tai nạn hoặc thương tích nào đối với các nhân viên của Nhà cung cấp hoặc các nhân viên của các nhà thầu phụ của Nhà cung cấp, và liên quan đến bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại nào đối với tài sản, thiết bị và dụng cụ của họ trừ khi các thiệt hại hoặc mất mát là do sự cẩu thả của Bên Mua.
- (c) Không giới hạn những nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà cung cấp theo Hợp đồng, Nhà cung cấp phải thu xếp và duy trì với một công ty bảo hiểm có danh tiếng, khoản bảo hiểm đầy đủ để trang trải cho các trách nhiệm nói trên.

11. CHẤM DỨT

Bên Mua có thể chấm dứt Hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào trong trường hợp Nhà cung cấp cẩu thả hoặc vi phạm không có nguyên nhân. Nếu Bên Mua chấm dứt Hợp đồng không có nguyên nhân, Bên Mua phải hoàn trả cho Nhà cung cấp mọi chi phí đã phát sinh theo Hợp đồng và các chi phí có thể tính cho Bên mua (trên cơ sở trả thù lao công bằng) cho tới và kể cả thời điểm chấm dứt đó, cộng một số tiền sẽ do các Bên thỏa thuận, tương trưng cho lợi tức hợp lý của Nhà cung cấp đến thời điểm đó.

12. NHÂN SỰ CỦA NHÀ CUNG CẤP

Trừ khi được quy định riêng biệt trong Hợp đồng, Nhà cung cấp phải tự mình chịu trách nhiệm về và đáp ứng mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc Nhà cung cấp tuyển dụng nhân sự cần cho việc hoàn thành Hợp đồng.

13. VẬN CHUYỂN

Việc vận chuyển nhân sự, hàng hóa, máy móc và thiết bị sẽ do Nhà cung cấp chi trả và chịu trách nhiệm trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng.

14. KHÔNG CUNG CẤP

Nếu Nhà cung cấp không cung cấp các Hàng hóa hay các Dịch vụ quy định trong Hợp đồng, thì, cho dù Nhà cung cấp có thực hiện bất kỳ biện pháp khắc phục nào khác đối với Bên Mua, tất cả các khoản tiền Bên Mua phải trả theo Hợp đồng sẽ bị ngưng lại kể từ khi bắt đầu không cung cấp và trong suốt thời gian không cung cấp

15. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (a) Hợp đồng được điều chỉnh bởi và sẽ được giải thích theo luật pháp Việt Nam.
- (b) Các Bên phải cố gắng giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Hợp đồng hoặc bất kỳ quyền, nhiệm vụ hoặc trách nhiệm của bất kỳ Bên nào liên quan đến Hợp đồng bằng thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên không đạt được giải pháp bằng thương lượng và hòa giải, tranh chấp sẽ được đưa ra, và giải quyết theo các quy tắc trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam để phân xử tại Việt Nam. Các Bên thỏa thuận tuân thủ bất kỳ quyết định hoặc lệnh trọng tài nào được đưa ra theo việc phân xử đó và quyết định hoặc lệnh đó sẽ là chung thẩm và ràng buộc các Bên.
- (c) Việc bắt đầu các thủ tục trọng tài theo Điều này sẽ không ảnh hưởng đến việc các Bên tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào. Khi bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc khi tranh chấp đang được trọng tài phân xử, trừ những vấn đề đang tranh chấp, các Bên phải tiếp tục thực thi các quyền tương ứng còn lại, và thực hiện các nghĩa vụ tương ứng còn lại theo Hợp đồng.

16. THUẾ

Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, các quy định sau đây sẽ được áp dụng:

- (a) Nhà cung cấp được xem là đã biết và đã tự tìm hiểu đầy đủ về các nghĩa vụ của Nhà cung cấp theo luật thuế Việt Nam liên quan đến Hợp đồng này.
- (b) Nhà cung cấp phải nộp bất kỳ khoản thuế nào tính cho Nhà cung cấp một cách thích hợp và hợp pháp. Hơn nữa, Nhà cung cấp phải bảo đảm việc bất kỳ nhà thầu phụ nào của Nhà cung cấp nộp các khoản thuế liên quan đến các hoạt động theo Hợp đồng.



CHỈ DẪN RIÊNG

1. THÀNH PHẦN ĐƠN HÀNG

Các tài liệu sau đây là phần không thể tách rời của ĐƠN HÀNG này:

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số E-HSMT _____;
- Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) và các văn bản, tài liệu liên quan của Nhà thầu nộp theo yêu cầu của E-HSMT số _____ này;
- Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) số _____ và các tài liệu làm rõ của NCSP cho gói thầu v/v “*Kiểm tra hệ thống bảo vệ điện hóa (Cathodic Protection System) của các bồn chứa và ống dẫn khí trên bờ của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn (NCSP)*”.

ĐƠN HÀNG có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu mở bảo lãnh Thực hiện đơn hàng

2. GIÁ TRỊ CỦA ĐƠN HÀNG DỊCH VỤ

Tổng giá trị trọn gói của Đơn hàng Dịch vụ (ĐƠN HÀNG) là _____ VND (bằng chữ: _____ đồng) bao gồm VAT và mọi khoản chi phí về vật tư, nhân lực, vận chuyển, huy động trang thiết bị và nhân lực, quản lý phí v.v... (Đơn giá chi tiết như đính kèm tại Phụ lục 1 “Báo giá của Nhà thầu”).

Nếu không có văn bản điều chỉnh chính thức của NCSP, mọi hóa đơn của NHÀ THẦU có giá trị cao hơn giá trị ghi trên sẽ không được chấp nhận thanh toán.

3. ĐẠI DIỆN CỦA NCSP

Đại diện của NCSP cho ĐƠN HÀNG này là:

Ông _____ – Trưởng Phòng Kinh Doanh

NAMCONSON PIPELINE CO.

Nhà máy Xử lý khí Nam Côn Sơn,

Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh

Tel.: (0254) 3 864100 Fax: (0254) 3 864099

Liên hệ kỹ thuật: Ông _____ – <chức vụ: _____>

Ông _____ – <chức vụ: _____>

Điện thoại: (0254) 3864100 ext. _____

Liên hệ về Hợp đồng: Ông _____ – <chức vụ: _____>

Phòng Hợp đồng – Cung ứng Vật tư

Điện thoại: (0254) 3864100 ext. 2331



4. ĐẠI DIỆN CỦA NHÀ THẦU

Đại diện của Nhà thầu cho ĐƠN HÀNG này là:

Ông _____ – <chức vụ: _____>

<TÊN NHÀ THẦU _____>

<địa chỉ _____>

Tel.: _____ - Fax: _____

Liên hệ kỹ thuật: Ông _____ – <chức vụ: _____>

ĐT: _____

Liên hệ về Hợp đồng: Ông _____ – <chức vụ: _____>

ĐT: _____

5. PHẠM VI CÔNG VIỆC/DỊCH VỤ

Theo ĐƠN HÀNG này, Nhà thầu sẽ cung cấp nhân lực, trang thiết bị và vật tư để thực hiện “Kiểm tra hệ thống bảo vệ điện hóa (Cathodic Protection System) của các bồn chứa và ống dẫn khí trên bờ của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn (NCSP)” (“DỊCH VỤ”) bao gồm các hạng mục sau đây:

5.1 Phạm vi Công việc, bao gồm các công việc như qui định tại:

- Tài liệu đính kèm số 1 – “Phạm vi Công việc”;

5.2 Cung cấp nhân sự có kinh nghiệm, năng lực để thực hiện DỊCH VỤ, như liệt kê trong danh sách đính kèm tại Phụ lục 1 của ĐƠN HÀNG.

Trường hợp có thay đổi về nhân sự nói trên, Nhà thầu phải gửi thông báo (bằng văn bản hay email) ngay (tối thiểu 07 ngày trước khi tiến hành công việc) cho Đại diện của NCSP và chỉ được phép thay đổi khi có chấp thuận (bằng văn bản hay email) của Đại diện của NCSP.

Nhà thầu chỉ được phép thực hiện các hạng mục công việc không thuộc Phạm vi Công việc/ Dịch vụ nói trên khi được Đại diện của NCSP phê chuẩn bằng văn bản.

6. THỜI HẠN THỰC HIỆN DỊCH VỤ

DỊCH VỤ sẽ được thực hiện và hoàn thành trong vòng **45 (bốn mươi lăm)** ngày liên tục, dự kiến từ ngày __/__/202__, bao gồm cả thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ (nếu có). NCSP sẽ thông báo đến nhà thầu trước 05 ngày làm việc.

Tiến độ thực hiện DỊCH VỤ như chi tiết tại Phụ lục 1.

Thời hạn hoàn thành toàn bộ Công việc/ DỊCH VỤ dự kiến vào ngày __/__/202__. Nhà thầu cam kết thực hiện công việc đúng tiến độ (nêu trên) qui định tại ĐƠN HÀNG này.

Nhà thầu cam kết thực hiện công việc đúng tiến độ (nêu trên) qui định tại ĐƠN HÀNG này.



7. THANH TOÁN

NCSP thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản do Nhà thầu chỉ định trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn thành trọn vẹn Công việc và NCSP nhận được bộ chứng từ thanh toán từ Nhà thầu như sau:

Bộ chứng từ thanh toán bao gồm:

- Đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn VAT (bản gốc);
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc có xác nhận của Đại diện NCSP.

Tài khoản thanh toán:

- Đơn vị thụ hưởng: _____
- Số tài khoản: _____
- Ngân hàng: _____

Việc thanh toán sẽ không ảnh hưởng đến việc về sau này NCSP có quyền yêu cầu kiểm chứng sự chính xác của Hoá đơn của Nhà cung cấp và/hoặc giải phóng Nhà cung cấp khỏi trách nhiệm về bảo hành chất lượng DỊCH VỤ.

8. HÓA ĐƠN

Bản gốc Hóa đơn VAT (HÓA ĐƠN) và các chứng từ khác của Nhà cung cấp phải ghi rõ những chi tiết sau:

Tên Công ty: **CN TCT KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN –
CÔNG TY ĐƯỜNG ÔNG KHÍ NAM CÔN SƠN**
Địa chỉ: Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế: **3500410112-001**
Số Đơn hàng Dịch vụ: _____

HÓA ĐƠN và các tài liệu chứng từ khác phải được gửi bằng đường bưu điện ngay sau khi hoàn tất DỊCH VỤ tới địa chỉ của NCSP nêu trên cho KẾ TOÁN THANH TOÁN – Phòng Kế toán NCSP (ncsp.accountant@ncsp.com.vn) để giải quyết mọi yêu cầu về việc thanh toán.

Nhà thầu phải đảm bảo các hóa đơn tài chính xuất cho NCSP là hóa đơn hợp pháp, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan. Trường hợp hóa đơn của Nhà thầu đã xuất cho NCSP bị cơ quan chức năng tuyên bố không hợp pháp dẫn đến phát sinh các tổn thất về pháp lý, về thuế cho NCSP, Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho NCSP toàn bộ các tổn thất đó.

Nếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn thành công việc mà NCSP không nhận được hóa đơn tài chính hợp pháp, hợp lệ của NHÀ THẦU, NCSP sẽ có quyền từ chối thanh toán cho công việc đó.



Việc không tuân thủ các hướng dẫn nói trên sẽ dẫn đến việc HÓA ĐƠN bị hoàn trả hoặc thanh toán chậm trễ.

9. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN ĐƠN HÀNG

Hình thức Bảo lãnh qua ngân hàng:

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký ĐƠN HÀNG này, Nhà thầu phải thông báo bằng email/ fax cho NCSP về việc phát hành Bảo lãnh thực hiện Đơn hàng (theo mẫu trong Phụ lục số 02 dưới đây và là bộ phận không tách rời của ĐƠN HÀNG này) có giá trị _____ VND tương đương 5% (năm phần trăm) giá trị hợp đồng. Bảo lãnh này được phát hành bởi Ngân hàng lớn, được thành lập hợp pháp tại Việt Nam và được NCSP chấp nhận. Nhà thầu cũng phải thông báo cho NCSP số, ngày và toàn bộ nội dung của Bảo lãnh.

Nhà thầu chịu tất cả chi phí liên quan đến việc phát hành Bảo lãnh thực hiện Đơn hàng.

Nếu NCSP không nhận được Bảo lãnh có hiệu lực trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký ĐƠN HÀNG, NCSP có quyền hủy bỏ ĐƠN HÀNG vào bất cứ lúc nào mà không cần có sự can thiệp của tòa án hoặc trọng tài.

Nếu phải gia hạn thêm hiệu lực Bảo lãnh thực hiện Đơn hàng (vì lý do chậm hoàn tất dịch vụ, gia hạn thêm thời gian thực hiện dịch vụ...), Nhà thầu phải lập tức yêu cầu Ngân hàng Phát hành sửa đổi Bảo lãnh. Ngân hàng Phát hành phải thông báo cho NCSP tất cả các sửa đổi này thông qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Vũng Tàu.

Nếu NCSP sử dụng quyền rút Bảo lãnh thực hiện Đơn hàng, NCSP phải lập tức gửi cho Nhà thầu bản chụp thông báo gửi Ngân hàng.

10. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG

Nếu Nhà thầu không hoàn thành DỊCH VỤ đúng tiến độ đã cam kết (tại Điều 5 nói trên) thì NCSP có quyền phạt Nhà thầu với mức phạt lên đến 4% (bốn phần trăm) giá trị ĐƠN HÀNG cho mỗi tuần chậm tiến độ.

Nếu việc chậm trễ như nêu trên vượt quá 02 tuần, NCSP sẽ xem xét việc quyết định chấm dứt ĐƠN HÀNG. Trong trường hợp chấm dứt ĐƠN HÀNG, toàn bộ giá trị của Bảo lãnh thực hiện Đơn hàng sẽ bị rút.

Trong mọi trường hợp, tổng số tiền phạt vi phạm theo ĐƠN HÀNG này sẽ không vượt quá 8% giá trị ĐƠN HÀNG.

Mức phạt vi phạm và bồi thường đã được hai bên thỏa thuận và không cần sự can thiệp của Tòa án hoặc Trọng Tài. Số tiền phạt và bồi thường sẽ được trừ vào hóa đơn của Nhà thầu khi thanh toán hoặc trừ vào số tiền mà NCSP còn đang tạm giữ của Nhà thầu



trong các hợp đồng khác đang có hiệu lực giữa các bên vào thời điểm đó và/ hoặc Nhà thầu phải thanh toán ngay, nhưng không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày yêu cầu đầu tiên của NCSP, bằng cách chuyển khoản vào tài khoản do NCSP chỉ định, và/ hoặc NCSP sẽ rút Bảo lãnh thực hiện Đơn hàng.

11. KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ TUÂN THỦ

Mọi hạng mục Công việc thuộc Phạm vi Công việc/Dịch vụ sẽ được các Giám sát viên của NCSP giám sát về lĩnh vực qui trình làm việc, các qui định, qui chế về an toàn của NCSP áp dụng tại Nhà máy khí Nam Côn Sơn. Chỉ những hạng mục công việc nào tuân thủ các qui trình làm việc, các qui định về an toàn của NCSP mới được phép thực hiện.

Tất cả các máy móc, trang thiết bị, dụng cụ... NHÀ THẦU sử dụng để thực hiện Công việc phải phù hợp với yêu cầu của Công việc, có giấy chứng nhận thích hợp và phải được nhân viên phụ trách của NCSP kiểm tra an toàn trước khi đưa vào công trường.

Nhân sự của NHÀ THẦU trực tiếp tham gia thực hiện Công việc phải được trang bị đồ bảo hộ đầy đủ, phù hợp với yêu cầu của Công việc và tuân thủ các qui định của NCSP.

12. NGHĨA VỤ PHÁP LÝ

Bất kể các qui định tại Điều 10 của phần “Các Điều khoản Chung” đính kèm, Nhà cung cấp phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về bất kỳ sự hư hại đến tài sản nào của NCSP mà Nhà cung cấp gây ra trong quá trình thực hiện Công việc/ Dịch vụ.

13. BẢO HÀNH CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Nhà thầu cam kết bảo hành ít nhất 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, dưới hình thức mở bảo lãnh bảo hành 5% giá trị hợp đồng qua ngân hàng, hoặc NCSP giữ lại 5% giá trị ĐƠN HÀNG trong thời gian bảo hành.

Trường hợp bảo lãnh bảo hành qua ngân hàng: Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hoàn thành DỊCH VỤ và ký kết Biên bản nghiệm thu, Nhà thầu tiến hành mở bảo lãnh ngân hàng đối với việc bảo hành chất lượng DỊCH VỤ là 12 tháng (kể từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao cho NCSP và đưa vào sử dụng), với giá trị bảo hành là **13.019.000 VND** (bằng chữ: Mười ba triệu không trăm mười chín nghìn đồng) tương đương với 5% giá trị ĐƠN HÀNG.

Hết thời hạn bảo hành chất lượng công trình, nếu không có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa hai bên và Nhà thầu hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ bảo hành của mình theo hợp đồng, số tiền bảo hành nói trên sẽ được tự động hoàn trả cho Nhà thầu

14. QUI ĐỊNH VỀ AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG



NCSP tuân thủ nghiêm ngặt Quy định về An toàn – Sức khỏe – Môi trường, và yêu cầu Nhà thầu trong quá trình thực hiện đơn hàng này phải chấp hành mọi quy định trong và ngoài nước liên quan đến các vấn đề này.

Trong quá trình cung cấp dịch vụ và/hoặc hoàn thành công việc theo Đơn hàng Dịch vụ này tại các địa điểm thuộc phạm vi quản lý của NCSP, Nhà thầu phải luôn tuân thủ nghiêm ngặt Quy định về An toàn – Sức khỏe – Môi trường (Số HSE-3000-MP-0044) các hướng dẫn từ Đại diện của NCSP và các quy định về an toàn của NCSP.

Khi giao nhận hàng hóa/dịch vụ tại địa điểm của NCSP, ngoài các quy định và luật pháp của nước CHXHCN Việt Nam về an toàn đường bộ, Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn của NCSP được liệt kê dưới đây:

Yêu cầu đối với xe:

1. Xe chuyên chở phải phù hợp với mục đích sử dụng, đang trong điều kiện hoạt động tốt, được trang bị dây đeo an toàn (seatbelt) và những dây đeo này phải sử dụng được;
2. Số lượng người trên xe không được vượt quá tiêu chuẩn quy định của nhà sản xuất;
3. Hàng hóa chuyên chở phải được chằng buộc an toàn và không vượt quá tải trọng, giới hạn cho phép của nhà sản xuất.

Yêu cầu đối với lái xe:

1. Lái xe phải có bằng lái và sức khỏe phù hợp để vận hành xe;
2. Lái xe không được sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị liên lạc hai chiều khác trong khi điều khiển xe;
3. Khi xe đang chạy, mọi người ngồi trên xe phải thắt dây an toàn;
4. Lái xe không được sử dụng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác;
5. Người lái và khách đi xe mô-tô hoặc các phương tiện gắn máy phải đội mũ bảo hiểm.



TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM SỐ 1

PHẠM VI CÔNG VIỆC / DỊCH VỤ

“Kiểm tra hệ thống bảo vệ điện hóa (Cathodic Protection System) của các bồn chứa và ống dẫn khí trên bờ của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn (NCSP)”



PHỤ LỤC 1

Bao gồm các tài liệu:

1. Báo giá và cam kết của Nhà thầu
2. Danh sách Nhân sự
3. Tiến độ thi công



PHỤ LỤC 2

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên công ty*]
(sau đây gọi là công ty)

Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] và đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ ____ [*mô tả dịch vụ*] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong hợp đồng, nhà thầu phải nộp cho công ty bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*Ghi tên của ngân hàng*] ở _____ [*Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng*] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền tương đương **5%** (năm phần trăm) giá trị hợp đồng là _____ VND (*bằng chữ: _____*).

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho công ty bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn [*Ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của công ty thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ (ngày kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng cộng 60 ngày)

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

